Em học Việt-ngữ

Lớp tư

BỘ GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

PHẦN HỌC-SINH

Việt-Ngữ.

EM HỌC VIỆT-NGỮ

LỚP TƯ

SÁCH TẬP ĐỌC BẬC TIỂU-HỌC

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC XU

1969

Ông VĂN TRÍ

Từ nhà kho sách xưa
của Quán Ven Đường

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC

In lần thứ nhất : 1966
In lần thứ hai : 1969

TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌNG TUẤN
An Dân Tân Tạo, An Túc - 22031975

Soạn-thảo dưới sự hướng-dẫn của
Ông LÝ CHÁNH ĐỨC
Giám-Đốc Trung-Tâm Học-Liệu

Với sự tham-gia ý-kiến của
Ông ĐINH GIA DZU
Đại-diện Nha Tiểu-Học

BAN BIÊN TẬP

Soạn-giả
Ông VĂN CÔNG LẦU
Ông LƯU VĂN LÊ
Ông TRẦN TRỌNG PHAN
Ông NGUYỄN BÁ THỌ
Ông PHẠM VĂN VỆ

Chuyên-viên Giáo-dục
Cô TRẦN THỊ ĐÍNH
Bà NGUYỄN ĐĂNG HẢI
Ông NGUYỄN NGỌC KÍNH

Họa-sĩ
Ông LÊ CHÁNH
Ông CHI MAI

Nhạc-sĩ
Ông VĂN TRÍ

TỦ SÁCH
NGUYỄN TRUNG TUẤN

CÁC EM HỌC-SINH THÂN-MẾN

Chắc các em thấy quyển sách này được in đẹp-đẽ, tranh vẽ và bài soạn công-phu, khiến các em vui thích ham học.

Các em hãy giữ-gìn nâng-niu nó :

- Tay các em có sạch-sẽ, các trang sách mới không bị các vết bẩn của mực, bụi-bậm hoặc mồ-hôi.
- Nên lật mở các trang cho thong-thả, đừng để sách bị ai giằng-co làm rách nát hoặc cuốn góc. Nếu cần đánh dấu trang thì dùng một miếng giấy cứng nhỏ hoặc một cái tăm sạch ; đừng gấp nát trang giấy.
- Sách này còn dùng cho các niên-học sau, cho các em đến sau mượn, vậy các em đừng để ai vẽ gạch bậy-bạ. Các em đừng ghi-chú gì vào sách. Nếu cần lắm thì chỉ ghi rất nhẹ tay bằng bút chì để sau dễ tẩy đi (ví-dụ như trong sách Toán).
- Trong nhà, các em nên có chỗ để sách cho ngăn nắp, đừng vứt bừa-bãi, cũng đừng ấn nhét bừa đầy cặp khi đi học, mà phải để cho ngay-ngắn, tươm-tất, như thế sách mới lâu hỏng.

Giữ sách được sạch-sẽ, nguyên lành, các em sẽ tự-hào là học-sinh ngoan, làm vui lòng thầy, cô, và nhất là tránh được cho các em dùng sau khỏi bực mình vì sách bẩn hoặc hư, rách.

GIÁM-ĐỐC NHA TIỂU-HỌC VÀ GIÁO-DỤC CỘNG-ĐỒNG

LỜI NÓI ĐẦU

Học hết chương-trình Việt-ngữ lớp Năm, học-sinh đã đọc và viết được khá vững-vàng. Các em cũng bắt đầu biết sử-dụng ít nhiều khả-năng quan-sát, tìm-tòi suy-luận đã manh-nha trong tuổi thơ-ấu.

Biên-soạn quyển «Em học Việt-ngữ» lớp Tư chúng tôi vẫn trung-thành với nguyên-tắc giáo-dục mới : phát-triển toàn vẹn các năng-khiếu của trẻ thơ.

Ngoài ra, chúng tôi chủ-trương :

1) Hòa-hợp các môn tập đọc, ngữ-vựng, chánh-tả, tập viết thành một bài học duy-nhứt, bài học từ-ngữ, vì các môn học đó liên-hệ mật-thiết với nhau, bổ-túc lẫn nhau.

2) Dạy ngữ-vựng cho trẻ em ở trình-độ này không phải là định-nghĩa và cho học thuộc lòng những tiếng đem ra dạy mà là giúp trẻ hiểu và dùng tiếng, những tiếng đã biết rồi cũng như những tiếng sẽ học.

3) Tập đọc không phải chỉ đọc cho suông-sẻ, mà còn phải hiểu rõ ý-nghĩa bài đọc và cụ-thể hơn, diễn-tả điều hiểu biết bằng hành-động.

4) Xây-dựng bài học từ-ngữ qua 3 giai-đoạn của quá-trình tư-tưởng : quan-sát, phối-hợp, diễn-đạt.

Do đó, mỗi bài học từ-ngữ gồm các phần chánh sau đây :

a. Hướng-dẫn quan-sát *(em quan-sát, kể chuyện, suy-nghĩ, so-sánh....), tập cho học-sinh :*

— *quan-sát suy-luận.*

— *khai-thác kinh-nghiệm bản thân.*

— *kể chuyện, nhắc lại những điều mắt thấy, tai nghe liên-quan đến bài học.*

b. Hướng-dẫn phối-hợp *(em đọc bài, em tập nói chuyện và học tiếng), tập cho học-sinh :*

— *đọc bài có sẵn những tiếng sẽ học (các tiếng mới ấy được lồng trong câu chuyện kể hoặc đối-thoại, vừa vui vừa sát với trình-độ và hoàn-cảnh tâm-lý, tình-cảm của học-sinh).*

— *nhận-xét cách dùng tiếng trong câu, đôi khi nhờ trực-giác hiểu nghĩa tiếng mới.*

— *nói chuyện dựa theo bài tập đọc, đồng thời làm những câu trong ấy có tiếng đang học.*

c. Hướng-dẫn diễn-đạt *(Em thực-hành), hướng-dẫn học-sinh :*

— *Dùng tiếng đã học dưới nhiều hình-thức : làm điệu bộ, hành-động, chọn tiếng, điền tiếng vào câu...*

— *Kiểm-điểm những tiếng đã học dưới nhiều hình-thức : câu đố, trò chơi, bài hát....*

Quyển «EM HỌC VIỆT-NGỮ» gồm 64 bài học, phân-phối thành 8 chương và theo thứ tự diễn-tiến của câu chuyện mà nhân-vật chánh là NHƠN 7 tuổi, học-sinh lớp tư. Cuối mỗi chương có một hoặc hai bài hát vừa làm bài ôn, vừa giải-trí trẻ em.

Trình bày bài học như trên, chúng tôi hy-vọng quyển «EM HỌC VIỆT-NGỮ» sẽ thích hợp với phương-pháp hoạt-động. Các em học-sinh sẽ hứng-khởi làm việc ; mỗi bài học là một phiếu công-tác hướng-dẫn trẻ em quan-sát, tìm-tòi, ghi chép, xét-đoán, học-tập bằng kinh-nghiệm riêng, bằng tài-sức riêng qua nhiều cố-gắng và trong sự hăng say.

Các bạn giáo-viên sẽ điều khiển lớp học thêm phần linh-động, vui-vẻ, lý-thú và hiệu-quả. Các bạn sẽ làm nổi bật vai trò «khơi nguồn» và «hướng-dẫn sáng-tạo» của nhà giáo trong nghệ-thuật giáo-dục và trong hoàn-cảnh tân học-đường.

Tuy nhiên, bước đầu tránh sao khỏi sơ-sót. Chúng tôi thành-thật ước mong các bậc phụ-huynh cùng các bạn đồng-nghiệp vui lòng chỉ giáo.

Soạn-giả

Kính gởi quí bạn đồng-nghiệp

Như đã trình-bày trong lời nói đầu, chúng tôi biên-soạn quyển «EM HỌC VIỆT-NGỮ» lớp tư trên căn-bản phương-pháp hoạt-động. Các bài học được xây-dựng theo sự diễn-tiến của quá-trình tư-tưởng qua 3 giai-đoạn : quan-sát, phối-hợp và diễn-đạt.

Để việc sử-dụng quyển sách được hữu-hiệu, chúng tôi mạn phép đề-nghị cùng quý bạn đồng-nghiệp vài chi-tiết áp-dụng phương-pháp.

1) Nguyên-tắc áp-dụng phương-pháp :

a) Bài học phải duy-nhứt và liên-tục, nghĩa là không phân biệt ngữ-vựng, chính-tả, tập đọc, tập viết, mà chỉ có *bài học từ-ngữ*.

b) Lớp học phải có không-khí vui-vẻ, tự-do : học-sinh vui-vẻ dự phần và tự-do phát-biểu ý-kiến.

2) Cách áp-dụng phương-pháp :

a) Hướng-dẫn quan-sát : nhằm mục-đích vận-dụng các khả-năng căn-bản tinh-thần, vì trong khi quan-sát, học-sinh có dịp dùng trí nhớ, óc phân-tách so-sánh, tổng-hợp, xét-đoán.

Trong phần này, chúng tôi đã đưa ra nhiều hình-thức hướng-dẫn như quan-sát trực-tiếp, nhắc lại chuyện đã qua, kể chuyện, so-sánh... Giáo-viên có thể tùy hình-thức hướng-dẫn mà vận-dụng khả-năng học-sinh.

Giáo-viên có thể cho học-sinh chuẩn-bị trước ở nhà theo sự chỉ-dẫn trong sách. Công tác chuẩn bị có thể thực-hiện từng cá-nhân hoặc tập-thể (từng toán 3, 4 em), bằng sự hiểu biết riêng hoặc bằng cách hỏi han cha mẹ, anh em, bạn bè.

b) Hướng-dẫn phối-hợp : nhằm mục-đích liên-kết các điều quan-sát, nhận-xét, để tạo thành kiến-thức mới, liên-kết những tiếng đã biết rồi để hiểu những tiếng mới. Phần này, chúng tôi phân ra làm 2 đoạn : đọc bài và học tiếng.

Đoạn 1 : cho học-sinh đọc thầm trước để tự mình tìm hiểu và để sửa-soạn cho việc đọc lớn tiếng sau này được trôi chảy.

Đoạn 2 : nêu ra những câu hỏi về ý-nghĩa của bài đọc hoặc những câu hỏi gợi trí thông-minh để học-sinh tìm trong sách những câu thích-ứng mà trả lời hoặc những câu hỏi mở rộng tầm hiểu biết ra ngoài phạm-vi bài đọc để nhờ sự phối hợp trí-thức, học-sinh có thể trả lời được.

c) Hướng-dẫn diễn-đạt : nhằm mục-đích kiểm-điểm kiến-thức học-sinh bằng cách cho diễn-đạt kiến-thức ấy ra để thầy và bạn-bè hiểu được.

Có nhiều cách diễn-đạt tư-tưởng. Chúng tôi đề-nghị các hình-thức như : làm điệu bộ hành-động, chọn tiếng, điền tiếng, vẽ, đoán câu đố, đóng kịch.... Giáo-viên nên cho học-sinh thi-hành phần này một cách chính-xác, đứng-đắn và trọn vẹn.

Hướng-dẫn bài học từ-ngữ như đề-nghị trên đòi hỏi giáo viên nhiều cố-gắng, nhiều sáng-kiến và nhứt là «nhiều việc làm, ít lời nói». Nhưng, chúng tôi tin-tưởng rằng, bù lại, lớp học sẽ linh-hoạt và vui-vẻ, kết-quả sẽ chắc-chắn và thiết-thực.

Soạn-giả

MỤC-LỤC

CHƯƠNG I : NHÀ CỬA

			Trang
1.	Các thứ nhà : nhà tranh.	*Nhà tranh* . .	18
2.	Các thứ nhà : nhà lá.	*Nhà lá* . . .	20
3.	Các thứ nhà : nhà gạch.	*Nhà bà ngoại Nhơn*	22
	Học thuộc lòng :	*Nhà của ngoại tôi.*	25
4.	Các gian nhà	*Bên trong nhà ngoại*	26
5.	Đồ-đạc trong nhà	*Tủ thờ và bộ ván*	28
6.	Đồ-đạc trong nhà (t. t.)	*Thứ gỗ nầy qui lắm !*	30
7.	Đồ-đạc trong nhà (t. t.)	*Đồ đạc trong phòng ngủ*	32
	Học thuộc lòng :	*Bàn ghế nhà em.*	34
	Bài hát	*Nhà em* . .	36

CHƯƠNG II : GIA-ĐÌNH

8.	Gia-đình : ông, bà	*Ngoại có mệt không ?*	40
9.	Gia-đình : lễ-phép đối với ông bà, cha mẹ	*Đợi bà ngoại, ba, má lên đã !* . . .	42
10.	Dì, dượng	*Cháu có thương dì không ?* . . .	44
	Học thuộc lòng :	*Ngoại tôi* . .	46
11.	Cậu, mợ	*Cậu Hai là anh ruột của má*	48
12.	Bác trai, bác gái, chú thím.	*Bác Hai là anh ruột của ba !* . . .	50
13.	Cô, dượng	*Ba, má cháu có về chơi không ?* . .	52
	Học thuộc lòng	*Viếng thăm ông, bà*	55

14.	Công ơn cha mẹ	*Cô mua hàng để làm gì ?*	56
15.	Họ nội, họ ngoại	*Chị sẽ làm vừa lòng hai em*	58
	Học thuộc lòng :	*Giúp cha mẹ.* . .	60
	Bài hát :	*Ông nội em kể chuyện.*	62

CHƯƠNG III : ĂN UỐNG

16.	Thức ăn	*Ngày giỗ* . . .	66
17.	Vệ-sinh về ăn	*Nước mắm nầy cay* .	68
	Học thuộc lòng	*Thức ăn* . . .	70
18.	Đồ dùng đựng món ăn	*Mai giúp mẹ* . .	72
19.	Đồ dùng trong việc nấu ăn	*Khéo bề nghe con*	74
	Học thuộc lòng	*Chẳng ăn quả rong.*	77
20.	Nước uống	*Nước uống được* .	78
21.	Nước uống và vệ-sinh về nước uống.	*Chị cho em một ly nước đá*	80
	Học thuộc lòng :	*Bình nước của Tí* .	82
22.	Đồ dùng trong việc uống	*Nội có nhiều ly tách quá*	84
23.	Đồ — (t.t.)	*Mai pha trà.* . .	86
	Học thuộc lòng :	*Khuyên giữ vệ-sinh.*	89
	Bài hát :	*Thức ăn, nước uống.*	90

CHƯƠNG IV : QUẦN ÁO

24.	Quần áo Việt-nam : áo bà-ba, quần dài.	*Trong tiệm may* .	94
25.	Quần áo Việt-nam : áo ấm, áo cụt tay	*Áo may khéo quá !* .	96
26.	Quần áo Việt-nam : áo dài, áo lá, quần cụt	*Má may gì đó ?* .	98
	Học thuộc lòng :	*Chiếc áo ấm.* . .	100
27.	Khăn, nón.	*Em muốn mua khăn.*	102
28.	Giày, dép	*Mang giày nóng chân quá !*	104
29.	Giặt quần áo	*Nhơn giặt khăn.* .	106
30.	Ủi	*Nhơn ủi khăn.* . .	108
	Học thuộc lòng :	*Nhờ ai.* . . .	110
	Bài hát :	*Quần áo chú em.* .	112

CHƯƠNG V : THÂN-THỂ

31.	Thân thể	*Nga vẽ hình người* .	116
32.	Mắt, mũi	*Trái ổi chín.* . .	118
33.	Miệng	*Trái nầy chát quá* . .	120
34.	Tai	*Cây đờn bầu* . .	122
	Học thuộc lòng :	*Bé Hùng* . . .	125
35.	Vệ-sinh về thân-thể : xỉa răng, đánh răng.	*Nga đánh răng* .	126
36.	Tay, chân	*Nhơn tập cỡi xe đạp.*	128
37.	Vệ-sinh về thân-thể : rửa tay.	*Cháu rửa tay chưa ?*	130
38.	Vệ-sinh về thân-thể : ngực	*Không nên dựa ngực vào bàn* . . .	132
	Học thuộc lòng :	*Tí khỏe mạnh.* . .	135
	Bài hát	*Em tôi.* . . .	136

CHƯƠNG VI : SÚC-VẬT

39.	Chó	*Con Vện* . . .	140
40.	Mèo	*Mèo mun* . . .	142
41.	Heo	*Bầy heo của bà nội Nhơn*	144

	Học thuộc lòng :	*Con Vện.* . . .	147
42.	Gà	*Con gà trống.* . .	148
43.	Vịt	*Bầy vịt.* . . .	150
44.	Trâu	*Con nghé.* . . .	152
	Học thuộc lòng :	*Gà gáy* . . .	155
45.	Bò	*Con bò của chú Năm* .	157
46.	Chăn nuôi	*Chú Năm nuôi bò.* .	158
	Học thuộc lòng :	*Xe ngựa* . .	161
	Bài hát :	*Gà mẹ giữ con.* . .	162

CHƯƠNG VII : **HỌC-ĐƯỜNG**

47.	Hiệu-trưởng	*Con tê có đau không ?*	166
48.	Hiệu-trưởng và phụ-huynh học-sinh	*Thư nói gì đó ba ?* .	168
49.	Giáo-viên	*Đi xem sở thú.* . .	170
	Học thuộc lòng :	*Giờ chơi.* . . .	172
50.	Giáo-viên (tiếp theo)	*Cô giáo của Nhơn.* .	174
51	Nam-sinh, nữ-sinh	*Lớp em đông quá!* .	176
52.	Học trò mới	*Anh học trò mới.* .	178
	Học thuộc lòng :	*Đôi bạn.* . . .	180
	Bài hát :	*Sân trường.* . .	182
53.	Học trò giỏi	*Người học trò giỏi.*	184
54.	Học trò trọng kỷ-luật	*Tiếng trống vào học* .	186
	Học thuộc lòng :	*Má Phương vào lớp Tí.*	188
55.	Bạn học	*Anh ấy dễ thương lắm.*	190
56.	Giúp-đỡ bạn	*Mình dùng chung một cái kéo được mà!*	192
57.	Thăm viếng bạn	*Chừng nào Châu đi học ?*	194
	Học thuộc lòng :	*Học trò giỏi.* . .	197
	Bài hát :	*Anh Tâm, ban em* .	198

CHƯƠNG VIII: **TRÒ CHƠI**

58.	Trò chơi : thả tàu	*Nhơn thả tàu.* . .	202
59.	Câu tuột	*Câu tuột.* . . .	204
60.	Ngựa gỗ	*Nhơn cỡi ngựa.* .	206
	Học thuộc lòng :	*Nhơn cỡi ngựa gỗ.* .	208
61.	Trò chơi xe lửa	*Chơi xe lửa.* . .	210
62.	Trò chơi : mèo bắt chuột	*Mèo bắt chuột.* . .	212
	Học thuộc lòng :	*Giấu khăn.* . . .	214
63.	Trò chơi : liệng banh	*Nhơn liệng banh.* .	216
64.	Trò chơi : trốn kiếm	*Trốn kiếm.* . .	218
	Học thuộc lòng .	*Nhảy dây.* . . .	221
	Bài hát :	*Mèo rình chuột.* . .	222

CHƯƠNG I

Nhà cửa

1. CÁC THỨ NHÀ : NHÀ TRANH

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Em đã thấy nhà tranh bao giờ chưa ?

— Nhà tranh lớn hay nhỏ ?

— Cột nhà tranh thường làm bằng cây gì ? (cau hay tre ?)

— Vách nhà tranh làm bằng gì ? (đất hay lá dừa ?)

— Nhà tranh vẽ trong hình có giống nhà tranh em đã quan-sát không ? Giống chỗ nào ? Khác chỗ nào ?

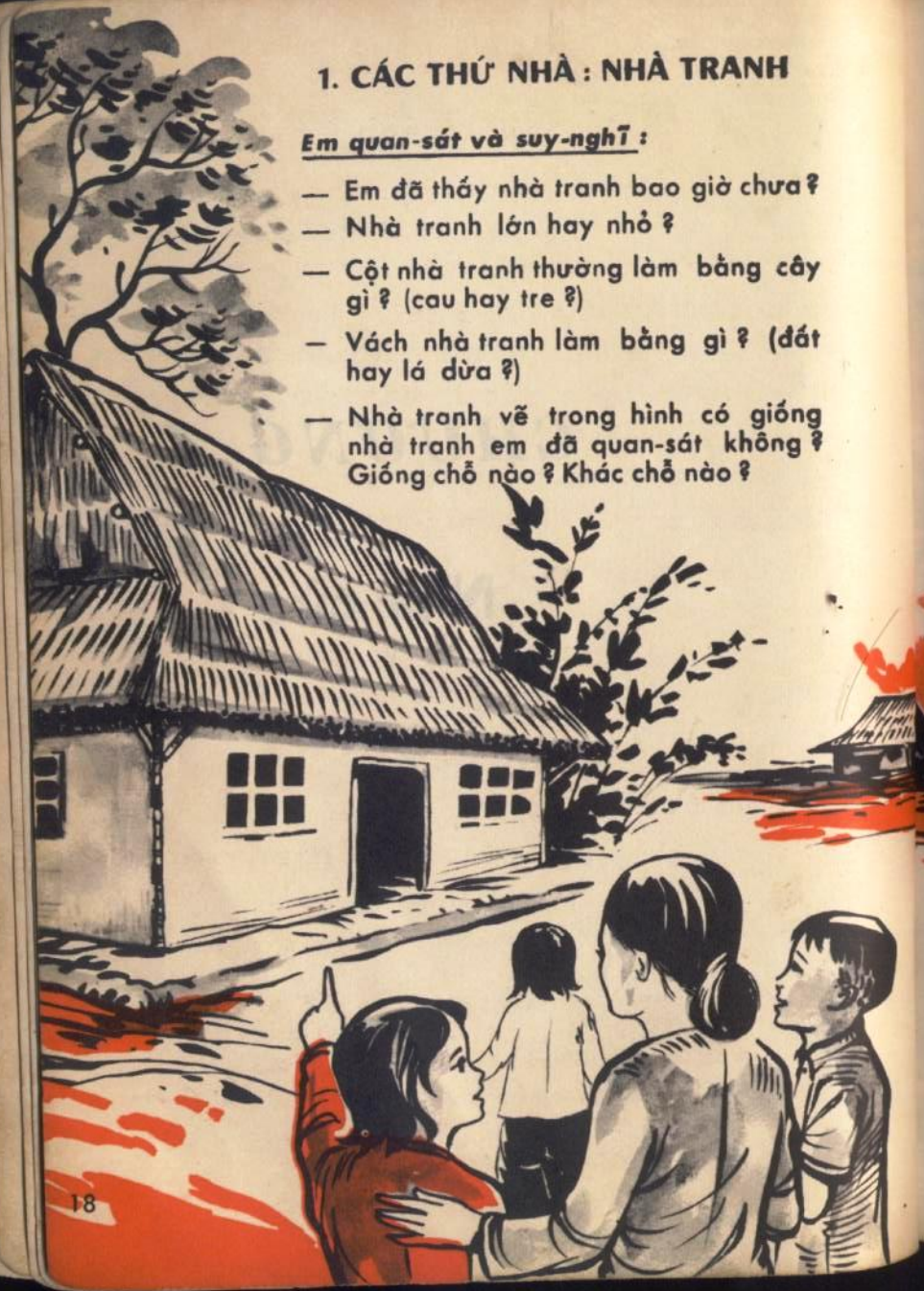

Em đọc bài :

Nhà tranh

Bà Hiền đưa Mai, Nhơn, Nga về quê thăm ngoại. Bốn mẹ con đi trên con đường đất vào làng. Nga chỉ một cái nhà nhỏ, hỏi :

— Cái nhà đó lợp bằng gì vậy, chị Hai ? Mai trả lời : — Nhà đó lợp bằng tranh, em à !

Nhơn xen vào : — Vách quét vôi trắng giống vách gạch quá !

Bà Hiền nói : — Vách bằng đất sét trộn rơm, con à ! Người ta tô khéo nên nó láng như vách gạch.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Mai, Nhơn, Nga theo bà Hiền đi đâu ?*

— *Nga chỉ cái nhà nhỏ hỏi gì ?*

— *Mai trả lời thế nào ?*

— *Vách nhà làm bằng gì ?*

— *Tại sao Nhơn bảo vách ấy giống vách gạch ?*

Em thực - hành :

- Em bắt-chước chú thợ hồ trộn cát với xi-măng, tô tường, quét vôi.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : nhà lợp bằng tranh thì gọi là . . . . . Vách nhà tranh thường làm bằng lá dừa hoặc bằng đất sét . . . . . rơm.
- Em đoán câu đố : Hai mái đều lợp bằng tranh. Cột cau, vách đất, đố anh nhà gì ?
- Em vẽ cái nhà tranh rồi tô màu.

2. CÁC THỨ NHÀ : NHÀ LÁ

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Mái nhà em lợp bằng gì ? Nhà lợp bằng lá dừa gọi là nhà gì ? Cột nhà lá thường làm bằng gì ? Vách nhà lá thường bằng gì ? (tre hoặc ván). Nhà lá với nhà tranh có khác nhau không ? Khác nhau chỗ nào ?

— Em hãy so-sánh nhà lá mà em đã có dịp quan-sát với nhà lá vẽ trong hình.

Em đọc bài :

Nhà lá

Nhơn dừng bước trước một căn nhà sát đường :
—Thưa má, nhà này lợp bằng lá gì vậy má ? Bà Hiền đáp :
—Lá dừa nước đó con ! Nhơn ngó lên nóc nhà, hỏi

—Thưa má, trên nóc nhà, người ta để gạch ngói chi vậy ?

— Người ta thường sắp nóc nhà bằng ngói và gạch. Nhờ vậy mà khi có gió lớn, mái không tróc nóc.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn dừng bước ở đâu ?*
— *Nhơn hỏi mẹ điều gì ?*
— *Bà Hiền trả lời thế nào ?*
— *Người ta sắp nóc nhà bằng vật gì ? Để làm chi vậy ?*

Em thực-hành :

• Em sắp sách vở trên bàn. Em sắp bốn cọng dừa thành hình cái nhà. Em chỉ mái, nóc, cột và nền của nhà trường.

Em đoán câu đố :

Xương sườn, xương sống nuốt trộng người ta,
Nuốt vô, nhả ra, người ta còn sống.

Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : lá, gạch, ngói, ván.

Ở thôn-quê, thường có nhiều nhà lá hơn nhà ngói. Mái lợp bằng . . . . và vách làm bằng . . . . Người ta thường sắp nóc nhà lá bằng . . . . . và . . . . . .

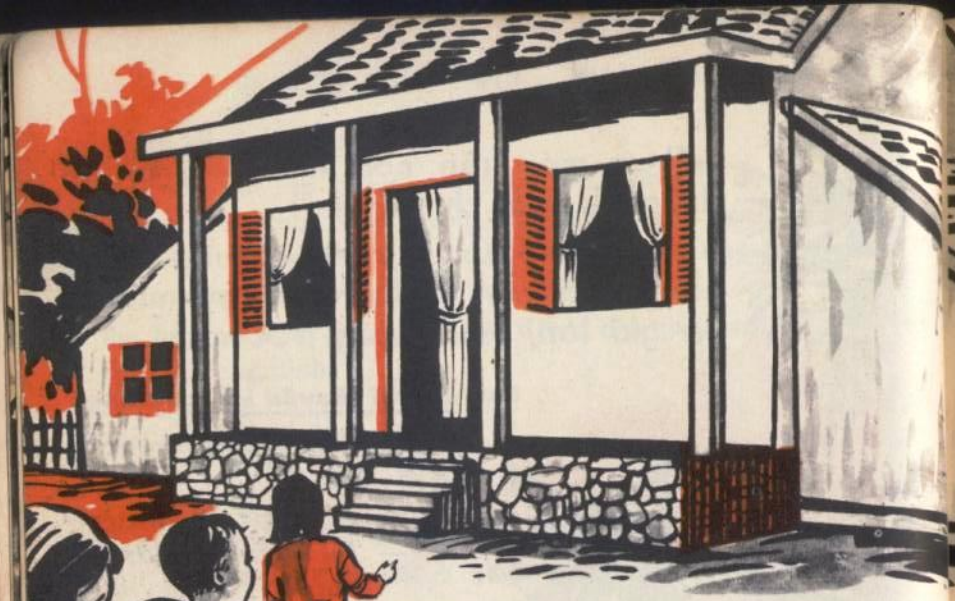

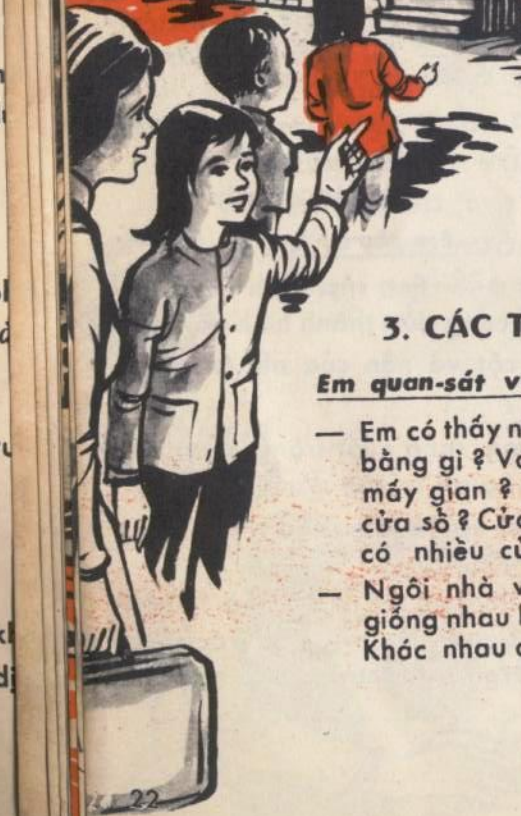

3. CÁC THỨ NHÀ : NHÀ GẠCH

Em quan-sát và so-sánh :

— Em có thấy nhà gạch không ? Nhà này lợp bằng gì ? Vách xây bằng gì ? Nhà em có mấy gian ? Có mấy cửa để ra vào ? Mấy cửa sổ ? Cửa nhà em sơn màu gì ? Nhà có nhiều cửa thì có lợi gì ?

— Ngôi nhà vẽ trong sách và nhà em có giống nhau không ? Giống nhau chỗ nào ? Khác nhau chỗ nào ?

Em đọc bài :

Nhà bà ngoại Nhơn

Tới trước nhà ngoại
Mai hỏi :
—Ngoại cất nhà mới
ở đây hả má ?
Bà Hiền đáp :
—Ngoại rời nhà ra gần mé sông
ở cho mát. Nhà mới lợp ngói,
vách gạch, gồm ba gian hai chái.
Trước nhà có mái hiên rộng.
Cửa cái, cửa sổ đều sơn xanh.
Vừa bước chân lên thềm, Nhơn reo :
—Nền nhà xây bằng đá, chị Mai ơi !
Cao quá, gần tới cổ em Nga lận !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Tại sao bà ngoại Nhơn dời nhà ra gần mé sông ?*
— *Nhà mới của bà ngoại Nhơn lợp bằng gì ? Vách xây bằng gì ? Nhà có mấy gian ? Mấy chái ?*
— *Trước nhà có gì ? — Cửa sơn màu gì ? — Nền nhà xây bằng gì ?*

Em thực-hành :

- Em dời cái ghế đến sát cửa cái. Em ra đứng dưới mái hiên trường. Em bắt-chước chú thợ hồ xây tường.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : xây, ngói, chái, gian, hiên.

Nhà bà ngoại Nhơn lợp . . . . gồm ba . . . . hai . . . . Nền nhà . . . bằng đá.
Trước nhà có mái . . . . . rộng.

HỌC THUỘC LÒNG

Nhà của ngoại tôi

1. Đây, nhà của ngoại tôi,
Nền gạch với tường vôi;
Trên mái, lợp ngói ống,
Nhà cất đã lâu rồi.

2. Trước nhà có trồng hoa,
Sau nhà có ao cá;
Có cả cây ăn trái,
Đẹp nhứt mấy vòng cà!

Câu hỏi :

— *Nhà trong hình nền bằng gì? Tường màu gì?*
— *Mái nhà lợp bằng gì?*
— *Sau nhà có gì?*
— *Mấy vồng cà thè nào?*

4. CÁC GIAN NHÀ

Em quan-sát :

— Bàn thờ nhà em đặt ở đâu ?
— Ba em tiếp khách tại phòng gì ?
— Bàn ăn nhà em kê chỗ nào ?
— Giường ngủ đặt ở đâu ?
— Nhà bếp ở phía trước hay ở phía sau nhà ?

Em đọc bài :

Bên trong nhà ngoại.

— Nhà ngoại rộng quá !

Mai vừa khen vừa đưa mắt nhìn khắp nhà: Từ bàn thờ ông bà ở gian giữa, đến phòng khách tại gian bên mặt, qua phòng ăn ở gian

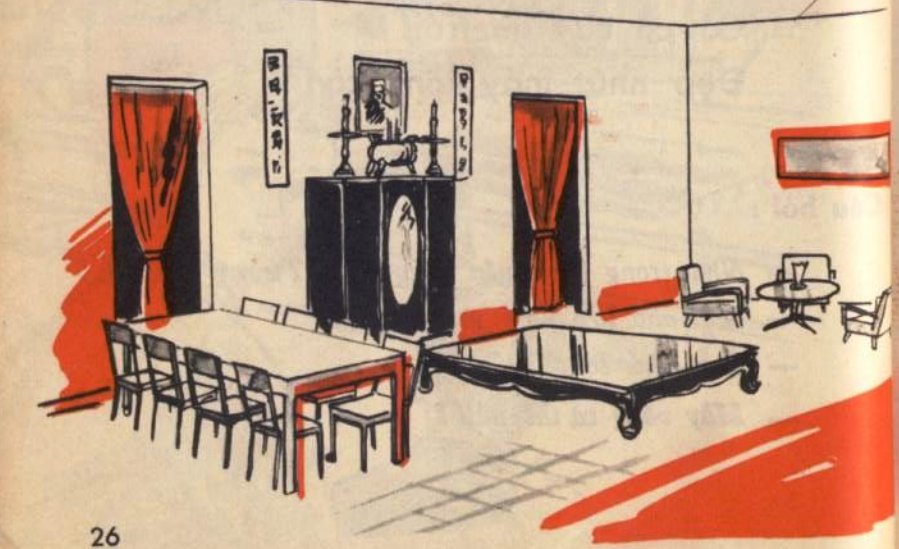

bên trái. Quan-sát xong, Mai hỏi cậu Út :

— Phòng tắm, phòng ngủ, nhà bếp đâu cậu ?

Cậu Út đáp : — Phòng ngủ, phòng tắm ở phía sau. Qua khỏi sân rộng kia là nhà bếp.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Mai khen nhà ngoại thế nào ?* — *Bàn thờ đặt ở đâu ?*
— *Hai gian hai bên dùng vào việc gì ?*
— *Phòng ngủ, phòng tắm, nhà bếp ở đâu ?*

Em thực - hành :

- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : phòng, gian, giữa, bếp.

  Nhà bà ngoại Nhơn có ba . . . . Gian . . . . bày bàn thờ ông ngoại Nhơn. Gian bên trái là . . . . khách. Gian bên mặt là . . . . . ăn. Phòng tắm và nhà . . . . . ở phía sau.

- Em xếp thành câu :

là	Bên trái	phòng ăn
ở	phía sau	Phòng tắm

- Em vẽ vào tập cái nhà có ba gian.

5. ĐỒ-ĐẠC TRONG NHÀ

Em quan-sát :

— Đồ-đạc trong nhà em gồm có những gì ?
— Có mấy bộ ván ? Để ở đâu ? Các bộ ván làm bằng gỗ gì ?
— Có mấy cái tủ ? Để ở đâu ? Mỗi tủ đựng những gì ?
— Trên tủ thờ có gì ?
— Nhà em có tủ hay bàn ghế cần không ?
— Người ta cần tủ hay bàn ghế bằng vật gì ?

Em đọc bài :

Tủ thờ và bộ ván

Nhơn rờ mặt tủ thờ, hỏi :
—Tủ này vẽ bằng nước sơn gì vậy, cậu ?

Cậu Út cười : —Không phải vẽ đâu !
Người ta cẩn bằng ốc xà-cừ đó cháu...

Nga chạy lại bộ ván đặt phía trước bàn thờ.
Hai tay bám vào cạnh ván, ỳ-ạch leo.

Cậu Út bước lại đỡ Nga lên...
Mai lấy tay vuốt mặt ván, khen :
—Bộ ván này liền trơn, tốt quá!

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn hỏi cậu Út điều gì ?*
— *Cậu Út trả lời thế nào ?*
— *Nga leo lên ván được không ? Tại sao ?*
— *Mai khen bộ ván thế nào ?*

Em thực-hành :

- Em bắt-chước người lực-sĩ leo dây, người thợ mộc leo thang, người làm vườn leo cây.
- Đố em :
  Bộ ván gồm ba tấm gọi là gì ?
  Bộ ván gồm bốn tấm gọi là gì ?
  Bộ ván chỉ có một tấm gọi là gì ?
  Bộ ván còn gọi là gì nữa ?

Em xếp thành câu :

đặt	Bàn thờ	giữa nhà
Tôi nằm	bộ ván	trên

6. ĐỒ-ĐẠC TRONG NHÀ (tiếp theo)

Em quan-sát :

— Trong phòng ăn của nhà em thường có những đồ-đạc gì ?
— Chung-quanh bàn ăn có đặt những vật gì ?
— Tủ chén đựng những gì ?

Em đọc bài :

Thứ gỗ nầy quí lắm !

Mai vừa lau bộ bàn ăn vừa hỏi :
—Thưa cậu, bàn ăn và ghế dựa nầy bằng gỗ gì, cậu ?

Cậu Út đáp : —Bằng gỗ bên, cháu à !
Nhơn chỉ tủ trà kê dựa tường, hỏi :
— Mặt tủ nầy phải bằng gỗ bên không cậu ?

Cậu Út lắc đầu : —Không phải, bằng cẩm-lai !
Thứ gỗ nầy quí lắm !
Mai khen : —Vân nó còn đẹp hơn vân mặt bàn nữa !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Bộ bàn ăn làm bằng gỗ gì ? — Mặt bàn ăn thế nào ?
— Nhơn hỏi cậu điều gì ? — Cậu trả lời thế nào ?
— Cẩm-lai và bên, thứ gỗ nào quí hơn ?

Em thực - hành :

- Em lau bàn. Em lau tay. Em kê bàn. Em kê tủ.
- Em chọn tiếng thích-hợp điền vào chỗ trống : ghế, bàn, kê, gỗ.

Trong phòng ăn của cậu Út có một cái . . . . . và tám cái . . . . . bằng gỗ. Tủ trà bằng cẩm - lai . . . . . sát tường. Cẩm-lai là thứ . . . . . quí.

- Em nói tên những đồ - đạc trong hình vẽ dưới đây (bàn, ghế, tủ).

7. ĐỒ-ĐẠC TRONG NHÀ (tiếp theo)

Em quan-sát :

— Phòng ngủ nhà em có những đồ-đạc gì ?
— Giường kê ở đâu ?
— Trên giường có trải gì ?

Em đọc bài :

Đồ-đạc trong phòng ngủ

Sau bữa cơm trưa, bà Hiền chỉ phòng ngủ, bảo :
—Mai dẫn hai em vào phòng ngủ đi con !
Nga lên giường nằm, nói :
— Nệm này dày, nằm thiệt êm !
Nhơn nói :— Nằm giường nệm nực lắm !

Em ngủ trên đi-văng nghe chị ! Mai gật đầu :
—Thôi hai em ngủ đi, đừng nói chuyện nữa !
Nói đoạn, Mai kéo ghế bố lại gần cửa sổ nằm nghỉ.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Vào phòng ngủ, Nga làm gì ?*
— *Nhơn nằm ở đâu ?*
— *Tại sao Nhơn không thích nằm nệm ?*
— *Mai nằm ở đâu ?*

Em thực-hành :

- Em kéo cái bàn lại cho ngay-ngắn. Em với bạn chơi kéo tay. Em với bạn em chơi kéo dây.

- Em kể những đồ-đạc trong hình vẽ trên đây :
- Em điền tiếng vào chỗ trống :

Trong phòng ngủ nhà ngoại Nhơn có kê một cái . . . một bộ . . . để nằm. Ngoài ra, còn có một cái ghế . . . để cạnh cửa sổ.

Bàn ghế nhà em.

Nhà em có ba gian,
Bàn ghế không được sang ;
Nhưng ai cũng khen đẹp,
Vì xếp đặt gọn-gàng.

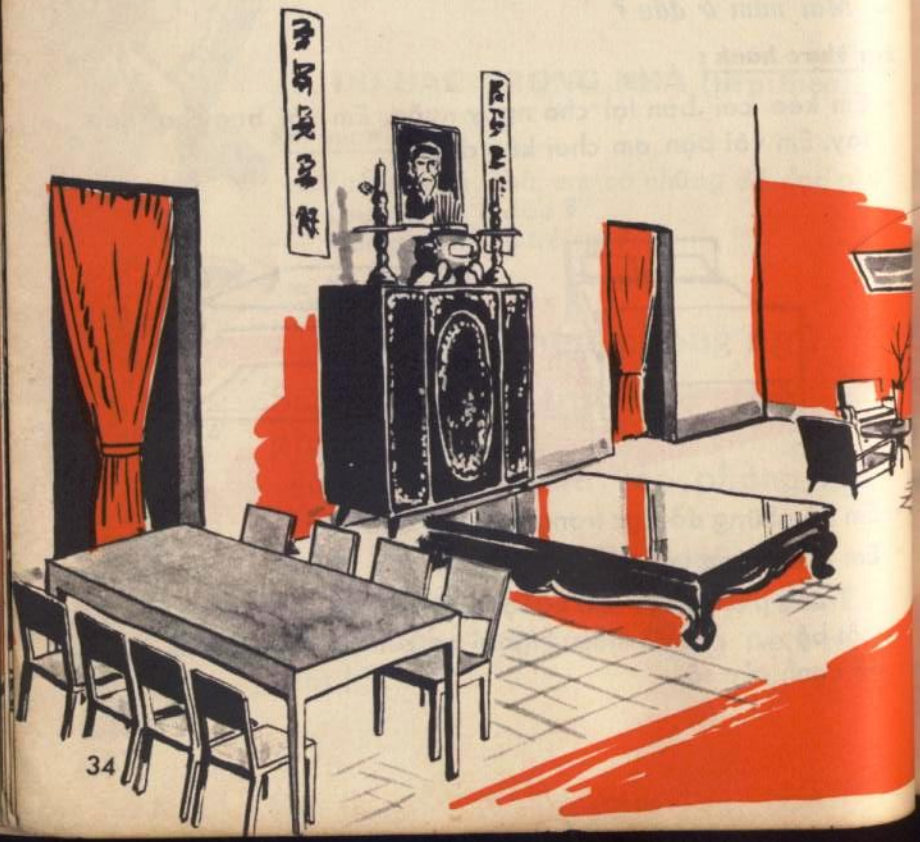

Đây là phòng tiếp khách.
Nọ phòng ngủ, phòng ăn.
Giường, tủ lau chùi sạch,
Bóng láng đẹp muôn phần.

Câu hỏi :

— Nhà em chia làm mấy gian ?
— Bàn ghế xếp đặt thế nào ?
— Giường tủ lau chùi ra sao ?

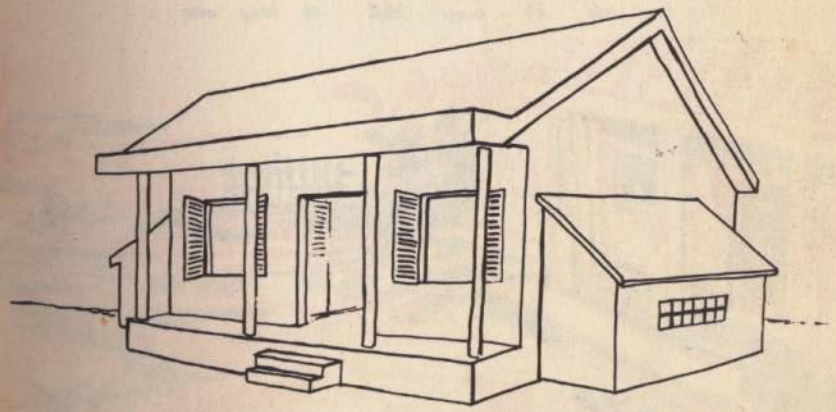

Nhà em

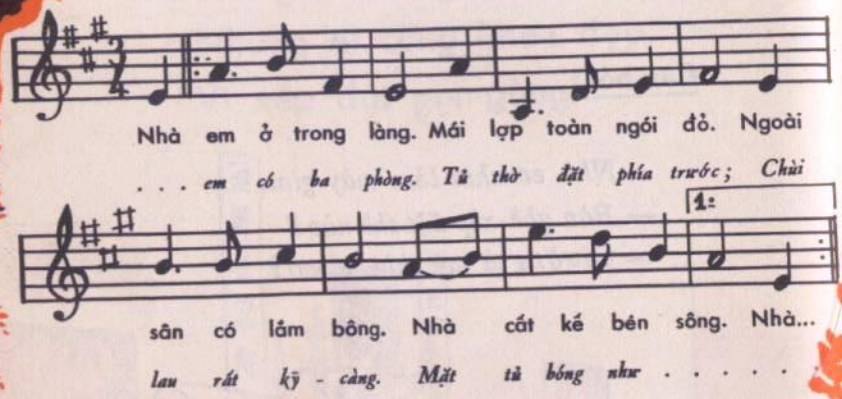
Nhà em ở trong làng. Mái lợp toàn ngói đỏ. Ngoài
. . . em có ba phòng. Tủ thờ đặt phía trước; Chùi
1.
sân có lắm bông. Nhà cất kế bên sông. Nhà...
lau rất kỹ - càng. Mặt tủ bóng như . . . . .

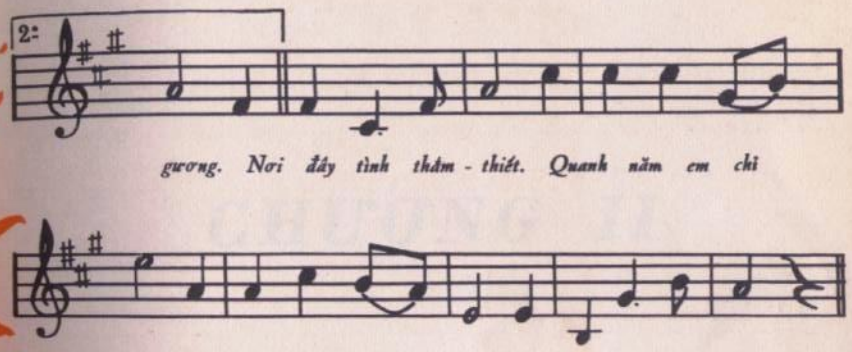
2:
gương. Nơi đây tình thâm - thiết. Quanh năm em chỉ
biết một cuộc sống êm - đềm. Sum - họp vui xiết bao!

CHƯƠNG II

Gia-đình

8. GIA-ĐÌNH : ÔNG, BÀ

Em quan-sát và kể chuyện :

— Em yêu mến ông bà lắm.
— Em đã làm gì để tỏ lòng yêu mến ấy ? Kể lại.

Em đọc bài :

Ngoại có mệt không ?

—Nhơn ơi ! ra mở cửa cho ngoại con !
Nghe bà gọi, Nhơn vội chạy ra mở cửa.
Nhơn mừng-rỡ, hỏi lăng-xăng :
—Ngoại đi chợ về đó hả ngoại ?
Ngoại có mệt không ?
Để con xách giỏ trầu cho ngoại.
Nhơn xách giỏ, nắm tay bà đi vào nhà...

Bà ngồi nghỉ trên bộ ván.
Nhơn lật-đật bưng nước đến mời :
—Thưa ngoại uống nước trà cho khỏe.
Bà ngoại Nhơn cầm tách nước, nhìn Nhơn sung-sướng.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Bà ngoại Nhơn đi đâu về ?*
— *Nghe bà gọi, Nhơn làm gì ?*
— *Nhơn hỏi bà điều gì ?* — *Kể đó, Nhơn làm gì ?*
— *Khi vào nhà, bà ngoại Nhơn ngồi đâu ? Còn Nhơn làm gì ?*

Em thực-hành :

- Em xách cặp. Em xách nước.
  Em bưng tách nước. Em bưng chồng tập.
- Em chọn tiếng : bưng, bồng.

  . . . . . em.
  . . . . . tách.
  . . . . . ly.

- Đố em :

  Mẹ của ba em, em gọi là gì ?
  Mẹ của má em, em gọi là gì ?
  Ba của ba em, em gọi là gì ?
  Ba của má em, em gọi là gì ?

9. GIA-ĐÌNH : LỄ PHÉP ĐỐI VỚI ÔNG BÀ CHA MẸ

Em quan-sát :

— Khi ông bà, cha mẹ gọi, em làm sao ?
— Trước khi đi đâu, em thưa với ông bà, cha mẹ thế nào ?
— Còn khi đi đâu về, em trình với ông bà, cha mẹ làm sao ?

Em đọc bài :

Đợi bà ngoại, ba má lên đã!

Cơm đã dọn xong, cậu Út bảo :
—Nhơn mời bà ngoại, ba má ăn cơm đi cháu !
Bà ngoại đang nằm trên võng.
Ba Nhơn đang ngồi gần đó xem báo.
Nhơn lại gần : —Thưa bà ngoại, thưa ba dùng cơm.
Mẹ đang dọn-dẹp ở nhà bếp.

Nhơn đến gần mẹ : — Thưa má, dùng cơm.
Nga lại bàn ăn, kéo ghế ngồi.
Mai cản em lại, nói nhỏ :
— Khoan em, đợi bà ngoại và ba má lên đã !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Cơm dọn xong cậu Út bảo Nhơn điều gì ?
— Nhơn nói gì với bà ngoại và với cha ?
— Nhơn lại gần mẹ để làm gì ? Ai lại bàn ăn kéo ghế ngồi ?
— Mai nói nhỏ gì với em ?

Em thực - hành :

- Khi mời một ông khách uống nước, em nói sao ?
  Khi mời một bà khách uống nước, em nói sao ?
  Khi mời bạn em ăn bánh với em, em nói sao ?
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống: sau, mời, ngồi
  Cơm đã dọn xong, Nhơn . . . . . bà ngoại, ba má dùng cơm.
  Bà ngoại, ba má và cậu Út của Nhơn . . . . . vào bàn trước.
  Nhơn đến ngồi . . . . . .
- Em chọn câu đúng :

  Mai cản không cho Nga lại ngồi vào bàn ăn vì :

  — Cơm dọn chưa xong.
  — Nhơn còn đi chơi.
  — Bà Ngoại và ba má chưa ngồi vào bàn.

10. DÌ, DƯỢNG

Em nhận-xét và suy-nghĩ :

— Em có mấy người dì ?
— Dì dượng em ở đâu ?
— Dì dượng em có thường tới nhà em không ? Trong dịp nào ?
— Em thương dì dượng em không ? Tại sao ?

Em đọc bài :

Cháu có thương dì không ?

Tối đến, cả nhà quây-quần dưới ánh đèn.

Bà ngoại âu-yếm nhìn Nga, nói:

—Từ bé đến giờ, cháu mới gặp dì dượng nó.

Dì Tư kéo Nga vào lòng, cúi xuống hôn lên trán em :

—Dữ hôn, lên năm tuổi, cháu mới biết dì. Cháu có thương dì không ?

Nga đáp : — Cháu thương dì như má cháu vậy.

— Cháu có thương dượng Tư không ?

— Dạ thương !

Dì Tư ngước mặt nhìn dượng Tư, cười :

—Cháu ngoan quá !

Dượng Tư có nghe cháu nói không ?

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Tối đến, cả nhà làm gì ?*
— *Bà ngoại nhìn Nga, nói gì ?*
— *Dì Tư kéo Nga vào lòng và hỏi gì ? Nga đáp thế nào ?*
— *Dì Tư hỏi tiếp gì nữa ? Nga trả lời thế nào ?*

Em thực-hành :

- Em cúi đầu xuống. Em ngẩng mặt lên.
- Em tìm những tiếng phản-nghĩa với : tối, xa, cười.
- Em xếp thành câu :

là	Dì Tư	chị của má em
Em	dì Tư em	thương

HỌC THUỘC LÒNG

Ngoại tôi

Ngoại tôi người già yếu.
Da mồi tóc điểm sương,
Đứng đi cần chống gậy,
Giọng nói đượm tình thương.
Ngoại tôi tuy già yếu,
Yêu nước vẫn đậm-đà.
Đêm đêm thường đọc sử,
Đôi khi mắt lệ nhòa.

Câu hỏi :

- *Ngoại em đã già chưa ?*
- *Da ra sao ? Tóc thề nào ? Giọng nói ra sao ?*
- *Ngoại đi đứng thề nào ?*
- *Ngoại có yêu nước không ? Tại sao em biết ?*

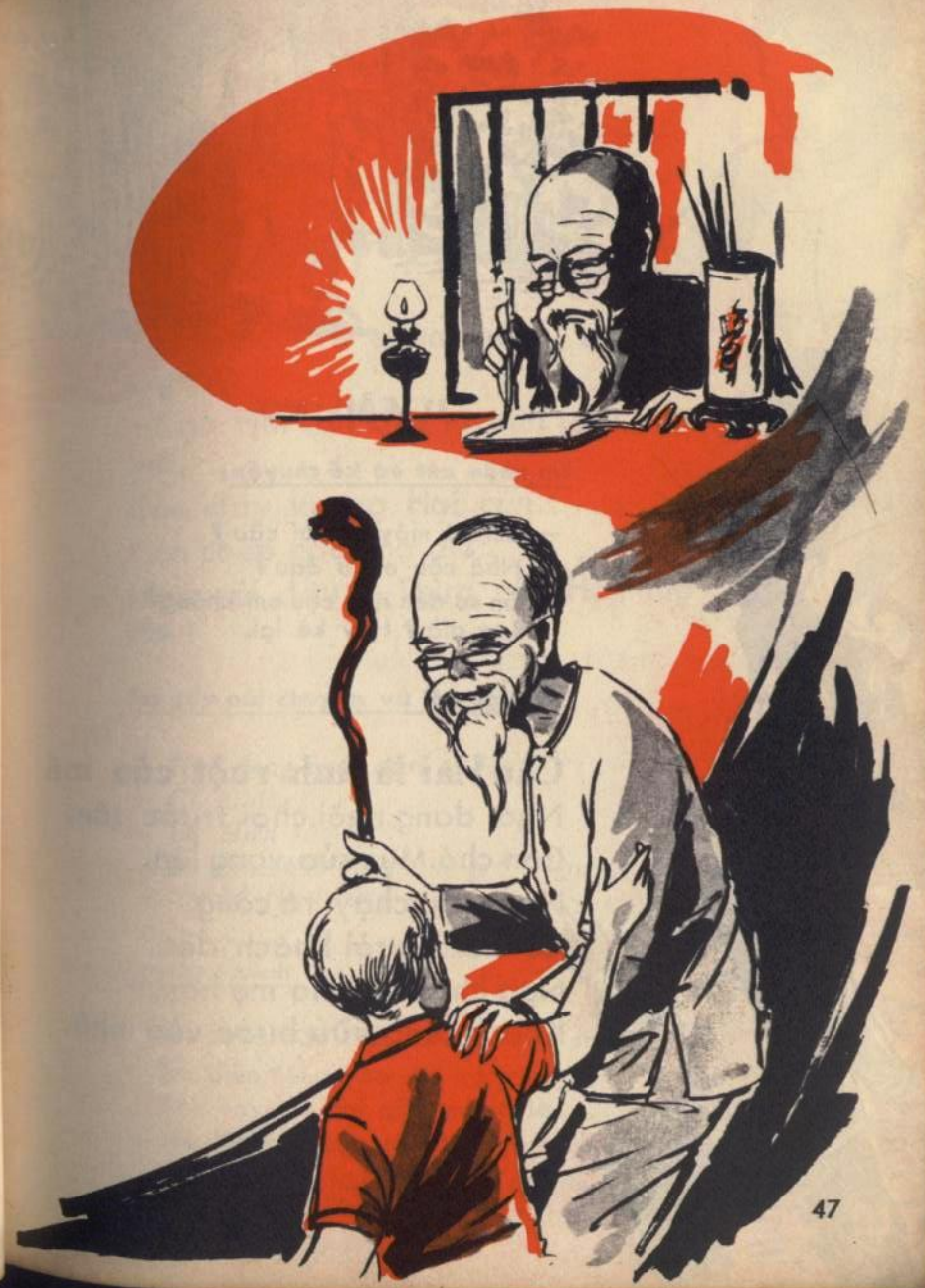

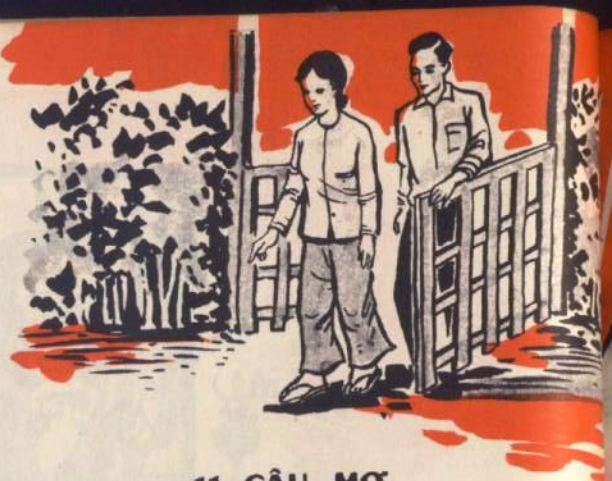

11. CẬU, MỢ

Em nhận xét và kể chuyện :

— Em có mấy người cậu ?
— Nhà cậu em ở đâu ?
— Em có đến nhà cậu em không ? Bao giờ ? Hãy kể lại.

Em đọc bài :

Cậu Hai là anh ruột của má
Nga đang ngồi chơi trước sân.
Con chó Mực sủa vang lên.
Nga vội chạy ra cổng.
Có hai người khách đến.
Nga chạy vô cho mẹ hay.
Khách cũng vừa bước vào nhà.

Bà Hiền vui-vẻ chào khách, và bảo Nga :
—Cậu Hai con đây là anh ruột của má.
Còn đây là mợ Hai con.
Con chào cậu, mợ đi !
Nga cúi đầu : —Thưa cậu Hai, mợ Hai !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nga đang ngồi chơi ở đâu ?*
— *Có ai đến ?*
— *Bà Hiền làm gì ?*
— *Bà Hiền bảo Nga làm gì ? Nga gọi anh của bà Hiền bằng gì ?*

Em thực-hành

- Em bước vào lớp. Em bước ra sân.
- Em điền tiếng vào chỗ trống :
  Anh hay em trai của má tôi là . . . . . của tôi. Vợ của cậu tôi là . . . . . của tôi.
- Em tìm tiếng phản nghĩa với : trước, vui.

12. BÁC TRAI, BÁC GÁI, CHÚ, THÍM

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Em gọi anh của ba em là gì ? — Em gọi em của ba em là gì ?
— Bác em với ba em, người nào lớn tuổi hơn ?
— Bác em với chú em, người nào nhỏ tuổi hơn ?
— Em gọi vợ của chú em là gì ?

Em đọc bài :

Bác Hai là anh ruột của ba !

Nhơn níu tay Nga chỉ về phía trước, nói :
— Nhà bác Hai kia kìa !
Nga hỏi : — Bác Hai là ai hả anh ?
— Bác Hai là anh ruột của ba !

Ông bà Hiền dẫn hai con bước vào nhà.

Bác Hai trai vui-vẻ chào ông bà Hiền và gọi con :
— Hòa ơi ! ra chào chú thím con nè !
Bác gái bảo Hòa lấy xoài chín đãi hai em. Hòa vừa gọt xoài vừa hỏi :
— Sao lâu quá mấy em không về chơi ?
Nhơn đáp : — Chúng em mắc đi học. Hôm nay nghỉ lễ mới về thăm hai bác được.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn chỉ về phía trước nói gì ?*
— *Nga hỏi gì ? Nhơn trả lời làm sao ?*
— *Bác Hai trai bảo Hòa làm gì ? Bác Hai gái bảo Hòa làm gì ?*
— *Hòa vừa gọt xoài vừa hỏi hai em điều gì ? Nhơn đáp thế nào ?*

Em thực-hành :

- Em gọt bút chì. Em gọt xoài.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : bác, gái, chú, thím.

  Ba của Nhơn có một người anh. Nhơn gọi người ấy là . . . . . trai. Vợ của bác trai, Nhơn gọi là bác . . . . .

  Ba của Nhơn còn có một người em trai, Nhơn gọi là . . . . Vợ của chú, Nhơn gọi là . . . .

- Em xếp thành câu :

đến nhà	Em thường	bác em
thân quê	ở	Nhà chú em

13. CÔ, DƯỢNG

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Ba em có mấy người chị ? — Ba em có mấy người em gái ?
— Em gọi chị của ba em là gì ?
— Em gọi em gái của ba em là gì ?
— Em gọi chồng của cô em là gì ?

Em đọc bài :

Ba má cháu có về chơi không ?

—Nhơn ơi ! cô Sáu, dượng Sáu về kìa !
Nghe Mai gọi, Nhơn chạy ra chào cô, dượng.

Cô Sáu vui-vẻ hỏi Nhơn :
—Ba, má có về chơi không, cháu ?
Nhơn thưa : —Dạ có ! Để cháu cho ba má cháu hay.
Nói xong, Nhơn chạy trước vào nhà. Cô Sáu, dượng Sáu thủng-thẳng vào sau.
Nhơn kề tai chị, nói :
—Ngộ quá ! Dượng Sáu là chồng của cô mình. Còn dượng Ba là chồng của dì mình há chị !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Mai gọi Nhơn nói gì ? — Nhơn chạy ra chào ai ?*
— *Cô Sáu hỏi Nhơn gì ? — Nhơn trả lời thế nào ?*
— *Ai vào nhà trước, ai vào nhà sau ?*
— *Nhơn kề tai chị nói gì ?*

Em thực-hành :

- Em đi thủng-thẳng. Em đi mau.
- Em tìm tiếng phản nghĩa với : sau, ngộ.
- Em chọn tiếng :

Chồng là :	*Vợ là :*
Chú	. . . . .
Cậu	. . . . .
Dượng	. . . . .
Bác trai	. . . . .

HỌC THUỘC LÒNG

Viếng thăm ông bà

Nghỉ hè Tí ở nhà,
Về quê thăm ông bà.
Trên xe, Tí hỏi mãi :
—Tới nhà nội chưa Ba ?
Tí vừa thấy mặt ông,
Em chạy ngồi vào lòng.
Vuốt-ve, ông hỏi Tí :
— Cháu có nhớ nội không ?

Câu hỏi :

— Nghỉ hè, Tí đi đâu ?
— Trên xe, Tí hỏi gì ?
— Thấy ông, Tí làm sao ?
— Ông Tí hỏi Tí gì ?

14. CÔNG ƠN CHA MẸ

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Ba me làm nghề gì để nuôi gia-đình ?
— Ai lo cơm nước, áo quần cho em ? Ai dạy dỗ em ?
— Em có được cha mẹ khen lần nào chưa ?
Nếu có, kể lại việc em đã làm.

Em đọc bài :

Cô mua hàng để làm gì ?

Vào trong nhà, cô Sáu mở giỏ ra. Nhơn, Nga tò-mò lại xem. Thấy gói hàng, Nhơn hỏi :
—Cô mua hàng để làm gì, cô Sáu ?

Cô Sáu đáp : —Để may quần cho ông nội, bà nội.
Nga khoe : —Cô Sáu à ! Ba má cháu mới mua cho nội áo lạnh nữa.

— Ông, bà đã nuôi-nấng ba con và cô cực-nhọc lắm. Bây giờ, bổn-phận con phải lo cho cha mẹ !
Nhơn xen vào : —Chừng cháu lớn, cháu cũng lo cho ba má cháu !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Khi cô Sáu mở giỏ ra, Nhơn, Nga làm gì ?*
— *Nhơn hỏi gì ? Cô đáp thế nào ? Nga khoe gì ?*
— *Tại sao ba má Nga lo-lắng cho ông nội, bà nội Nga như thế?*

Em thực-hành :

- Em mở sách ra. Em mở cửa.
  Em xếp sách lại. Em đóng cửa lại.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : dạy-dỗ, cha mẹ, thương yêu, công.

  Cha mẹ . . . . . con cái từ nhỏ đến lớn, ... con cái cho nên người . . . . . ơn cha mẹ lớn như trời biển. Bổn-phận làm con phải nuôi-nấng . . . . . .
- Em xếp thành câu :

núi Thái-sơn	như	Công cha	
Nghĩa mẹ	trong nguồn	như nước	chảy ra

15. HỌ NỘI, HỌ NGOẠI

Em quan-sát và suy-luận :

— Ông nội, bà nội em còn sống hay không ?
Ông nội em già hay trẻ ? Độ bao nhiêu tuổi ?
Họ nội em có những người nào ?
— Ông ngoại, bà ngoại em còn sống hay không ?
Ông ngoại em già hay trẻ hơn ông nội em ?
Họ ngoại em có những người nào ?

Em đọc bài :

Chị sẽ làm vừa lòng hai em

Thấy Mai ngồi xem báo, Nhơn, Nga chạy lại rủ :— Chị Mai, ra vườn nội hái quít ăn chơi, chị !

Mai nhìn hai em, cười :
—Chị sẽ làm vừa lòng hai em. Nếu hai em trả lời được câu hỏi này :

— Ông nội mình có máy người con ?

Nga giành trả lời :
—Bác Hai, cô Ba, bơ mình, chú Năm và cô Sáu. Tất cả là năm người
Nhơn xen vào : —Bà nội sanh ít hơn bà ngoại há chị ? Cậu Hai, dì Ba, dì Tư, má mình, dì Năm, cậu Út. Tất cả tới sáu người.
Mai khen : —Hai em giỏi quá !
Thôi ra vườn chị hái quít cho !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Nhơn, Nga rủ Mai đi đâu ? Mai hỏi gì ?
— Ai trả lời trước ? Bà nội Nga có mấy người con ?
— Nhơn xen vào nói gì ? Mai khen em thế nào ?

Em thực-hành :

- Em chọn tiếng đúng : cậu mợ, chú bác, cô dượng, dì dượng, bác trai, bác gái.
  — Họ nội gồm có : . . . . , ... , ... ,
  — Họ ngoại gồm có : . . . . , ... ,
- Họ nội em có những người nào ?
  Họ ngoại em có những người nào ?
- Em về nhà xin hình (ảnh) của ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cậu mợ, cô, dì, chú, bác... và dán vào tập ảnh những người bên nội riêng một trang, bên ngoại riêng một trang. Dưới mỗi hình, viết rõ : ông nội em, bà nội em, bác em, chú em, v.v...

Giúp cha mẹ

Chi lo mọi việc trong nhà,
Mỗi làn khách đến, pha trà bưng ra.
Có khi mẹ bận đi xa,
Chi xin nghỉ học ở nhà giữ em.
Chi thường được mẹ ngợi khen :
— Con tôi còn nhỏ đã quen việc nhà.

Câu hỏi :

— Khi có khách đến, Chi làm gì ?
— Khi mẹ bận đi xa, Chi xin nghỉ học làm gì ?
— Chi thường được mẹ khen thế nào ?

Ông nội em kể chuyện

Moderato

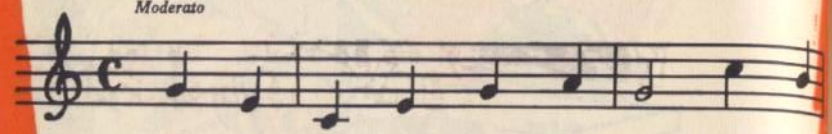

Ánh trăng rằm rung-rinh sáng soi. Ông nội

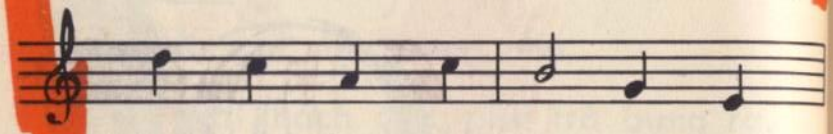

của em ngồi giữa sân. Chúng em

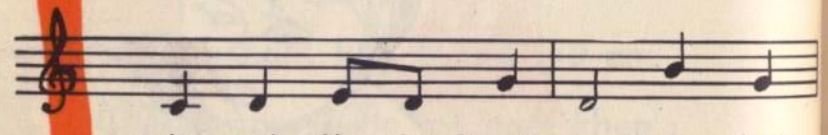

ngồi quanh đấy chăm-chú nghe. Nghe chuyện

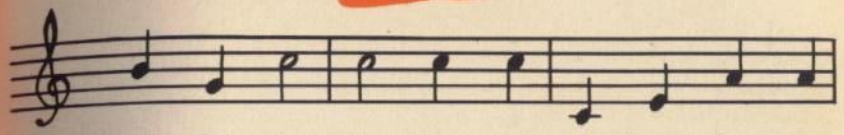

anh Cuội cây đa. Tiếng nói dịu-dàng nghe êm

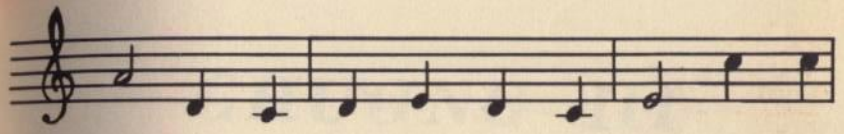

tai. Em ngồi mê mải nghe từng câu. Kể đến

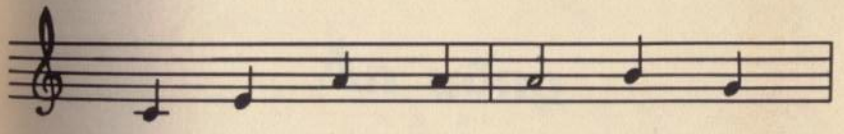

đoạn Cuội lên cung trăng, Ông nhìn

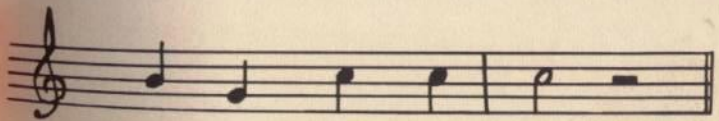

lên mặt trăng đăm chiêu.

CHƯƠNG III

Ăn uống

16. THỨC ĂN

Em quan-sát và suy-luận :

Hằng ngày em ăn cơm với những món ăn gì ?
Em thích những món ăn nào ?
Ngày giỗ, có những món ăn gì ?
Các món đó, em thích ăn món nào hơn hết ? Tại sao ?

Em đọc bài :

Ngày giỗ

Hôm nay là ngày giỗ ông cố của Nhơn .....
Nấu-nướng xong, các món ăn được múc ra.
Bà Hiền gọi : —Mai đâu, vô đây!
Mai dạ chạy vào. Nhơn, Nga cũng vào theo. Bà Hiền bảo :
—Bưng nem và thịt kho lên sắp trên bàn thờ trước đi Mai. Rồi xuống đây bưng tô giò hầm với gỏi sứa lên sau.

Day qua Nhơn, bà tiếp : —Dĩa mì xào đây con !
Nga đến gần mẹ, thỏ-thẻ :
—Thưa má, cho con bưng dĩa bánh này nghe !
Bà Hiền gật đầu. Nga mừng, cười chúm-chím, nối gót theo Nhơn.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Hôm nay là ngày giỗ ai ? Bà Hiền bảo Mai làm gì ?*
— *Bà bảo Nhơn bưng món nào lên cúng ?*
— *Nga xin mẹ làm gì ? Tại sao Nga chúm-chím cười ?*

Em thực-hành :

- Em bưng rổ, em bưng mâm, em bưng chồng sách.
- Em chọn tiếng đúng, rồi ghi số của tiếng ấy vào ô thích-hợp : kho (1), nấu canh (2), xào (3), chiên (4), nướng (5).

Thí-dụ : bông cải : ☐, 2, 3, ☐, ☐
thịt bò : ☐, ☐, ☐, ☐, ☐
cá lóc : ☐, ☐, ☐, ☐, ☐

17. VỆ-SINH VỀ ĂN

Em quan-sát và suy-luận :

— Trong các thứ thịt, em thích thịt gì ? Thịt phải nấu thế nào ăn mới khỏi bịnh ?

— Em thích ăn cá gì ? Ta có nên ăn cá ươn không ? Tại sao ?

— Em có thường ăn rau cải không ? Rau cải nào có thể ăn sống được ? Muốn ăn rau sống, phải làm thế nào ?

— Thứ rau nào phải nấu chín ?

Em đọc bài :

Nước mắm này cay

Cúng xong, cả nhà ngồi vào bàn dùng cơm.
Nga nói : —Cho con ăn nem, nghe má !
Bà Hiền đáp : —Nem là thịt sống, con không nên ăn ! Con ăn giò hầm cũng ngon vậy !

Mai tiếp lời mẹ :
—Em ăn cá nướng dễ tiêu lắm !
Nga dạ, gắp cá, định chấm vào nước mắm ớt.
Mai ngăn lại : —Nước mắm này cay. Để chị rót nước mắm khác cho em !
Thấy Nhơn xắn thịt kho, bà Hiền căn-dặn :
—Ăn thịt phải nhai kỹ, nghe con !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Nga muốn ăn món nào ? Bà Hiền khuyên Nga thế nào ?
— Mai khuyên Nga ăn món nào dễ tiêu ?
— Tại sao Mai không cho Nga chấm nước mắm ớt ?
— Thấy Nhơn ăn thịt, bà Hiền dặn gì ?

Em thực-hành :

• Em dùng tiếng đúng : xắn, xắt.
— Em . . . . thịt bằng đũa.
— Em . . . . thịt bằng dao.

• Em sắp theo thứ tự trước sau : nuốt cơm, nhai cơm, và cơm.

• Em kể tên những thức ăn hoặc uống thuộc các loại : cay, chua, mặn, ngọt.

. . . . . } cay . . . . . } mặn
. . . . . } chua . . . . . } ngọt

Thức ăn

Mẹ em đi chợ mới về.
Chị em soạn giỏ, bộn-bề thức ăn :
Thịt gà mua để xào lăn,
Tôm tươi làm gỏi, mụt măng hầm giò,
Dưa leo chấm nước cá kho,
Bánh mì ăn với thịt bò nướng chanh.

Câu hỏi :

— *Chị em làm gì khi mẹ em đi chợ về ?*
— *Thịt gà mua để làm gì ?*
— *Tôm tươi để làm gì ?*
— *Măng hầm với gì ?*
— *Dưa leo ăn cách nào ?*
— *Bánh mì ăn với món gì ?*

18. ĐỒ DÙNG ĐỰNG MÓN ĂN

Em quan-sát và kể chuyện :

— Ở nhà em, trong bữa cơm, má em dùng gì để đựng cơm ? đựng thịt kho ? canh ? nước mắm ?
— Khi ăn cơm xong, ai rửa chén bát ?
— Em có phụ với mẹ hay chị trong việc này không ?
— Hãy thuật lại việc em làm.

Em đọc bài :

Mai giúp mẹ

Cả nhà ăn uống xong, Mai lo dọn-dẹp.
Mai đem chén dĩa dơ đặt trên sàng nước (1)
Nhơn múc nước ra thau. Bà Hiền ngồi rửa chén...

Rửa xong, bà bảo Mai :
—Con đem úp tô, dĩa và chén vào rổ này.
Còn đũa, muỗng, thì để ở rổ kia !
Nhơn hỏi : —Sao không úp liền vào cũi (2) chén vậy má ?
— Phải phơi nắng cho ráo nước đã !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Mai làm gì khi cả nhà ăn xong ?*
— *Nhơn giúp được việc gì ?*
— *Ai rửa chén ?*
— *Bà Hiền bảo Mai úp chén và dĩa vào đâu ?*
— *Tại sao phải phơi nắng chén dĩa ?*

Em thực-hành :

- Em úp bàn tay trên bàn, em úp ly.
- Em chọn tiếng : chan canh, gắp thịt.
  Em dùng muỗng để . . . . .
  Em dùng đũa để . . . . .
- Em nói tên các hình vẽ sau đây : (chén, tô, dĩa, muỗng).

---

1. chỗ lót ván, cau hay tre như cái giường để rửa cho khỏi đọng nước.
2. chạn : đồ dùng để úp chén dĩa.

19. ĐỒ DÙNG TRONG VIỆC NẤU ĂN

Em quan-sát và so-sánh :

— Nhà em có những đồ dùng gì để nấu ăn ?

— Nồi đất dùng để nấu gì ? Chảo để làm gì ? Nồi nhôm để làm gì ?

— Khi nào dùng sạng (1) ? Khi nào dùng vá (2) ?

— Em hãy so-sánh đồ dùng để nấu ăn trong hình với những đồ dùng để nấu ăn ở nhà em. Những món nào nhà em còn thiếu ? Những món nào nhà em có mà trong hình không có ?

Em đọc bài :

Khéo bề nghe con !

Mai lấy nồi đồng ra chùi. Bà Hiền bảo :

— Con để nồi đồng, chảo, vá, sạng đó cho má. Má sẽ chùi bằng xơ dừa cho sạch. Con hãy rửa ơ (3) và tay cầm kia đi ! Khéo bề nghe con !

Mai hỏi : — Sao nội không dùng đồ nhôm cho tiện vậy má ?

— Vì nội thích cá kho ơ, cơm nấu tay cầm lắm.

---

1. bàn sàn, dụng-cụ nhà bếp dùng để trở đồ chiên xào.
2. muôi, dụng-cụ nhà bếp dùng để múc canh.
3. niêu, nồi đất nhỏ.

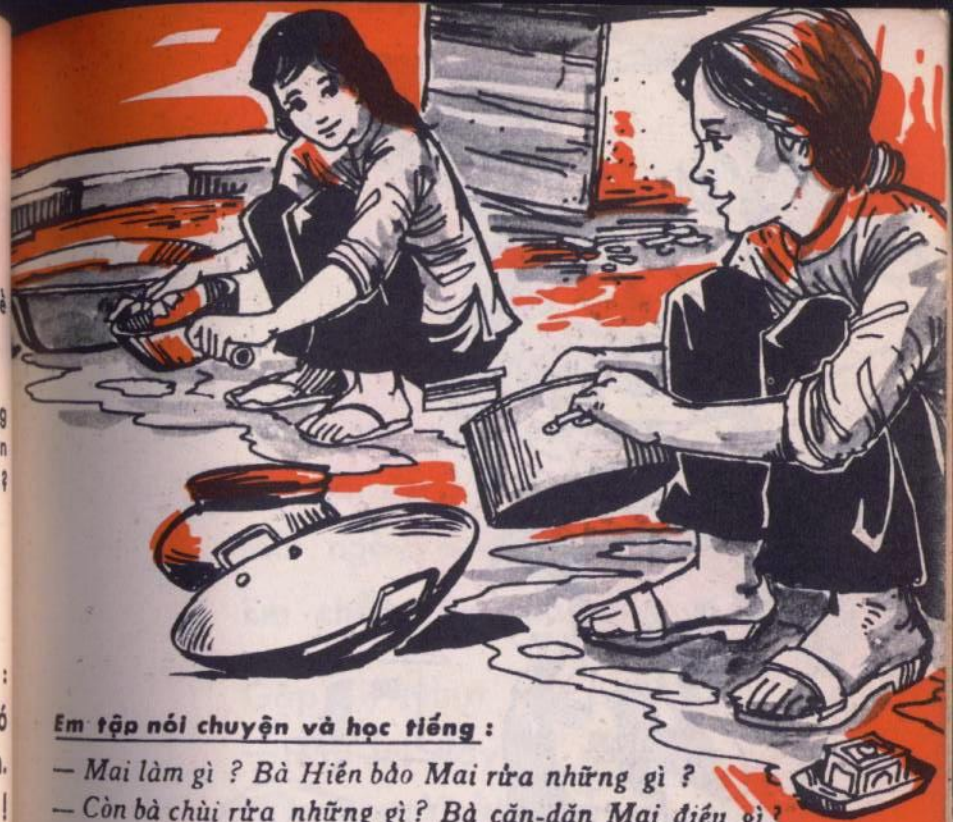

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Mai làm gì ? Bà Hiền bảo Mai rửa những gì ?*

— *Còn bà chùi rửa những gì ? Bà căn-dặn Mai điều gì ?*

— *Bà nội Mai còn dùng tay cầm và ơ bằng đất để nấu gì ?*

Em thực-hành :

• Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : chiên cá, kho thịt.

Mẹ em ..... trong chảo. Mẹ em ..... trong nồi.

• Em xếp thành câu :

nồi đồng	chùi	Bà Hiền	bằng xơ dừa

• Em vẽ vào tập hình nồi đất, chảo, ơ và viết dưới hình tên mỗi thứ.

Chẳng ăn quà rong

Quần áo đã mặc xong,
Tí ngồi ăn lót lòng.
Mỗi ngày em đi học.
Em chẳng ăn quà rong.

Gặp Tí, Nhựt mời ngồi :
—Hãy lại đây ăn xôi !
Tí tươi cười, khẽ bảo :
—Ở nhà, Tí ăn rồi !

Câu hỏi :

— *Mặc quần áo xong, Tí làm gì ?*
— *Tại sao Tí không ăn quà rong ?*
— *Nhựt mời Tí ăn gì ?*
— *Tí trả lời làm sao ?*

20. NƯỚC UỐNG

Em quan-sát và kể chuyện :

— Mẹ em nấu ăn, rửa-ráy, giặt gụa bằng nước gì ?

— Em thường uống nước chín hay nước trà ? Muốn có nước chín, người ta phải làm gì ?

— Em thấy mẹ hay chị em nấu nước pha trà. Em hãy kể lại.

Em đọc bài :

Nước uống được

Bà Hiền xách nước dưới giếng lên. Nhơn ngó vào thùng nước, hỏi :

—Nước giếng trong quá, uống được không má ?

Bà Hiền đáp :

—Được, nhưng phải lọc kỹ và nấu chín.

— Nhà nội có dùng nước này để uống không má ?

— Nội chỉ dùng nước này để nấu ăn, rửa-ráy, giặt-gụa. Còn uống thì có nước mưa chứa trong lu đậy kín đó !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Thầy mẹ xách nước giếng, Nhơn hỏi gì ?*
— *Bà Hiền trả lời thế nào?*
— *Bà nội Nhơn dùng nước giếng để làm gì ?*
— *Bà uống nước gì ?*
— *Nước mưa đựng ở đâu ? Tại sao phải đậy kín lu nước mưa?*

Em thực-hành :

- Em rửa tay, em rửa mặt. Em đậy bình mực. Em đậy ly nước.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : đổ, múc, rửa.
  Em . . . . . nước trong lu ra. Em . . . . nước ấy vào thau rồi em . . . . mặt.
- Em xếp thành câu:

mới uống được	phải nấu chín	Nước giếng
trong lu	chứa nước mưa	Bà nội Nhơn

21. NƯỚC UỐNG VÀ VỆ-SINH VỀ NƯỚC UỐNG

Em quan-sát :

— Em thường uống nước nấu chín hay nước lạnh (1) ? Tại sao không nên uống nước lạnh ?

— Nhà em, ai thích uống nước đá ? Ai thích uống nước trà ?

Em đọc bài :

Chị cho em một ly nước đá

Trời nắng gắt. Nga từ ngoài chạy vào nhà gọi: —Chị Mai ơi : cho em một ly nước đá.

Mai cười : —Nhà tôi chỉ có nước chín và nước trà thôi!

Bà nội Nga bước lại vuốt tóc Nga hỏi : —Cháu ưa nước đá lắm hả ?

1. nước lã.

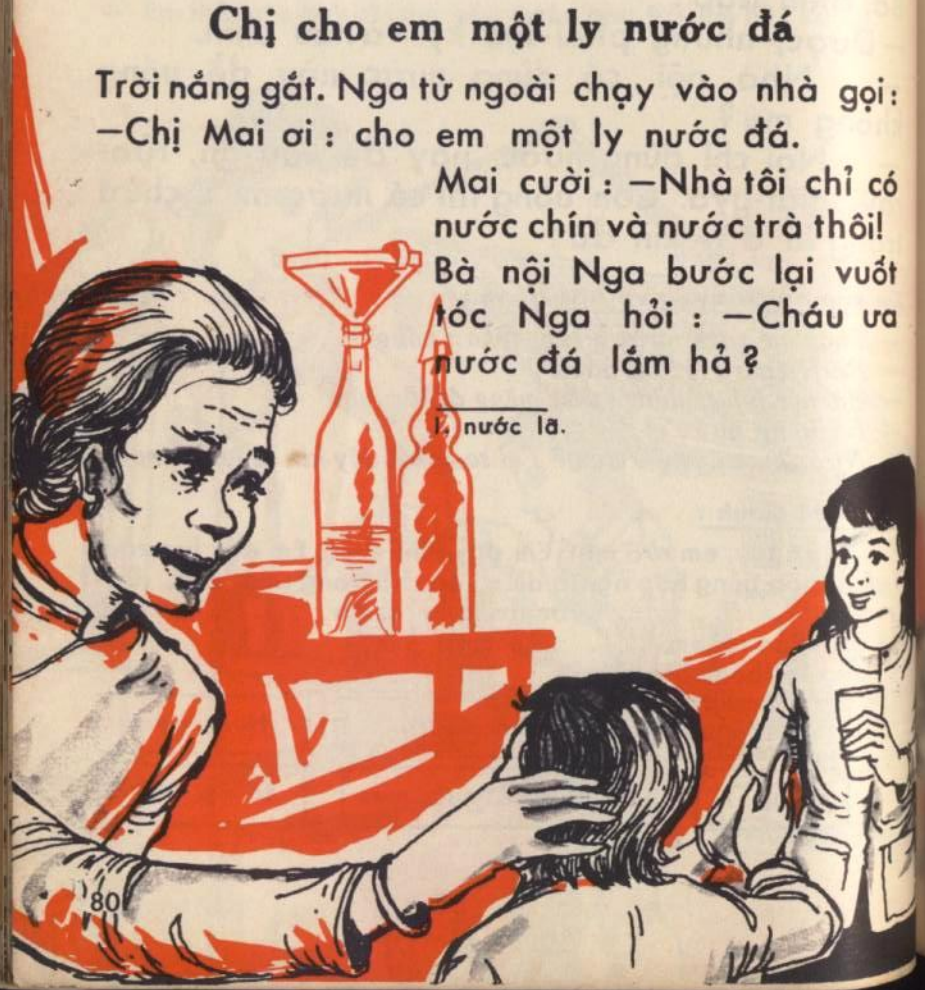

— Thưa, ở trên nhà, trưa nào cháu cũng uống nước đá. Nước đá uống mát lắm!

Mai tiếp : —Em chạy chơi mệt. Để chị rót cho một ly nước chín!

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Từ ngoài chạy vào nhà, Nga xin Mai gì ?*

— *Mai trả lời thế nào ?*

— *Bà nội Nga hỏi Nga điều gì ? — Nga trả lời thế nào ?*

— *Tại sao Mai khuyên Nga nên uống nước chín ?*

Em thực - hành :

- Em chặt nước đá. Em rửa nước đá. Em bỏ nước đá cục vào ly. Em quậy nước đá.
- Em viết vào tập những tiếng thích-hợp : nước sông, nước ao, nước trà, nước chín.

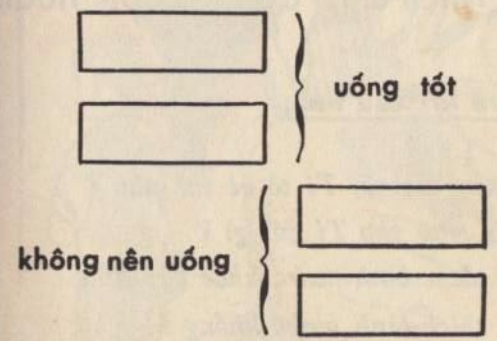

- Em vẽ chai nước đang lọc.

Bình nước của Tí

Mẹ Tí về tới nhà.
Tí mừng, vội chạy ra.
Mẹ trao Tí bình nước.
Tí đem vào khoe cha.
Tí cầm bình trên tay,
Rồi mang thử vào vai.
Ngắm mình trước tủ kiếng.
Thích-chí, đứng cười hoài.

Em trả lời câu hỏi :

— *Thấy mẹ về, Tí tỏ vẻ thế nào ?*
— *Mẹ trao cho Tí cái gì ?*
— *Tí đem bình nước khoe với ai ?*
— *Tí thích bình nước không ?*
— *Tại sao em biết ?*

22. ĐỒ DÙNG TRONG VIỆC UỐNG

Em quan-sát :

— Ở nhà em, nước uống chứa ở đâu ?
— Em dùng gì để múc nước trong lu ra ?
— Nước trà đựng trong cái gì ?
— Khi có khách đến, em rót nước trà vào chén, tách hay ly để mời khách ?

Em đọc bài :

Nội có nhiều ly tách quá !

Nhơn chỉ tủ chén, nói với Mai :

—Nội có nhiều ly, tách quá ! Có cả chén chung(1)giống hệt đồ chơi của Nga.

Mai hỏi :

—Chén để ở ngăn trên gần cái bình phải không?

Nhơn gật đầu. Mai tiếp : —Bộ đồ trà đó em !

Nhơn nhìn xuống ngăn dưới rồi nói :

—Còn có một bình trà nữa kìa ! Nhưng bình này ốm và cao quá !

— Không phải bình trà đâu ! Đó là cái nhạo (2) để đựng rượu, em à !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Nhơn chỉ tủ chén, nói gì với Mai ? Mai hỏi gì ?
— Ở ngăn trên có gì ? Nhạo để đựng gì ?

Em thực-hành :

- Đố em :
  - — bình tích dùng để làm gì ?
  - — bình thủy chứa nước gì ?
  - — cái ấm dùng để làm gì ?
- Em tìm tiếng phản nghĩa với : lên, trên, ốm, cao
- Em gọi tên các hình vẽ dưới đây : bình trà, ly, tách, chén chung.

1. chén hạt mít.
2. bình đựng rượu, có quai, có vòi.

23. ĐỒ DÙNG TRONG VIỆC UỐNG (tiếp theo)

Em quan-sát và kể chuyện :

— Nhà em có người nào uống nước trà ?

— Nước trà đựng trong cái gì ? Muốn cho nước trà lâu nguội, má em để bình-tích trong cái gì ?

— Em kể tên những đồ dùng đựng nước trong hình.

Em đọc bài :

Mai pha trà

Mai vừa nhúm lửa vừa bảo Nhơn :
—Em múc nước giùm chị đi !
Nhơn dạ, rồi múc nước đổ vào ấm.

Mai dặn :
—Múc nước xong, em nhớ úp gáo xuống nghe !
Mai bắc ấm nước lên bếp.
Đoạn Mai súc bình-tích rồi bỏ trà vào bình.
Nước sôi, Mai chế nước vô bình-tích.
Nhơn đậy giỏ bình lại và nói :
—Trà thơm quá, chị hai há !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Mai vừa nhúm lửa vừa bảo Nhơn làm gì ?*
— *Nhơn múc nước đổ vào đâu ?*
— *Bắc ấm nước lên bếp rồi, Mai làm gì ?*
— *Khi Mai pha trà xong, Nhơn làm gì ?*
— *Nhơn khen trà thế nào ?*

Em thực-hành :

- Em súc miệng, em súc chai.
  Em bắc ấm nước lên bếp, em bắc một miếng ván qua mương.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : trà, rót, ấm nước.
  Má em bắc . . . . lên bếp. Nước sôi, má em pha . . . . . Rồi, em . . . . nước trà mời khách uống.
- Em vẽ vào tập bình trà và tách nước trà.

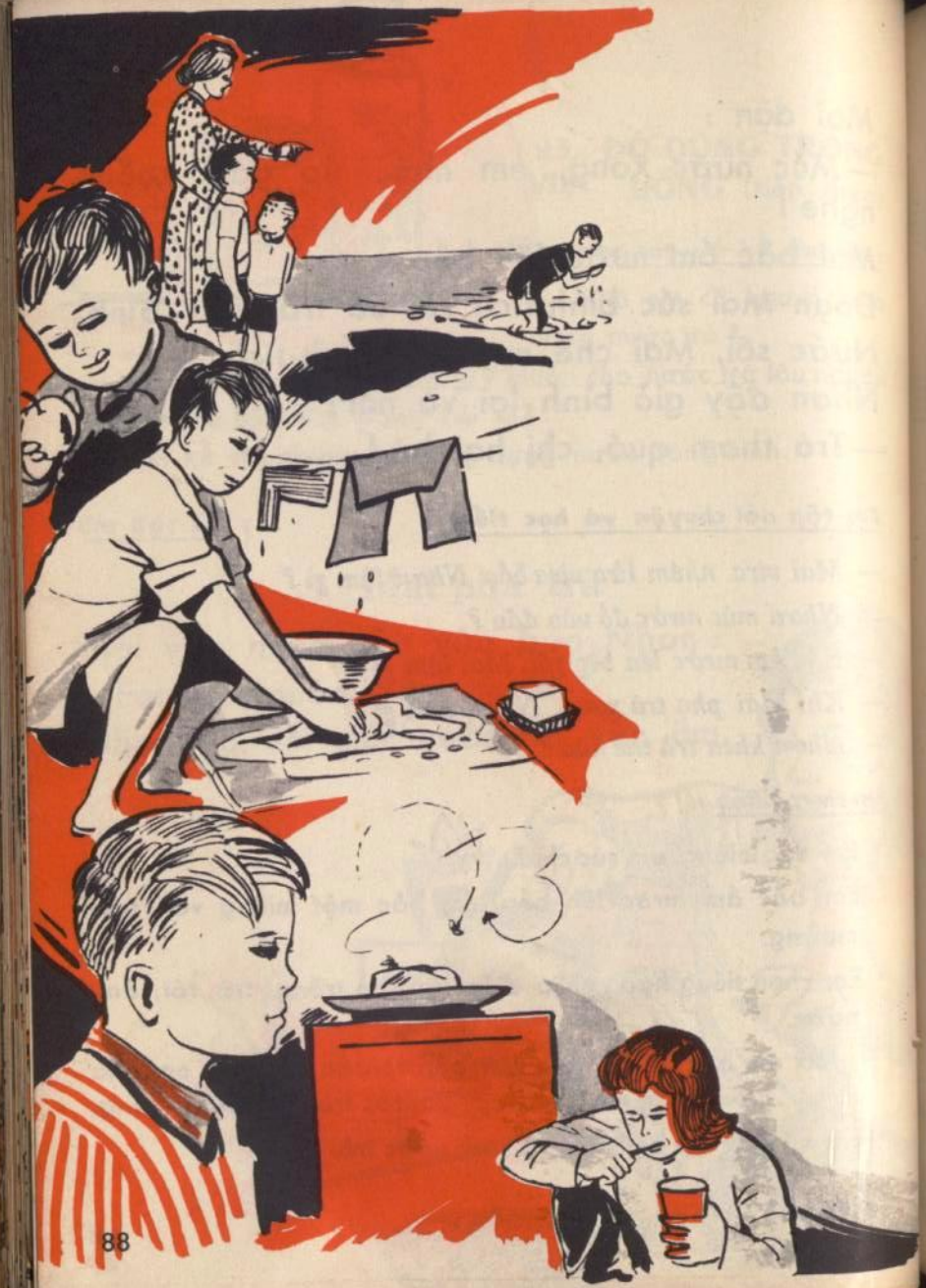

HỌC THUỘC LÒNG

Khuyên giữ vệ-sinh

Mấy lời nhắn-nhủ học-sinh,
Nước sông đừng uống, quả xanh đừng dùng.
Áo quần bẩn, giặt xà-bông,
Người bịnh truyền-nhiễm thì không lại gần.
Bánh quà ruồi đậu chớ ăn,
Sáng dậy rửa mặt, đánh răng kỹ-càng.

Câu hỏi :

- *Muốn giữ vệ-sinh, em không nên uống nước gì ?*
- *Ngoài nước sông ra, em hãy kể các thứ nước khác mà em không nên uống ?*
- *Tại sao em không nên ăn quả xanh ?*
- *Khi áo quần dơ, em làm gì ?*
- *Bịnh truyền-nhiễm là bệnh gì ?*
- *Kể vài bịnh truyền-nhiễm mà em biết.*
- *Tại sao em không nên lại gần người mắc bịnh truyền-nhiễm ?*
- *Tại sao em không nên ăn bánh có ruồi đậu ?*

Thức ăn, nước uống

Moderato

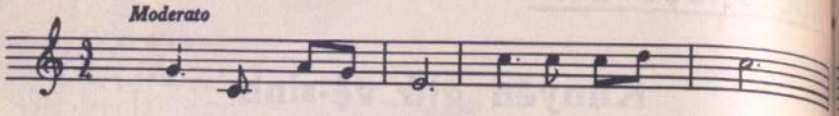

Em dùng thức ăn lành. Em không ăn trái xanh.

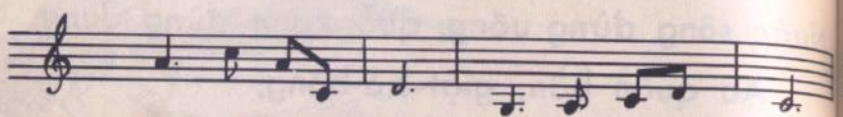

Em ít ăn đường kẹo. Vì sợ sâu ăn răng.

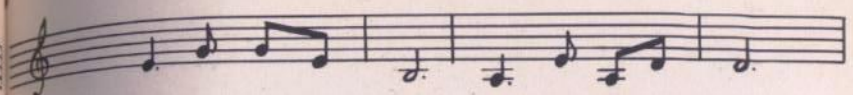

Em uống nước trong lành. Lược kỹ rồi đun sôi.

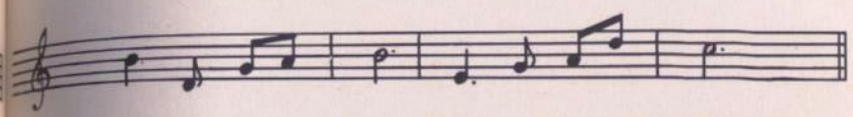

Nước hồ ao rất bẩn. Được dùng giặt rửa thôi.

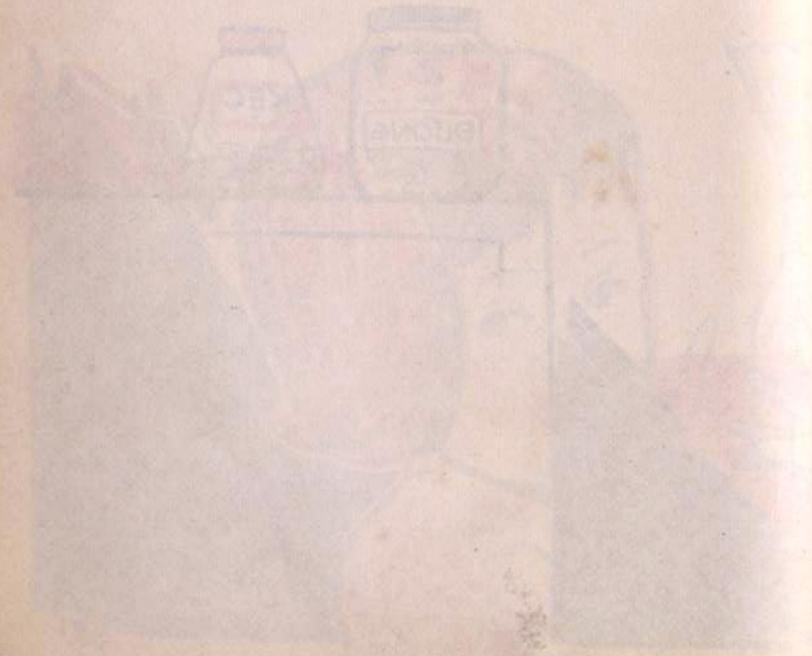

CHƯƠNG IV

Quần áo

24. QUẦN ÁO VIỆT-NAM : ÁO BÀ-BA, QUẦN DÀI

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Thường ngày đi học, em mặc quần áo gì ?
— Các em trong lớp có mặc giống nhau không ?
— Vào một tiệm may quần áo, em thấy gì ? Hãy kể ra ?

Em đọc bài :

Trong tiệm may

Mai, Nhơn, Nga chơi nhà chòi trong góc vườn. Mai giả làm chủ tiệm may.
Nga bồng em « búp bê » đến tiệm, nói :
–Thưa cô, tôi muốn may quần áo cho em tôi.
Mai hỏi :—Dạ, cô muốn may áo gì ? quần gì ?
— Thưa, áo bà-ba và một quần dài !
— Cô muốn may rộng hay vừa ? Em mau lớn lắm ! Bây giờ may vừa, em mặc trông đẹp. Nhưng vài tháng sau, quần áo sẽ chật !
Nga suy-nghĩ giây lát rồi đáp :
–Cô may vừa cho em tôi.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Mai, Nhơn, Nga đang làm gì ? Ở đâu ?*
— *Mai giả làm gì ?*
— *Nga bồng em búp-bê đến tiệm may để làm gì ?*
— *Nga muốn may cho em áo quần gì ? May vừa có lợi ra sao ?*
— *Nhưng vài tháng sau quần áo sẽ thế nào ?*
— *Tại sao Nga không may áo quần rộng cho em ?*

Em thực-hành :

- Em mặc áo, và mặc quần cho búp-bê. Em giả làm thợ may đo áo cho khách hàng.
- Em trả lời miệng theo thứ tự việc làm từ trước đến sau : Muốn mặc áo : em gài nút, em lấy áo trong tủ ra, em xỏ tay vào, em xem lại áo có lành không ?
- Em tìm tiếng phản nghĩa với : đẹp, dài, chật.

25. QUẦN ÁO VIỆT-NAM : ÁO ẤM, ÁO CỤT TAY

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Lúc trời lạnh, em thường mặc áo gì ?
— Áo ấy được may bằng loại hàng gì ?
— Lúc trời nóng-nực, em thường mặc áo dài tay hay cụt tay.

Em đọc bài :

Áo may khéo quá !

Nga ẳm búp-bê vào tiệm may, nói :
— Cô làm ơn thử quần áo cho em tôi.

Mai đáp : — Dạ được ! tôi vừa may xong. Cô cởi áo cụt tay của em đi ! Tôi mặc áo mới cho em, thử coi có vừa không ...

Nga ngắm-nghía búp-bê và nói : — Áo may khéo quá ! À, mà cô có nỉ để may áo ấm không ?

— Dạ, có chớ ! để tôi đi lấy nỉ cho cô lựa.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Nga ẳm búp-bê vào tiệm may để làm gì ?
— Mai bảo Nga cởi áo của búp-bê làm chi vậy ?
— Nga ngắm-nghía búp-bê và nói gì ?
— Nga muốn may áo ấm cho em bằng loại hàng gì ?

Em thực-hành :

• Em cởi áo, em mặc áo.
Em đội nón, em dở nón.
Em cởi giày, em mang giày.

• Đố em :
Có tay, có cổ, không đầu.
Thân trước xẻ thẳng, thân sau nối liền.
(là vật gì ?)

• Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : áo ấm, áo cụt tay.
— Em mặc áo . . . . khi trời nóng-nực.
— Em mặc áo . . . . khi trời lạnh.

26. QUẦN ÁO VIỆT-NAM : ÁO DÀI, ÁO LÁ, QUẦN CỤT

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Đi chợ, mẹ em mặc áo gì ?
— Ở nhà làm công việc, mẹ em mặc áo gì ?
— Đàn ông có mặc áo dài không ? Trong dịp nào ?
— Ở nhà em thường mặc quần dài hay quần cụt ?
— Em có thấy áo lá chưa ? Áo lá ra sao ?

Em đọc bài :

Má may gì đó ?

Bà Hiền đang nhíp (1) áo. Nhơn đến gần, nói : —Thưa má, con nực quá !

Bà Hiền bảo : —Áo lá, quần cụt trong tủ đó, con lấy mặc cho mát !

1. khâu lại chỗ tuột đường chỉ.

Vừa thay quần áo, Nhơn vừa hỏi mẹ :
—Má may gì đó má ? Bà Hiền đáp :

—Áo dài của cậu Út con sút đường chỉ. Má nhíp lại cho cậu con mặc.

— Cậu Út cũng có áo dài như má vậy à.

— Áo dài của cậu con ngắn hơn và rộng hơn áo của má.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Bà Hiền đang làm gì ?
— Nhơn đến gần bà Hiền và thưa gì ?
— Bà Hiền bảo thế nào ? Nhơn hỏi gì ?
— Áo dài của cậu Út có giống áo của bà Hiền không ? Khác chỗ nào ?

Em thực-hành :

- Em thay bao tập. Em thay ngòi viết.
  Em đổi chỗ với bạn em.
  Em đổi tập với bạn em.
- Em viết vào tập hai tiếng phản nghĩa đối nhau : nực, rộng, ngắn, hẹp, dài, mát.
  Thí dụ : nực ≠ mát.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : có tay, không tay, dài, ngắn :
  Áo lá . . . .
  Vạt áo bà-ba thì . . . .
  Áo bà-ba . . . .
  Vạt áo dài thì . . . . .

Chiếc áo ấm

Miền Trung bị nạn lụt,
Người, vật, của tiêu-hao.
Em nghe mẹ khuyên-bảo :
— Con nên giúp đồng-bào.
Em soạn chiếc áo ấm,
Vội-vã gởi ra Trung.
Chiếc áo không đáng giá,
Gói ghém trọn tình thương.

Câu hỏi :

— Miền Trung bị nạn gì ?
— Mẹ khuyên em điều gì ?
— Em có nghe lời mẹ khuyên không ? Và em làm gì ?
— Chiếc áo ấy có đáng giá không ?
— Nhưng nó có ý-nghĩa ra sao ?

27. KHĂN, NÓN

Em quan-sát và suy-luận :

— Mùa nắng, đi học, em làm thế nào để đỡ nóng đầu ?
— Em đội nón gì ? Các bạn em đội nón gì ?
— Ai thường đội nón lá ?
— Em có thấy ai đội khăn đi ra đường không ? Khăn ấy ra sao ?

Em đọc bài :

Em muốn mua khăn

Mai bước vào tiệm bán khăn, nón.
Cô chủ tiệm hỏi : —Em muốn mua gì ?
Mai đáp : —Thưa cô, em muốn mua khăn đội.
Cô chủ chỉ khăn treo trong tủ kiếng, nói :
-Đây, mời em lựa !
Mai vừa lựa khăn vừa khen : —Chà, khăn lông đẹp quá ! Cô có khăn vuông không ?
— Có !... Em lựa đi !
Trong lúc Mai đang lựa khăn, một ông khách bước vào. Cô chủ vội-vàng cúi đầu chào.

Ông khách nói : —Tôi muốn mua nón.
— Tiệm tôi có đủ loại nón : nón nỉ, nón rơm, nón vải... Khách lấy nón nỉ đội thử...

Em tập nói chuyện và học t ếng :

— *Mai bước vào tiệm bán gì ? Mai muốn mua gì ?*
— *Mai vừa lựa khăn vừa làm gì ?*
— *Trong khi Mai lựa khăn, ai bước vào tiệm ?*
— *Ông khách muốn gì ? Tiệm ấy bán loại nón nào ?*

Em thực-hành :

- Em vừa đi vừa đội nón. Em vừa đội khăn vừa cười. Em vội-vàng đứng dậy. Em vội-vàng bỏ khăn vào túi.
- Em và hai bạn khác diễn lại việc mua bán khăn, nón tả trong bài.
- Em xếp thành câu :

mua khăn	mời khách	Cô chủ tiệm

28. GIÀY, DÉP

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Lúc đi học, em thường mang gì ? (giày, dép, hay guốc ?)
— Khi đi dạy học, thầy em thường mang gì ?
— Khi đi đến sở, ba em thường mang gì ?
— Ở nhà, ba em thường mang gì ?
— Khi đi dự tiệc, chị em mang gì ?

Em đọc bài :

Mang giày nóng chơn quá !

Nhơn vừa cởi giày, vớ để xuống đất, vừa nói :
—Mang giày bố từ sáng đến giờ nóng chơn quá !
Mai nhìn giày vớ của Nhơn, bảo :
—Giày vớ của em dơ cả rồi. Để chị giặt vớ và đánh phấn đôi giày cho. Em vô buồng lấy dép cao-su mang cho mát.
Nga xách đôi dép chạy ra :
— Chị Mai đánh phấn giùm đôi dép của em luôn !
Mai cười :—Dép của em bằng da vàng. Em đem phơi nắng, rồi chị đánh «xi-ra»(1) cho.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Nhơn cởi giày, vớ ra và nói gì ?
— Mai bảo Nhơn làm gì ?
— Nga nhờ Mai làm gì ? Mai nói thế nào ?
— Vì sao dép của Nga đánh phấn không được ?

Em thực-hành :

- Em đánh giày, em đánh trống, em đánh bóng bàn, em đánh đu, em đánh vòng.
- Đố em :

  Giày cao gót là giày gì ?

  Đàn ông hay đàn bà mang giày cao gót ?

  Giày hàm ếch là giày gì ?
- Em nói tên các loại giày, dép vẽ trong hình.

(1) cirage, sáp đánh giày.

29. GIẶT QUẦN ÁO

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Mỗi tuần-lễ, em thay áo mấy lần ?
— Tại sao em thay quần áo ?
— Muốn cho quần áo dơ trở nên sạch, em làm sao ?
— Ai giặt quần áo cho em ?
— Có lần nào em giặt quần áo của em không ?
— Nếu có, em hãy kể lại những việc em làm ?

Em đọc bài :

Nhơn giặt khăn

Nhơn vừa chạy vào nhà sau vừa gọi :
– Chị Mai ơi !
Mai lên tiếng : – Ơi ! Chị đây nè em. Có gì đó ?
– Chị giặt quần áo hả ? Cho em giặt với !
– Được ! Em lại ngồi cạnh chị. Còn cái khăn tay nè. Em lấy ra giặt đi, rồi cùng xả với chị. Em nhớ vò kỹ-lưỡng nhé !
Nhơn cười : – Em biết mà chị !
Nhơn chà xà-bông lên khăn, vò kỹ mấy chỗ dơ...

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Mai đang làm gì ở nhà sau ?*
— *Thấy chị giặt quần áo, Nhơn nói gì ? Mai có bằng lòng không ?*
— *Mai bảo em điều gì ? Nhơn làm gì ?*

Em thực-hành :

- Em vò tờ giấy. Em vò đầu.
  Em chà răng. Em chà gạch.
- Em xếp theo thứ tự trước sau các việc làm dưới đây :
  Muốn giặt áo : em chà xà-bông lên áo, em nhúng áo vào thau nước, em xả áo, em vò áo, em phơi áo.
- Em tìm tiếng phản nghĩa với : dơ, nhớ.

30. ỦI

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Quần áo giặt và phơi khô xong, muốn được thẳng nếp, ta phải làm gì ?

— Có khi nào em xem mẹ em ủi quần áo không ? Nếu có, hãy kể lại.

— Có mấy thứ bàn ủi ? Hãy kể ra ?

Em đọc bài :

Nhơn ủi khăn

Mai vừa quạt lửa trong bàn ủi vừa gọi em :
— Nhơn ơi ! lấy quần áo vô đây cho chị ủi.
Nhơn dạ, rồi chạy ra sân gom quần áo đem vào nhà.

Mai bắt đầu ủi quần áo.

Áo quần ủi thẳng nếp, trông đẹp-đẽ.
Nhơn chăm-chú nhìn chị làm việc.
Một lát sau, Nhơn nói : — Chị cho em ủi thử cái khăn nghe chị !

Mai cười, đáp : — Ừ, khéo cháy khăn nhé !
Nhơn ủi xong cái khăn liền khoe : — Chị Mai ơi ! Em ủi xong rồi, chị coi thẳng không ?

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Mai đang làm gì ? Mai gọi Nhơn bảo gì ?
— Nhơn vâng lời chị làm gì ? Quần áo ủi xong trông thế nào ?
— Nhơn hỏi xin chị làm việc gì ?
— Mai căn-dặn em điều gì ? Nhơn ủi xong, nói gì ?

Em thực-hành :

- Em gom lá khô. Em gom giấy vụn.
  Em quạt lửa. Em quạt bạn em.
- Em ngó thẳng tới trước. Em giơ thẳng tay. Em đứng thẳng người.
  Em vuốt giấy cho thẳng. Em căng dây cho thẳng.
- Em viết tiếng đúng dưới hình : bàn ủi nướng, bàn ủi than, bàn ủi điện.

Nhờ ai

Nhờ ai em có áo nầy ?
Ấy nhờ thợ dệt đêm ngày ra công.
Đến khi tấm vải dệt xong,
Mua về, mẹ cắt may trong một ngày.
Vậy khi em mặc áo nầy,
Em nên gìn-giữ kẻo dây mực vào.

Câu hỏi :

— *Nhờ ai mà em có áo mặc ?*

— *Ai cắt may áo cho em ?*

— *Em phải giữ-gìn quần áo thế nào ?*

Quần áo chú em

Những khi chú ở trong nhà. Chú thường mặc
. . . . khi tập thể - thao thì chú mặc quần

bộ bà ba bằng hàng. Lúc nào chú
đùi và để mình trần. Bắp thịt chú

1:

muốn ra đàng, Chú thay âu - phục gọn gàng làm
nổi no tròn. Chú...

2:

sao ! *Những*
khoa chân lùi lại nhảy thật xa.

CHƯƠNG V

Thân-thể

31. THÂN-THỂ

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Có khi nào em vẽ hình người không ?
Em vẽ đầu người hình gì ? Trên đầu có gì ? Đầu nối vào mình nhờ cái gì ?
Thân hình đứa trẻ bịnh-hoạn ra sao ? (hình 1).
Thân hình đứa trẻ mạnh-khỏe như thế nào ? (hình 2).

Em đọc bài :

Nga vẽ hình người

Nga vẽ hình người xong khoe : —Anh Nhơn, coi em vẽ hình người giống không nè ! Đầu tròn, trên đầu có tóc nữa !...

Nhơn chỉ mấy đường thẳng dưới đầu, trêu Nga : — Mấy đường gì đây vậy em ?

— Đường giữa là mình. Bốn đường kia là hai tay và hai chơn.

Nhơn cười : —Tay chơn ốm nhom. Ngực và bụng lép-xẹp. Em đưa phấn đây, anh sửa lại cho !

Nhơn sửa xong, Nga vỗ tay khen : —Bây giờ, mình và chơn tay mập-mạp, đẹp quá !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nga khoe với Nhơn điều gì ?*
— *Nga vẽ đầu người ra sao ? Mình và tay chơn thế nào ?*
— *Sau khi Nhơn sửa xong, mình và chơn tay ra sao ?*

Em thực-hành :

- Em dựa lưng vào tường. Em cúi đầu. Em lắc đầu. Em vỗ tay. Em vỗ ngực. Em rờ bụng. Em giậm chơn.
- Đố em :
  — Thế nào là người lùn ?
  — Thế nào là người khổng-lồ ?
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : mập, mạnh, ốm.
  . . . . . như cò ma
  . . . . . như voi.
  . . . . . như thùng rượu.
- Em vẽ : con voi nhổ cây, thùng rượu, cò ma.

32. MẮT, MŨI

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Nhờ gì mà em thấy được nhà cửa, bàn ghế, cây cối ?
— Em có mấy con mắt ? Mắt có mấy tròng ?
— Nhìn vào mắt bạn em, em thấy giữa tròng đen có gì ?
— Người không thấy đường gọi là người gì ?
— Nhờ gì mà em biết bông lài thơm ? Mũi em có mấy lỗ ?
— Lấy tay bịt mũi, em thấy thế nào ? Mũi để làm gì ?

Em đọc bài :

Trái ổi chín

Tay thọc trong túi quần, Nhơn bảo Nga :
—Em nhắm mắt lại, anh cho em ngửi trái này.

Em nói trúng trái gì, anh cho em liền.
Nga nhắm mắt lại. Nhơn nhìn mắt Nga rồi nói :
—Không được, mắt em chưa nhắm khít !
Nga lấy tay đè lên hai mí mắt.
Nhơn cầm trái ổi kề sát mũi Nga.
Nga hít vào một hơi dài, rồi nói :
—Em biết rồi, trái ổi chín, mùi thơm phức đây.
Dứt lời, Nga mở mắt, chụp lấy trái ổi.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn thọc tay vào túi làm chi vậy ?*
— *Nhơn bảo Nga điều gì? Nhơn nhìn vào mắt Nga làm chi vậy?*
— *Nga bịt mắt bằng gì ? Nhơn đưa vật gì cho Nga ngửi ?*
— *Tại sao Nga không thấy mà đoán trúng trái ổi ?*

Em thực-hành :

- Em nhắm mắt, em mở mắt, em liếc mắt.
  Em hít vô. Em thở ra. Em ngửi bông.
- Đố em :
  — Thế nào là người mù ? Thế nào là người chột ?
  — Thế nào là mũi lân ? Thế nào là mũi tẹt ?
  — Mắt lươn và mắt ốc bươu khác nhau thế nào ?
- Em xếp thành câu :

trái ổi	ngửi	Nhơn cho Nga
đưa mắt nhìn	Nga	trái ổi chín

33. MIỆNG

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Miệng dùng để làm gì ? Trong miệng có những gì ?
— Răng dùng để làm gì ?
— Lưỡi dùng để làm gì ?
— Khi nào mũi em nghẹt, em thở bằng gì ?
— Em thích ăn kẹo không ? Tại sao ?
— Em thích ăn ớt không ? Tại sao ?

Em đọc bài :

Trái nầy chát quá !

Ăn hết trái ổi, Nga khen : —Ổi chín thật mềm.

Vỏ, ruột đều ngọt, ăn ngon quá, Anh Nhơn, cho em một trái nữa đi !

Nhơn móc túi lấy ổi đưa cho Nga rồi nói :
—Đây ! còn một trái ổi xanh, anh cho em .

Nga cầm trái ổi cắn rồi nhăn mặt, nói :
—Trái này chát quá, ăn gì được !

— Ổi xanh, vỏ còn chát. Em nhờ chị Mai gọt vỏ. Em đem chấm muối ăn chua chua, mặn mặn ngon lắm !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Nga khen ổi chín thế nào ?
— Nga hỏi xin thêm, Nhơn làm gì ?
— Tại sao trái ổi Nhơn đưa cho Nga lần nầy lại chát ?
— Thường người ta ăn ổi chua với gì ?
— Em thích ăn ổi chín hay ổi chua ? Tại sao ?

Em thực-hành :

- Em há miệng, em ngậm miệng, em nhai, em nuốt, em le lưỡi, em liếm môi.
- Đố em :
  - — Thế nào là người câm ?
  - — Thế nào là đứa bé ngọng ?
  - — Thế nào là đứa bé cà-lăm ?
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : cay, chua, mặn, lạt, ngọt.

. . . . như chanh . . . . . như muối.
. . . . như nước miếng . . . . . như đường.
. . . . như ớt.

34. TAI

Em quan-sát và suy-nghĩ :

Tai dùng để làm gì ? Em có mấy tai ?

— Vành tai em mềm hay cứng hơn trái tai ?

— Các cô giáo thường đeo gì giữa trái tai ?

— Khi lỗ tai ngứa, em làm gì ?

— Tại sao không nên dùng đồ cứng để váy tai ?

Em đọc bài :

Cây đờn bầu

— Anh Nhơn lấy nút chai bịt lỗ ống tre làm chi vậy ? Nga vừa hỏi vừa chạy lại đứng sau Nhơn. Nhơn đáp :

–Anh làm cây đờn bầu. Em lại đây ghé sát tai vào ống tre. Em sẽ nghe tiếng đờn ò... o, ò... o...

Nga bước lại ép vành tai vào ống tre.

Em nghiêng đầu, lim-dim đôi mắt, lắng tai nghe. Nga suy-nghĩ rồi nói. —Có con ong bầu trong ống tre chớ gì ! Dứt lời, Nga với tay muốn gỡ nút chai ra. Nhơn vội ngăn :

–Đừng gỡ em, ong ra chích đau lắm đa !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Nhơn bịt lỗ ống tre làm chi vậy ?

— Nhơn bảo Nga điều gì ?

— Nga bước lại ghé tai sát vào ống tre để làm gì ?

— Nhờ gì mà Nga đoán biết có con ong bầu trong ống tre ?

— Tại sao Nhơn ngăn không cho Nga gỡ nút chai ?

Em thực-hành :

- Em gỡ con tem trên bao thơ. Em gỡ tóc cho vén khéo Em gỡ chỉ rối.
- Đố em :
  - — Bánh tai heo là bánh gì ?
  - — Bèo tai tượng là thứ bèo gì ?
  - — Nấm tai mèo là thứ nấm gì ?
  - — Điếc và lãng tai khác nhau thế nào ?
- Em xếp thành câu.

tiếng đờn	Em lắng tai	nghe

HỌC THUỘC LÒNG

Bé Hùng

Bé Hùng nằm ngủ trong nôi.
Mẹ em cạnh đấy đang ngồi vá may,
Nhìn con trong giấc ngủ say :
Trán cao, mũi thẳng, chân tay no tròn,
Má bầu, miệng rộng, môi son...
Mẹ cười sung-sướng, cúi hôn bé Hùng.

Câu hỏi :

— *Bé Hùng nằm ngủ ở đâu ?*
— *Mẹ của Hùng đang làm gì ?*
— *Trán, mũi, miệng của Hùng thế nào ?*
— *Chân tay ra sao ?*
— *Mẹ nhìn con rồi làm gì ?*

35. VỆ-SINH VỀ THÂN-THỂ : XỈA RĂNG, ĐÁNH RĂNG

Em quan-sát và kể chuyện :

— Có khi nào em xỉa răng không ? Người ta xỉa răng bằng gì ?
— Mỗi ngày em đánh răng mấy lần ?
— Em dùng gì để đánh răng ? Thuật lại công việc em làm khi đánh răng.
— Xem hình, em thấy em bé đang làm gì ? Em ấy đánh răng với vật gì ?

Em đọc bài :

Nga đánh răng

Ăn cơm xong, Nga lấy một cây tăm. Em xỉa vào kẽ răng mấy cái. Em nhìn cây tăm rồi kêu lên :
–Răng em chảy máu, chị Hai ơi !
Chú Năm nghe vậy, bước lại gần, bảo :
–Đâu, cháu há miệng cho chú xem !
Xem xong, chú nói :
–Thịt dính ít mà ! Sao cháu xỉa mạnh vậy ? Cháu nên đánh răng, súc miệng là hơn ! Xỉa răng mạnh quá, kẽ răng sẽ hở.
Nga chạy đi súc miệng và đánh răng.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Ăn cơm xong, Nga làm gì ? Tại sao răng Nga chảy máu ?
— Chú Năm bảo Nga làm gì ? Chú Năm nói gì với Nga ?
— Chú Năm khuyên Nga làm gì ? Nga có nghe lời chú không ?

Em thực - hành :

- Em làm điệu-bộ : đánh răng, đánh hột gà để làm bánh.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : nhổ, trám, đánh răng, xỉa răng.

  Sáng nào, em cũng súc miệng . . . . kỹ-lưỡng. Em . . . . với một cây tăm tre. Nếu răng em bị sâu ăn lủng lỗ, em đến nha-sĩ để . . . . hay . . . .
- Em vẽ : một bàn chải đánh răng.

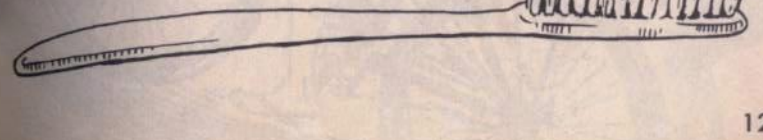

36. TAY, CHÂN

Em quan-sát :

— Mỗi người chúng ta có mấy tay?
— Mỗi bàn tay có mấy ngón tay? Kể các ngón tay.
— Chỉ : cổ tay, khuỷu tay, cánh tay, vai, đùi, bắp vế, bắp chuối, bàn chân, gót chân? Tay dùng để làm gì?
— Trong hình, hai tay lực-sĩ đang cầm gì giơ lên? Bắp tay của người ấy ra sao?
— Trong hình 2, chân mặt anh cầu thủ đang làm gì? Bắp vế và bắp chuối anh thế nào?

Em đọc bài :

Nhơn tập cởi xe đạp

Nhơn ngồi trên xe đạp, hai tay nắm tay cầm.
Mắt em ngó xuống hai đầu gối.
Chú Năm, tay giữ yên xe, bảo :
—Cháu nhìn ra phía trước, chơn đạp đi!
Chú Năm lúp-xúp chạy (1) theo.
Xe chạy có trớn, chú Năm buông tay ra...
Xe nghiêng đi ; Nhơn ngã xuống sân.
Chú Năm đỡ Nhơn dậy. Nhơn cười :
—Không sao, chú tập cho cháu đạp nữa đi!

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Nhơn đang làm gì? Hai tay nắm vật gì?
— Tại sao chú Năm giữ yên xe? Chú bảo Nhơn điều gì?
— Chú Năm buông tay ra thì Nhơn thế nào?
— Nhơn ngã, chú Năm làm gì? Nhơn nói gì?

Em thực-hành :

• Em co tay lại, em duỗi tay ra.
Em co chơn lại, em duỗi chơn ra.
Em giơ tay lên, em hạ tay xuống.
Em giơ chơn lên, em hạ chơn xuống.
• Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : chắp tay, khoanh tay, vỗ tay.
Em . . . . . chào khách đến nhà. Em . . . . . hoan-nghinh bạn em trả lời đúng câu hỏi của thầy. Thầy bảo em đứng thẳng, đừng . . . . . .
• Đố em :
— Khăn tay là khăn gì? Sổ tay là sổ gì?
— Thế nào là người có hoa tay?

1. chạy chậm-chậm.

37. VỆ-SINH VỀ THÂN-THỂ : RỬA TAY

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Ở đầu ngón tay có gì ?
— Khi móng tay dài, em phải làm gì ?
— Khi tay em dơ, em làm gì ?
— Muốn rửa tay cho thật sạch, em làm cách nào ?
— Trong hình, Nhơn đang làm gì ?

Em đọc bài :

Cháu rửa tay chưa ?

—Nhơn ơi ! Rửa tay đi rồi ăn cơm, cháu ! Nghe chú Năm bảo, Nhơn dạ, chạy cất hộp dế. Em lật-đật xuống nhà sau. Em xối nước và chà xà-bông lên tay.

Em kỳ-cọ kỹ-lưỡng :
Lòng bàn tay, lưng bàn tay, ngón tay, kẽ tay.
Xong em rửa cho sạch xà-bông,
Em lau tay, đoạn lại bàn dùng cơm.
Chú Năm hỏi : —Cháu rửa tay chưa ?
— Dạ thưa rồi !
Vừa nói, Nhơn vừa lật ngửa tay cho chú xem.
Chú Năm khen : — Cháu giỏi lắm !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Chú Năm bảo Nhơn làm gì ?*
— *Nhơn rửa tay ở đâu ?*
— *Nhơn rửa tay cách nào ?*
— *Thấy Nhơn lại bàn ngồi ăn, chú Năm hỏi gì ?*
— *Nhơn trả lời ra sao ?*
— *Nhơn làm gì để cho chú Năm thấy tay sạch ?*

Em thực-hành :

- Em chỉ lòng bàn tay, lòng bàn chơn.
- Em lật sấp quyển sách, em lật ngửa cái nón, em lật nghiêng cái hộp.
- Em xếp thành câu :

hai bàn tay	có	Mỗi người	
Em	hai tay	giữ	sạch - sẽ

- Đố em : Một cây mà có năm cành,
  Nhúng nước thì héo, để dành thì tươi.

38. VỆ-SINH VỀ THÂN-THỂ : NGỰC

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Khi em viết, em ngồi thế nào ?
— Em có dựa ngực vào bàn không ? Tại sao ?
— Em hít vô thật mạnh, ngực em thế nào ?
— Em thở ra, ngực em ra sao ?
— So-sánh ngực của hai người trong hình. Ngực của người thứ nhứt thế nào ? Ngực của người thứ nhì ra sao ?

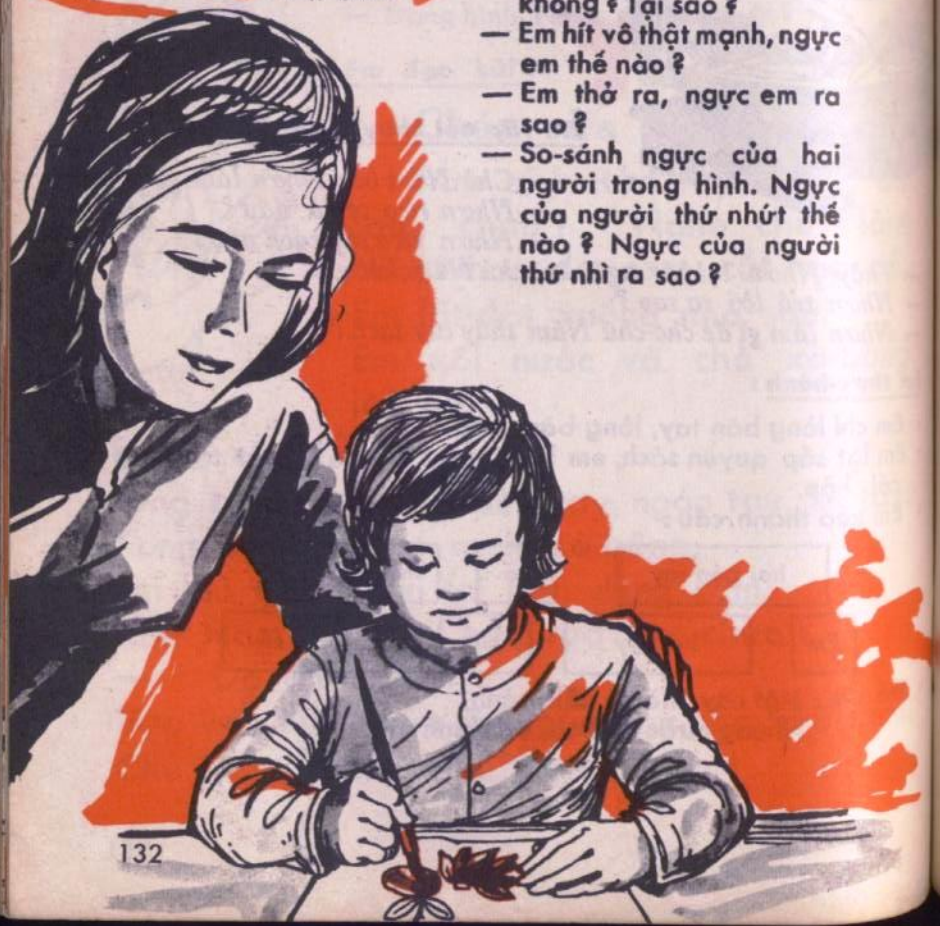

Em đọc bài :

Không nên dựa ngực vào bàn

Nga ngồi tô màu hình quả cam. Tay trái em để trên mảnh giấy. Tay mặt cầm cây cọ. Đầu em nghiêng bên trái. Ngực em dựa vào bàn. Tô xong, em ngắm-nghía quả cam.

Em mỉm cười tỏ vẻ bằng lòng lắm.

Mai đứng sau lưng lên tiếng : — Em tô màu khá lắm. Nhưng nhớ ngồi ngay-ngắn, đừng dựa ngực vào bàn.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nga đang làm gì ? Tay trái em để ở đâu ?*
— *Tay mặt em cầm gì ? Đầu em thế nào ?*
— *Ngực em dựa vào đâu ? Tô màu xong, Nga tỏ vẻ thế nào ?*
— *Mai đứng đâu và nói gì với Nga ?*

Em thực-hành :

- Em vỗn ngực, em vỗ ngực, em vuốt ngực, em ôm ngực. Em khom lưng, em đấm lưng bạn.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : nở, lưng, ngực.

  Em ngồi học ngay-ngắn, em không dựa . . . vào bàn Em không khom . . . . khi em ngồi vẽ hoặc viết. Em năng luyện-tập thân-thể cho ngực em được . . . .
- Em xếp thành câu :

dựa ngực	Em không	vào bàn
nở nang	có bộ ngực	Người mạnh khỏe

Tí khoẻ-mạnh

Tí ít khi ốm đau,
Vì không một ngày nào,
Quên thức dậy thật sớm,
Ra vườn tập thể-thao.
Nhờ vậy, Tí hồng-hào,
Hai má tợ trái đào.
Ngực nở, tay chân cứng,
Tí khoẻ-mạnh biết bao !

Câu hỏi :

— *Mỗi ngày, Tí thức dậy thật sớm để làm gì ?*
— *Khi tập thể-thao, Tí làm gì ?*
— *Tí chạy nhảy ở đâu ?*
— *Hai má tợ trái đào nghĩa là gì ?*
— *Ngực Tí ra sao ?*
— *Tay chân Tí thế nào ?*

Em tôi

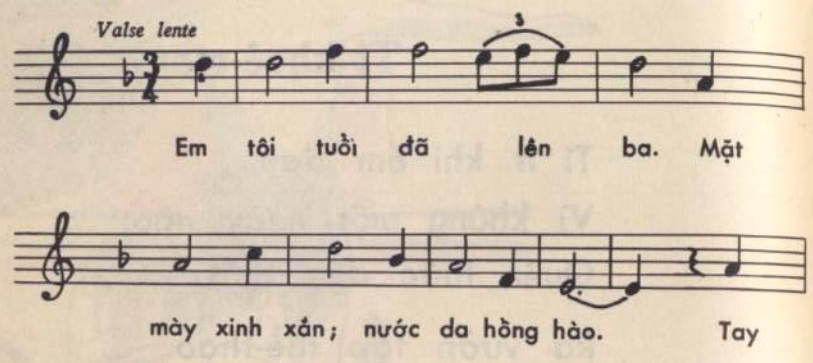
Valse lente
Em tôi tuổi đã lên ba. Mặt
mày xinh xắn; nước da hồng hào. Tay

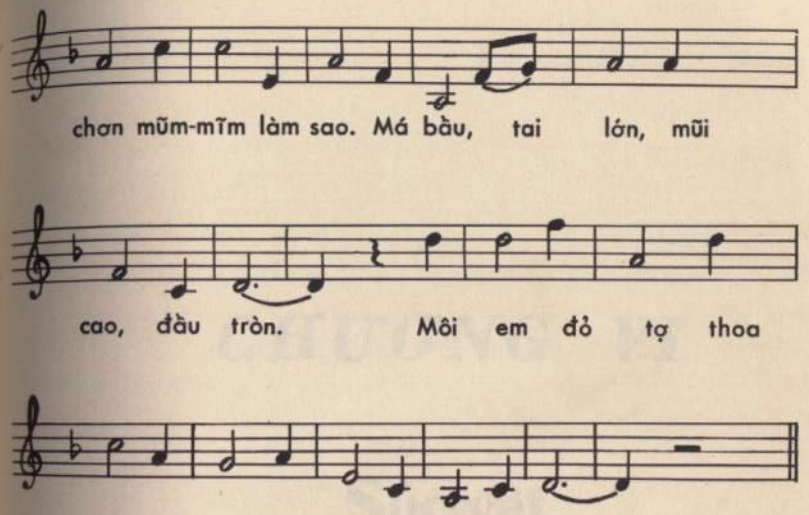
chơn mũm-mĩm làm sao. Má bầu, tai lớn, mũi
cao, đầu tròn. Môi em đỏ tợ thoa
son. Mắt em sáng tợ hai hòn ngọc trong.

CHƯƠNG VI

Súc-vật

39. CHÓ

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Nhà em có nuôi chó không ? (Nếu không, em có thấy chó của bạn em hay của nhà kế cận không ?)

Nó cao hay thấp ? Mập hay ốm ? Tai nó vảnh hay xụ ? Lông nó thế nào và màu gì ? Đuôi dài hay ngắn ? Con chó ấy dữ hay hiền ? Tại sao em biết được ?

— Hai con chó trong hình có giống nhau không ? Giống chỗ nào ? Khác chỗ nào ?

Em đọc bài :

Con vện

Trên sân nhà, Nhơn chơi chuyền banh với Nga. Nga bắt hụt, trái banh lăn ra xa. Con Vện nhảy theo, ngoạm banh, chạy quanh sân. Nhơn, Nga đuổi theo. Chạy được một khoảng xa, Vện nhả banh xuống. Nó quay đầu lại, nhìn Nhơn, Nga và ngoắt đuôi lia-lịa.

Nhơn, Nga đến gần. Chó cúi xuống ngoạm banh chạy nữa. Lúc ấy, một người khách đi trờ tới trước ngõ. Vện nhả banh chạy ra sủa.

Nhơn xuỵt chó và bảo : — Vện, vô !

Vện riu-ríu, cúp đuôi đi thẳng vào nhà.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn, Nga chơi gì trên sân ?*
— *Thấy banh lăn xa, con Vện làm gì ?*
— *Nhơn và Nga đuổi theo Vện làm chi vậy ?*
— *Chạy một khoảng xa, Vện nhả banh xuống và làm gì ?*
— *Vì sao Vện sủa và chạy ra ngõ ?*
— *Tại sao Vện riu-ríu vào nhà ?*

Em thực-hành :

- Em bắt-chước tiếng chó sủa, tiếng chó tru.
  Em quay đầu lại, em quay lưng lại.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : ngoắt, cong, quay, ngửng, cúi.

  Qu . . . . mặt ra sau. Ng. . . đầu lên. C : . . đầu xuống. C. . . . đuôi lên. Đuôi . . . . lia-lịa.

40. MÈO

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Nhà em có nuôi mèo không ? (Nếu không, em đã thấy con mèo bao giờ chưa ?)
Mèo nhỏ hay lớn ? Lông màu gì ? Mắt nó ra sao ? Mũi nó màu gì ? Móng nó ra sao ?
Người ta nuôi mèo để làm gì ?
— Hai con mèo trong hình có giống nhau không ? Giống nhau chỗ nào ? Khác nhau chỗ nào ?

Em đọc bài :

Mèo mun

Nga cầm sợi chỉ, một đầu có cột miếng giấy. Em kéo giấy qua lại trước mặt mèo. Con mèo mun nhảy theo chụp.

Nó giương móng, vói chụp cho bằng được. Nó sắp vớ được thì Nga vội giựt mảnh giấy lên. Mèo ngồi im, ngẩng đầu nhìn theo, vẫy đuôi qua lại. Nga lại kéo giấy nhử trước mõm mèo. Mèo chồm lên, nhưng không chụp được. Nó kêu « ngao ! ngao ! » rồi bỏ đi.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nga kéo miếng giấy qua lại làm chi vậy ? Con mèo làm gì ?*
— *Nó làm gì để chụp ?*
— *Khi mèo sắp vớ được mảnh giấy thì Nga làm gì ?*
— *Vì sao mèo bỏ đi ?*

Em quan-sát :

• Em nhảy xa, em nhảy cao, em nhảy tới trước, em nhảy qua bên mặt, qua bên trái.
• Em chọn tiếng : mõm, mỏ, miệng.
. . . . . két. . . . . người.
. . . . . chó.
• Đố em :
Mèo mun là mèo gì ? Thế nào là mèo tam-thể ?
Bộ lông mèo mướp ra sao ?

41. HEO

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Nhà em có nuôi heo không ?
Người ta thường nuôi heo ở đâu ? Heo hay ăn gì ?
Người ta nuôi heo để làm gì ?
— Trong hình có mấy con heo ? Chúng đang ở đâu ?
Chúng đang làm gì ?

Em đọc bài :

Bầy heo của bà nội Nhơn

Mai bưng vịm cám ra chuồng heo. Nhơn kéo Nga chạy theo chị. Trong chuồng có một con heo voi (1) và bốn con heo cỏ (2) Chúng đang kêu eng-éc đòi ăn. Mai đổ cám vô máng cây. Mấy con heo tranh nhau, chúi mõm vào táp sồng-sộc.

Nhơn nhìn bầy heo, hỏi Nga : — Em thích con heo nào ?

Nga đáp : — Em thích con heo voi, nó to nhứt.

Nhơn cười : — Còn anh, anh thích mấy con heo cỏ. Con nào cũng ú-ù, đem quay chắc ngon lắm !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Mai bưng vịm cám đi đâu ?*
— *Trong chuồng có mấy con heo ?*
— *Mai đổ gì vào máng cây ?*
— *Con heo voi thề nào ? Bốn con heo cỏ ra sao ?*

Em thực-hành :

- Em kêu heo. Em túc chó. Em túc gà.
- Em điền tiếng vào câu : sữa, chuồng, eng-éc, cám.
  Người ta nuôi heo trong .... Heo thích ăn ... trộn với rau. Khi nó đói thì nó kêu . . . . Heo. . . . . quay ăn ngon.
- Đố em :
  — Heo nuôi để cho đẻ con gọi là gì ?
  — Heo lông có đốm trắng gọi là heo gì ?
  — Heo còn bú gọi là heo gì ?

---

1. Giống heo lớn xương, lưng thẳng và bụng thon.
2. Giống heo nhỏ xương, lưng cong, bụng ỏng.

HỌC THUỘC LÒNG

Con Vện

Con Vện bị trâu báng,
Nằm rên siết đau thương.
Ngày ngày tôi bó thuốc,
Nay lành mạnh như thường.

Từ đó Vện nhìn tôi,
Đôi mắt đầy cảm mến.
Quấn-quít khi đứng ngồi,
Xem tôi như người bạn.

Câu hỏi :

Tại sao con Vện bị thương ?
Ai săn-sóc cho Vện ?
Lành mạnh rồi, Vện nhìn tôi thè nào ?
Tại sao Vện quấn-quít bên tôi ?

42. GÀ

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Nhà em có nuôi gà không ? Mấy con ?
Trên đầu gà trống có cái gì ? Mồng gà màu gì ?
Cựa gà mọc ở đâu ? Gà ăn gì ?

— Xem hình, em thấy có tất cả mấy con gà ?
Gà trống làm gì ? Gà mái làm gì ?
Còn mấy con gà con làm gì ?

Em đọc bài :

Con gà trống

Con gà trống chạy một mạch đến gần chuồng

heo. Nó vỗ cánh, nhảy lên đậu trên vịm (1) cám. Nó mổ liền mấy cái rồi đập cánh, vươn cổ gáy :

« Ò ó o... o... ! »

Mai chỉ con gà trống nói với Nga : — Em xem con gà trống kìa, đẹp quá ! Mình nó thon-thon, bộ lông óng mượt... mắt tròn, mồng đỏ, mỏ vàng... Nga nắm tay Mai, nói : — Chị Mai ! Chừng về Sài-gòn, mình xin chú Năm con gà này, nghe chị !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Con gà trống chạy đi đâu ? Nó bay đến đậu ở đâu và làm gì ?*
— *Mai khen gà thế nào ? Nga nói gì với Mai ?*

Em thực-hành :

- Em bắt-chước bộ-tịch con gà trống đang gáy.
- Em vẽ gà trống, gà mái và gà con.
- Đố em :

Gà lông đỏ gọi là gà gì ? Gà lông đen gọi là gà gì ?
Gà lông trắng gọi là gà gì ?
Gà giò là gà gì ? Gà mái tơ là gà gì ?

1. chậu sành.

43. VỊT

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Em đã thấy con vịt chưa ?
Mỏ vịt ra sao ? Đầu nó lớn hay nhỏ ? Cổ dài hay ngắn ?
Chân vịt thế nào ?
Vịt ưa ở trên cạn hay dưới nước ?
Người ta nuôi vịt để làm gì ?
— Trong hình có mấy con vịt ?
Chúng đang làm gì ?

Em đọc bài :

Bầy vịt

Trên sân, một bầy vịt
chậm-chạp bước.
Chúng vừa đi vừa kêu
« cạp ! cạp ! »
Mai để thúng lúa
xuống cho vịt ăn.
Nhìn bầy vịt, Mai nói :

—Đố hai em, vịt khác gà như thế nào ?
Nhơn đáp ngay : —Mỏ vịt to và giẹp. Chân vịt thấp. Ngón chân vịt dính liền nhau. Vịt lặn giỏi... Nga vỗ tay : —Đúng rồi ! Mỏ gà nhỏ, chân gà cao, gà không biết lội !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Vịt đi đứng thế nào ? Nó kêu làm sao ?*
— *Vịt ăn gì ? Vịt khác gà chỗ nào ?*
— *Nhờ gì mà vịt bơi lội giỏi ?*

Em thực-hành :

- Em bắt-chước vịt vừa đi vừa kêu.
- Em chọn tiếng đúng : lội dưới ao, mồ lúa, kêu cạp cạp, gáy ó o, rỉa cá, đậu trên bờ rào.
  Gà . . . . . , ... , . . .
  Vịt . . . . . , ... , . . .
- Đố em : vịt cồ là vịt gì ?
  thế nào là vịt mặc áo lá ?
  vịt tơ là vịt gì ?
- Em vẽ : đầu vịt, mỏ vịt, chân vịt.

44. TRÂU

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Em đã thấy trâu chưa ? Em thấy nó ở đâu ?
— Trên đầu trâu có gì ? Mình trâu ra sao ?
Đuôi trâu thường đập qua đập lại để làm chi vậy ?
Trâu ăn gì ? Người ta nuôi trâu để làm gì ?

Em đọc bài :

Con nghé

Mặt trời đã lên cao. Mai, Nhơn, Nga ra đồng chơi. Bên lề đường, một bầy trâu đang ăn cỏ. Nga kéo tay Mai nói : — Chị Mai ! Có con dê chạy theo con trâu kìa !

Mai cười : — Không phải dê đâu con nghé đa em !
— Con nghé là con gì ? Nó chạy theo trâu làm chi vậy ?
— Nghé là trâu con. Nó theo mẹ nó đòi bú.
Nhơn xen vào : — Chị nói nghé là trâu con. Sao nó không có sừng như trâu mẹ ?
— Trên đầu nó có hai cái u. Đó là hai cái sừng mới mọc đa em !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— Bầy trâu đang ăn cỏ ở đâu ? Nga nói gì với Mai ?
— Nghé chạy theo trâu làm chi vậy ?
— Con nghé với con trâu khác nhau thế nào ?

Em thực-hành :

- Em bắt-chước tiếng trâu kêu. Em bắt-chước tiếng dê kêu.
- Đố em :
  — Trâu cò là trâu gì ?
  — Trâu cồ là trâu gì ?
- Em vẽ đầu trâu.

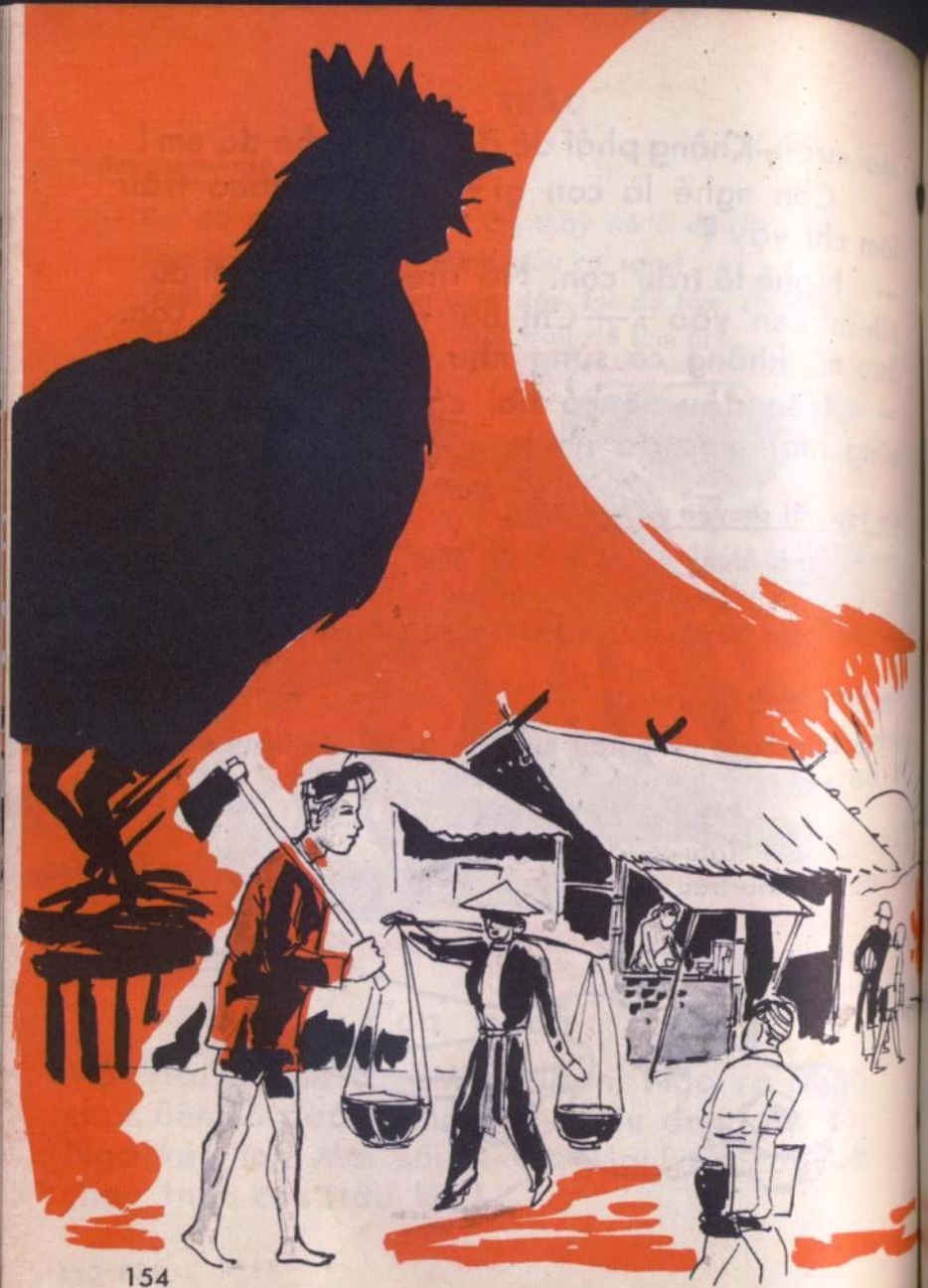

Gà gáy

Sáng ngày gà gáy ó, o,
Gọi người thức dậy mau lo lên đàng.
Ó, o, gà đã gáy vang,
Kẻ buôn người bán đem hàng bày ra.
Tiếng gà rộn-rã gần xa,
Học-trò lũ bảy lũ ba đến trường

Câu hỏi :

– Gà gáy sáng gọi người làm gì ?
– Người buôn-bán làm gì ?
– Học trò đi đâu ?

45. BÒ

Em quan-sát và suy-nghĩ :

– Em đã thấy con bò bao giờ chưa ?
– Bò khác với trâu thế nào ? Người ta nuôi bò để làm gì ?
– Trong hình có mấy con bò ? Nó đang làm gì ?

Em đọc bài :

Con bò của chú Năm

Nhơn theo chú Năm ra chuồng bò. Con bò u nằm trong chuồng. Miệng nhơi (1) cỏ, đuôi đập qua đập lại để đuổi mòng. Đôi mắt nó lim-dim như đang ngủ. Nhơn ngắm bò hỏi :

–Thưa chú Năm, chú nuôi bò để làm gì ?

Chú Năm đáp :—Để kéo xe, cháu à !

— Cháu thấy ở Sàigòn, người ta nuôi bò sữa. Ở đây có giống bò đó không chú ?

— Không ! Miền này người ta nuôi bò để kéo xe. Cũng có nơi người ta nuôi bò để cày ruộng.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn theo chú Năm đi đâu ? Con bò đang làm gì ?*
— *Nhơn hỏi chú điều gì ? Chú trả lời làm sao ?*
— *Người ta thường nuôi bò để làm gì ?*

Em thực-hành :

• Đố em : — Bò nuôi để lấy sữa gọi là bò gì ?
— Bò ở trong rừng gọi là bò gì ? Bò con gọi là gì ?

• Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : sữa, kéo, thịt, da.

Người ta nuôi bò để ăn . . . . , lấy . . . . , ... xe.
Người ta còn thuộc . . . . bò để làm giày dép.

1. Nhai lại

46. CHĂN NUÔI

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Em nào đã thấy chuồng gà, heo, hoặc trâu, bò ? Chuồng làm bằng gì ?

— Tại sao người ta nhốt thú-vật trong chuồng ?

— Nga đang coi chú Năm làm gì ?

Em đọc bài :

Chú Năm nuôi bò

Chú Năm rửa chuồng bò. Chú xách nước giội trên nền gạch. Chú lấy chổi quét cho ráo nước. Thấy vậy, Nga hỏi :

–Tại sao phải rửa chuồng kỹ quá vậy chú ?

Chú Năm ngừng tay, đáp :

–Chuồng có sạch-sẽ, bò mới được khỏe-mạnh. Ngoài ra, còn phải cho nó ăn uống đầy-đủ. Và không nên bắt nó làm việc quá sức.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Chú Năm làm gì ? Chú giội nước ở đâu ?*

— *Muốn cho nền chuồng ráo nước, chú làm gì ?*

— *Tại sao phải rửa chuồng sạch-sẽ ?*

— *Phải cho thú-vật ăn uống thế nào ?*

— *Có nên bắt nó làm việc quá sức không ? Tại sao ?*

Em thực-hành :

• Em bắt-chước mẹ em giội sân gạch, xách nước đổ vào lu.

• Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : ăn, ốm đau, chuồng, sạch-sẽ, làm việc.

Người ta nuôi súc-vật trong . . . . Chuồng nuôi súc-vật phải được giữ . . . . Nhờ vậy, súc-vật ít . . . . Nuôi súc-vật, phải cho nó . . . . đầy-đủ và không nên bắt nó . . . . quá sức.

• Đố em :

— Con gì hay cục tác ? Con gì giữ nhà và hay sủa ?

— Con gì hay bắt chuột và hay ăn vụng ?

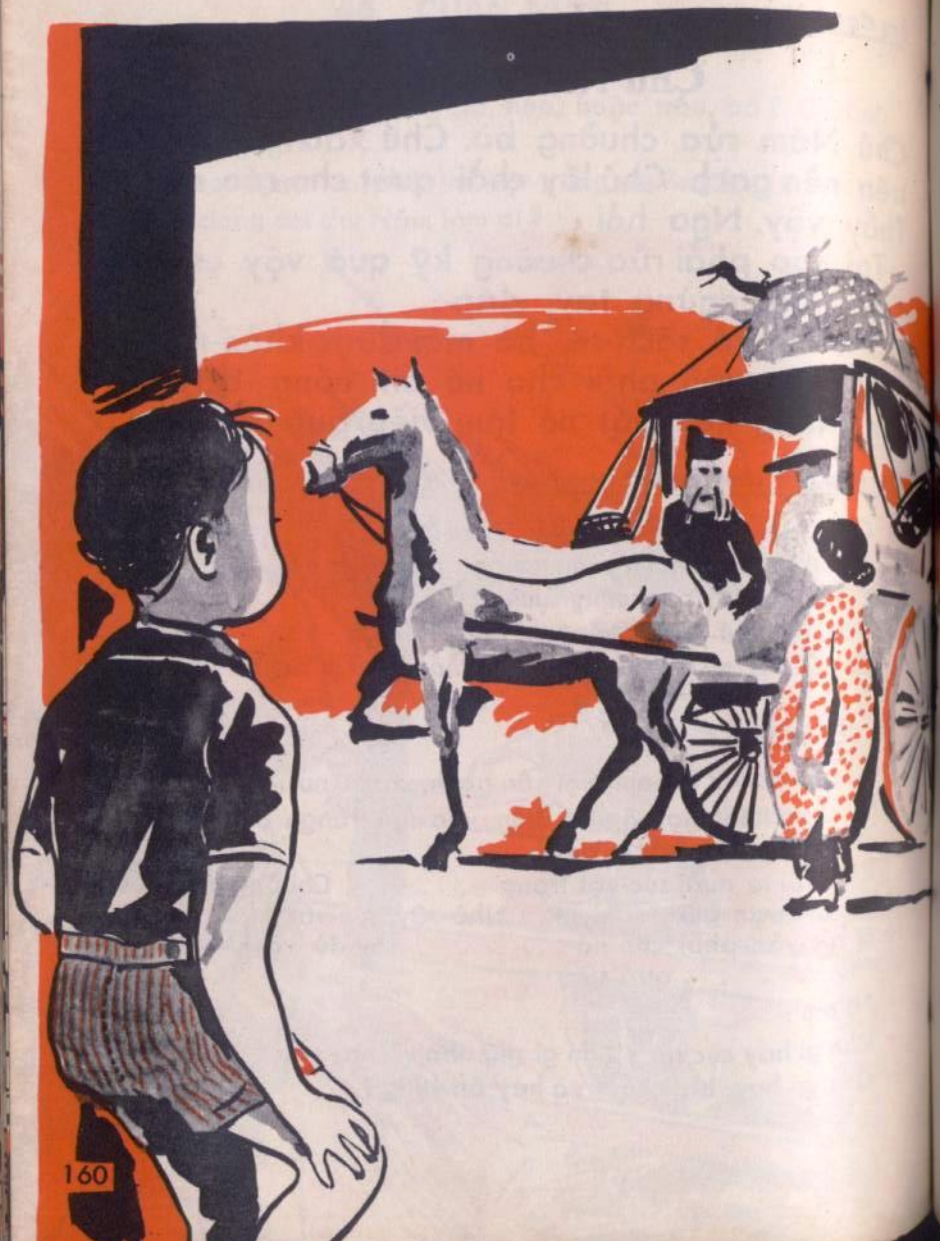

HỌC THUỘC LÒNG

Xe ngựa

Con ngựa trông khỏe-mạnh,
Kéo chiếc xe hai bánh.
Trong chở nhiều bạn hàng,
Trên chất đầy gióng (1) gánh.

Xe đỗ ngay trước cửa.
Nhơn ra đứng nhìn ngựa.
Hành-khách đã xuống xong,
Xe tiếp-tục chạy nữa.

Câu hỏi :

— *Con ngựa kéo vật gì ?*
— *Trong xe chở ai ? Trên xe chất những gì ?*
— *Xe đỗ ở đâu ? Hành-khách làm gì ?*

1. quang.

Gà mẹ giữ con

Duyên-dáng

Gà con ríu rít, gà mẹ đứng yên ngẩng đầu lên lắng

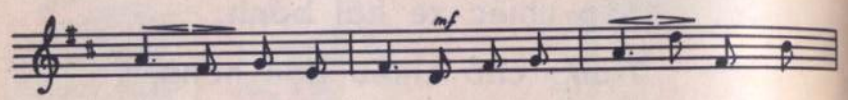

nghe rồi kêu đàn con. Gà con chui dưới cánh mẹ trốn

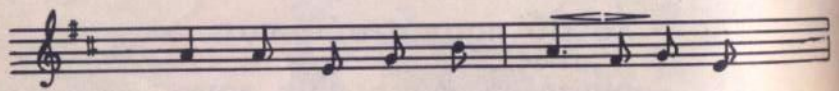

nhanh. Con diều in bóng đen trên góc sân

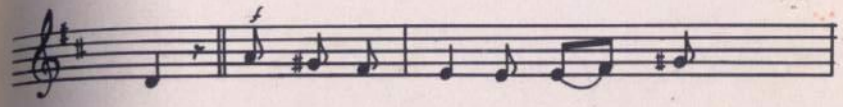

nhà. Lướt nhanh trên không, xoè rộng đôi

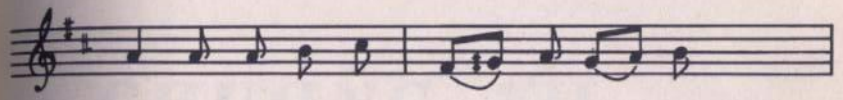

cánh, khoe hai chân móng nhọn rồi bay sà xuống

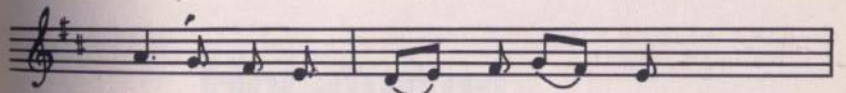

sân. Dưới sân con gà mẹ đưa mỏ lên oai

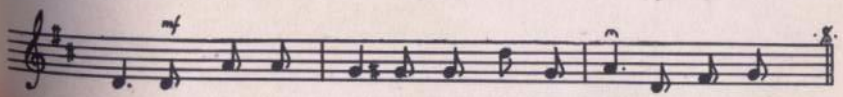

hùng, giận dữ, khiến cho diều đành phải lượn xa. Gà con ríu... FIN

CHƯƠNG VII

Học-đường

47. HIỆU-TRƯỞNG

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Ông Hiệu-trưởng trường em có thương học-sinh không ? Tại sao em biết ?
— Ông khuyên học-sinh ăn-mặc ra sao ?
— Ông Hiệu-trưởng khuyên học-sinh phải học-hành thế nào ?

Ông khen những học-trò nào ?
Ông căn-dặn học-sinh những gì trong giờ chơi ?

Em đọc bài :

Con té có đau không?

Giờ chơi . . .
Nhơn chạy giỡn, rủi vấp té.

Ông Hiệu-trưởng đứng gần đó, chạy lại đỡ em dậy.

Ông vừa phủi bụi bám vào quần áo Nhơn vừa hỏi :
—Con té có đau không ?
Nhơn mếu-máo, lấy tay chỉ đầu gối bị đá đâm lủng.

Ông Hiệu-trưởng dắt Nhơn vô phòng việc. Thấy Nhơn khóc ông dỗ :
—Thôi, con đừng khóc ! Băng bó xong, thầy cho người đưa con về nhà.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Lúc Nhơn té, ai đỡ Nhơn dậy ?*
— *Ông hỏi Nhơn điều gì ? Nhơn bị thương ở chỗ nào ?*
— *Ông Hiệu-trưởng dắt Nhơn vô phòng việc để làm gì ?*
— *Thầy Nhơn khóc, ông Hiệu-trưởng nói gì để dỗ nó ?*

Em thực - hành :

- Em làm điệu bộ : Em đỡ bạn dậy. Em phủi bụi bám vào quần áo bạn. Em băng vết thương cho bạn.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : khen. khuyên, thương:

  Ông Hiệu-trưởng . . . . . học trò lắm, Ông . . . . . học trò nên ăn-mặc sạch-sẽ. Ông . . . . . những em cố-gắng học-hành.

- Em xếp thành câu :

chăm sóc	Ông Hiệu-trưởng	học – sinh
kính mến	Học-sinh	Ông Hiệu-trưởng

48. HIỆU-TRƯỞNG và PHỤ-HUYNH HỌC-SINH

Em quan-sát :

- Phần nhiều các trường có Hội cha mẹ anh chị của học-sinh. Hội ấy gọi là Hội Phụ-huynh học-sinh.
- Trường em có Hội Phụ-huynh học-sinh không ?
- Ba em có chơn trong Hội không ?
- Mỗi khi có phiên họp, ai gởi thư mời ba em ?
- Ông Hiệu-trưởng mời ba em đi họp để làm gì ?

Em đọc bài :

Thư nói gì đó Ba ?

Nhơn đem thư của Ông Hiệu-trưởng về trao cho cha. Ông Hiền xé phong bì, bóc thư ra đọc. Đọc xong, ông xếp bỏ vào túi. Nhơn hỏi : —Thưa ba, thư nói gì đó ba ?

Ông Hiền đáp :

—Ba có chơn trong Hội phụ-huynh học-sinh.

Ông Hiệu-trưởng mời ba để bàn về « Cây mùa xuân ».

— Hội Phụ-huynh học-sinh là hội gì vậy ba ?

— Là hội cha mẹ và anh chị của học-sinh. Hội giúp nhà trường săn sóc các con.

— Hèn chi ! Tại trường, con thấy bảng : Trụ-sở Hội Phụ-huynh học-sinh.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn đem thư của ai về trao cho cha ? Trong thư nói gì ?*
— *Hội phụ-huynh học-sinh là hội gì ?*
— *Hội giúp nhà trường làm việc gì ?*

Em thực-hành :

- Em xếp giấy làm tàu. Em xếp tập cất vào cặp. Em xếp khăn bỏ vào túi. Em đọc chậm. Em đọc mau. Em đọc thầm. Em đọc lớn tiếng.
- Tìm tiếng phản nghĩa với : trong, bỏ vào.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : nhà trường, phụ- huynh, mùa xuân.

  Tết sắp đến, Ông Hiệu-trưởng mời hội . . . . học-sinh để bàn về việc tổ-chức « Cây . . . . . ».

  Hội phụ-huynh học-sinh phụ giúp. . . . săn-sóc học-sinh.

49. GIÁO-VIÊN

Em quan-sát và kể chuyện :

— Thầy em thường ngày mặc áo quần gì ?
— Thầy em dạy em học những môn gì ?
— Thầy em có thương em không ? Tại sao em biết ?
— Thầy em đã dẫn các em đi xem đồng ruộng, hoặc hãng xưởng, hoặc một nơi nào khác. Em hãy kể lại chuyến đi đó. (Em đi bao giờ ? đi đâu ? Trong lúc đi đường, thầy em căn-dặn em điều gì ? Thầy em chỉ cho em xem những gì ? . . .)

Em đọc bài :

Đi xem sở thú

Nhơn và các bạn được thầy dẫn đi xem sở thú.
Học-sinh lần-lượt lên xe.
Thầy đi xem từng chỗ ngồi, và gài chốt cửa xe lại.
Thầy lên ngồi phía sau. Xe chạy, thầy căn-dặn:
-Các em đừng thò tay ra ngoài nghe ! . . .
Đến nơi thầy mở cửa xe cho học-sinh xuống.
-Các em sắp hàng, tiến vào sở thú.
Thầy luôn luôn nhắc-nhở các em đừng chọc phá thú-vật. Các em hỏi đủ điều, thầy vui-vẻ cắt-nghĩa luôn miệng.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Thầy dẫn học-sinh đi đâu ?*
— *Khi học-sinh lên xe rồi, thầy làm gì ?*
— *Khi xe chạy, thầy căn-dặn điều gì ?*
— *Đến sở thú, thầy nhắc-nhở các em gì ?*
— *Khi các em hỏi thì thầy làm gì ?*

Em thực-hành :

- Em gài nút áo. Em gài cửa sổ. Em thò tay ra trước. Em thò đầu ra cửa.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống: căn-dặn, dẫn, cắt-nghĩa.
  Hôm nay, thầy . . . . . học-sinh đi chơi.
  Trước khi ra khỏi trường, thầy . . . . . các em lúc đi đường không nên trửng giỡn. Đến nơi thầy . . . . . cho các em nghe những điều các em muốn biết.
- Đố em :
  — Ai có công nuôi nấng em ? — Ai có công dạy dỗ em ?

HỌC THUỘC LÒNG

Giờ chơi

Lớp đang im lặng như tờ,
Bỗng chuông báo hiệu đến giờ ra chơi.
Sân trường nhộn-nhịp khắp nơi,
Chỗ thì rượt bắt, chỗ chơi đánh nhà.
Tiếng cười giỡn, tiếng reo la.
Trẻ em vui-vẻ, hát ca tưng-bừng.

Câu hỏi :

— *Giờ chơi, sân trường thế nào ?*
— *Học-sinh chơi những trò chơi gì ?*
— *Lúc ấy, người ta nghe những tiếng gì ?*

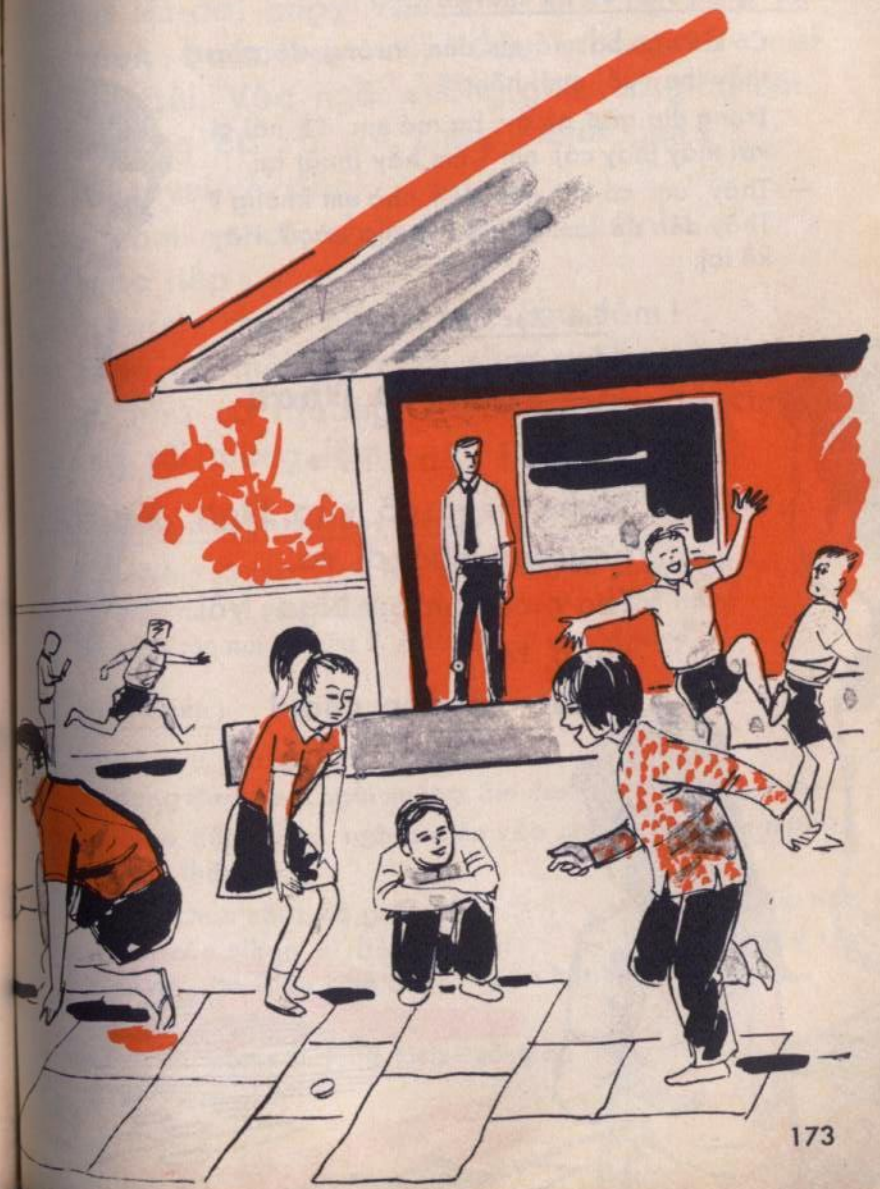

50. GIÁO-VIÊN (tiếp theo)

Em quan-sát và kể chuyện :

— Có khi nào ba má em đến trường để gặp thầy (hay cô) em không ?

Trong dịp gặp-gỡ ấy, ba má em đã nói gì với thầy (hay cô) em ? Em hãy thuật lại.

— Thầy em có khi nào đến nhà em không ? Thầy đến để làm gì ? Trong dịp nào ? Hãy kể lại.

Em đọc bài :

Cô giáo của Nhơn

« Cộp ! cộp ! ... »

Nghe tiếng gõ cửa, Nga từ trong nhà đi ra.

Thấy cô giáo, Nga vội chắp tay.

–Thưa cô đến chơi !

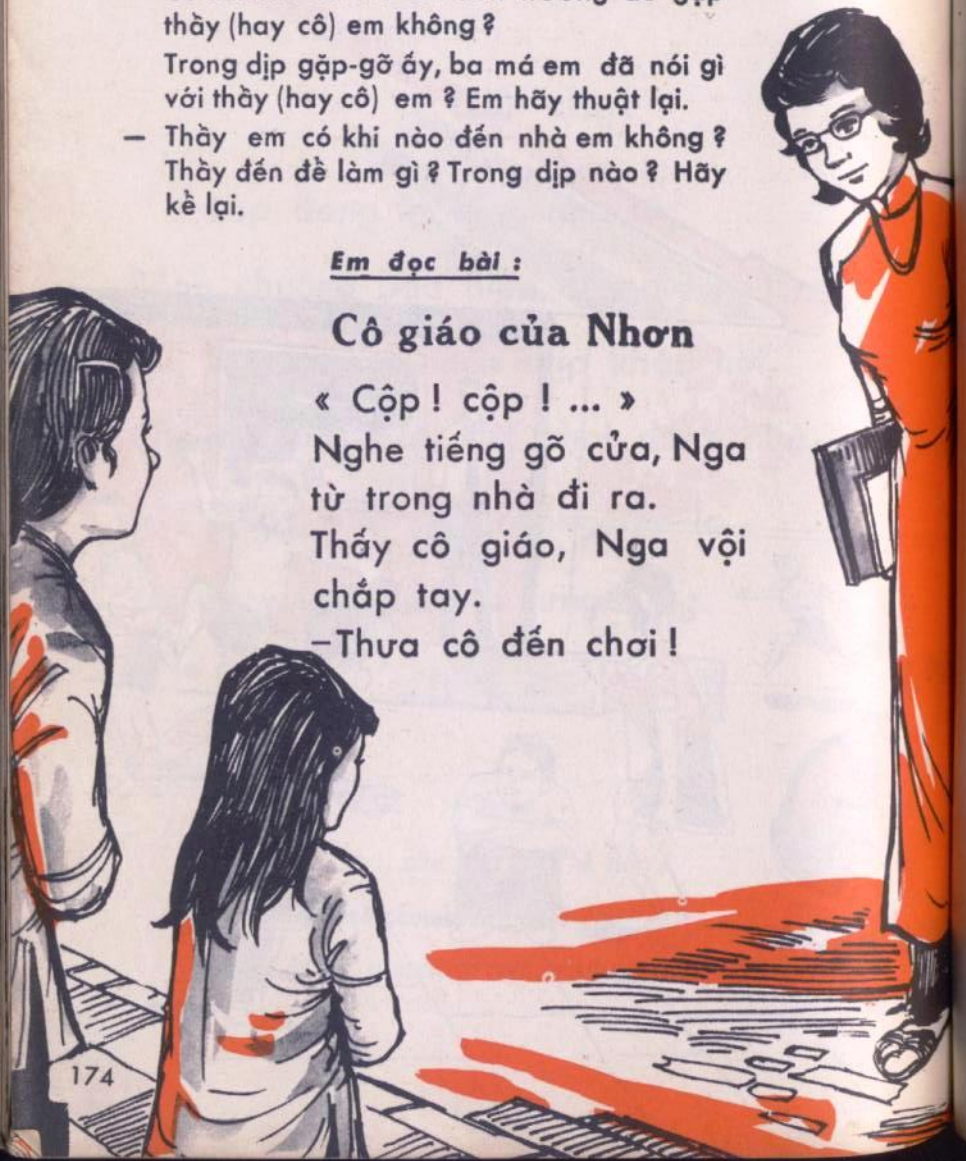

Rồi nó lật-đật chạy vào nhà cho mẹ hay.

Bà Hiền bước ra, cúi đầu chào và mời khách ngồi. Vừa ngồi xuống ghế, cô giáo nói :

–Thưa, ông bà và các cháu mạnh giỏi ?

Bà Hiền vui-vẻ đáp :

–Dạ, cám ơn cô, chúng tôi vẫn mạnh.

Cô giáo tiếp :

–Dạo này, cháu Nhơn học khá lắm !

Bà Hiền nở một nụ cười sung-sướng :

–Dạ, nhờ cô thương, hết lòng dạy-dỗ cháu. Chúng tôi mừng lắm !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nghe tiếng gõ cửa, Nga làm gì ? Thầy cô giáo, Nga nói gì ?*
— *Cô giáo nói gì với bà Hiền ? Bà Hiền đáp thế nào ?*
— *Cô giáo còn nói gì nữa ? Bà Hiền tỏ vẻ thế nào ?*

Em thực-hành :

• Em gõ cửa. Em gõ mõ.
Em đang đứng, em ngồi xuống. Em đang nằm, em ngồi dậy.

• Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : vui mừng, dạy-dỗ, thăm.

Ngày chúa nhựt, cô giáo đến . . . . cha mẹ của em Nhơn. Mẹ của Nhơn là bà Hiền rất . . . . được tiếp cô giáo tại nhà. Bà Hiền cám ơn cô giáo hết lòng . . . . . con mình.

• Em và hai bạn em đóng kịch : cô giáo đến viếng bà Hiền.

51. NAM-SINH, NỮ-SINH

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Lớp em có bao nhiêu học-trò ? Học-trò còn gọi là gì nữa ?
— Nữ-sinh là ai ? Lớp em có bao nhiêu nam-sinh ?
— Hôm nay, lớp em vắng mặt mấy trò ? Có mặt mấy nữ-sinh ?
— Mấy nam-sinh vắng mặt ?

Em đọc bài :

Lớp em đông quá !

Nhơn cầm tấm hình khoe :
–Chị Mai lại coi hình lớp em đây nè !

Mai bước lại xem, nói :
–Lớp em đông quá ! Bao nhiêu học-sinh vậy em ?
Nhơn trả lời : –Năm mươi ba !
Mai đếm rồi nói :
–Có hai mươi mốt nữ-sinh và ba mươi nam-sinh. Tính chung là năm mươi mốt.
Sao em bảo năm mươi ba lận ?
Nhơn nhìn lại tấm hình, đáp : –Phải rồi !
Hôm chụp hình, hai anh Thu và An vắng mặt.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn khoe gì với Mai ? Mai hỏi gì ?*
— *Nhơn trả lời thế nào ? Trong hình có bao nhiêu học-sinh ?*
— *Vậy có bao nhiêu học-sinh vắng mặt ?*
— *Lớp Nhơn có bao nhiêu nam-sinh ? (tính luôn hai em vắng mặt).*

Em thực-hành

- Em tìm tiếng :
  Nghịch với chung là. . . . . .
  Nghịch với vắng mặt là . . . .
- Em điền tiếng vào chỗ trống :
  Lớp em có . . . . học-sinh. Trong số này có . . . . nam-sinh và . . . . nữ-sinh. Mỗi ngày, thầy kiểm-điểm học-sinh có mặt và . . . . .
- Em xếp thành câu :

có	Lớp học của Nhơn	học-sinh	năm mươi ba

52. HỌC-TRÒ MỚI

Em quan-sát và nhớ lại :

— Hôm tựu-trường lớp em có bao nhiêu học-trò ?
— Bây giờ lớp em có được bao nhiêu ?
— Những em nào đã thôi học ?
— Những em nào mới vào học ? Trước kia em đó học trường nào, em biết không ?

Em đọc bài

Anh học-trò mới

Mai cầm tấm hình ngắm-nghía rồi hỏi :
–Anh nào đứng phía sau cao quá vậy em ?
Nhơn đáp : –Anh Hiền đa chị ! Anh ấy ở tỉnh mới lên. Trông người anh, cái gì cũng mới cả.

Tóc mới hớt. Áo vải trắng mới, quần xanh mới. Đôi dép cao-su cũng mới.
Hôm thợ lại chụp hình, coi bộ anh nhút-nhát lắm. Anh đứng riêng một mình ở ngoài.
Người thợ chụp hình phải kéo tay anh, sắp anh đứng phía sau cùng.
Mai cười : –Học trò mới, ai mà chẳng thế !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Mai xem hình rồi hỏi Nhơn điều gì ? Nhơn trả lời ra sao ?*
— *Hiền ở đâu mới lên ? Hiền ăn-mặc thề nào ?*
— *Tại sao Hiền đứng riêng một mình ở ngoài ?*
— *Người thợ chụp hình sắp Hiền đứng ở đâu ?*

Em thực-hành :

- Em chụp dế. Em chụp banh. Em bắt chước thợ chụp, chụp hình bạn em.
- Em tìm tiếng : Nghịch với mới là . . . . . .
  Nghịch với ngoài là . . . Nghịch với nhút-nhát là . . .
- Em lựa hai câu đúng : Đứa bé nhút-nhát :
  — Không dám thuật chuyện trước đám đông.
  — Trả lời lớn tiếng khi thầy hỏi.
  — không dám đứng hát trước mặt các bạn.
  — Trả lời rõ-ràng vừa đủ nghe.

Đôi bạn

Nhựt, Tí hai bạn thân,
Tí thích học sử-ký,
Nhựt ưa học địa-lý.
Hai em đều chuyên-cần.

Nhựt, Tí tánh hiền-lành.
Hai em như ruột thịt,
Thương nhau tình thắm-thiết,
Giúp nhau lúc học-hành.

Câu hỏi :

— *Nhựt là gì của Tí ?*
— *Tí thích học gì ?*
— *Nhựt ưa học gì ?*
— *Hai em học-hành thế nào ?*
— *Hai em thương nhau không ?*

Sân trường

Avec entrain

Các em vui chơi đùa đua nhau reo

hò chạy quanh sân nhảy múa. Tiếng nói

tiếng cười nối nhau vang lừng. Thân, Nam thảy

dù. Thành, Tâm, Quan cút bắt. Đức, Dũng

đá cầu. Lành, Tâm, Chín thảy banh chuyền trong

góc. Ngoài sân cát, dưới bóng cây dương, Kim, Ba

vui chơi. Học - sinh gái nhảy dây và chơi

đánh đũa hoặc ngồi nghỉ chân. Trống vang ba

tiếng Học - sinh kéo nhau đứng lên sắp

hàng Các em vui chơi...

53. HỌC-TRÒ GIỎI

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Cuối năm học vừa qua, em có dự lễ phát thưởng không ? Trong buổi lễ ấy, nhà trường phát thưởng cho những học trò nào ?

— Trong lớp em, anh (hoặc chị) nào học giỏi hơn cả ? Nhờ gì em biết anh (hoặc chị) ấy học giỏi ?

Em đọc bài :

Người học-trò giỏi

Nhơn đưa quyển chuyện đời xưa cho Nhựt mượn.

Nhựt ra về...

Từ nhà sau bước ra, Mai hỏi Nhơn :

—Đứa nào đó em ? Nhơn đáp :

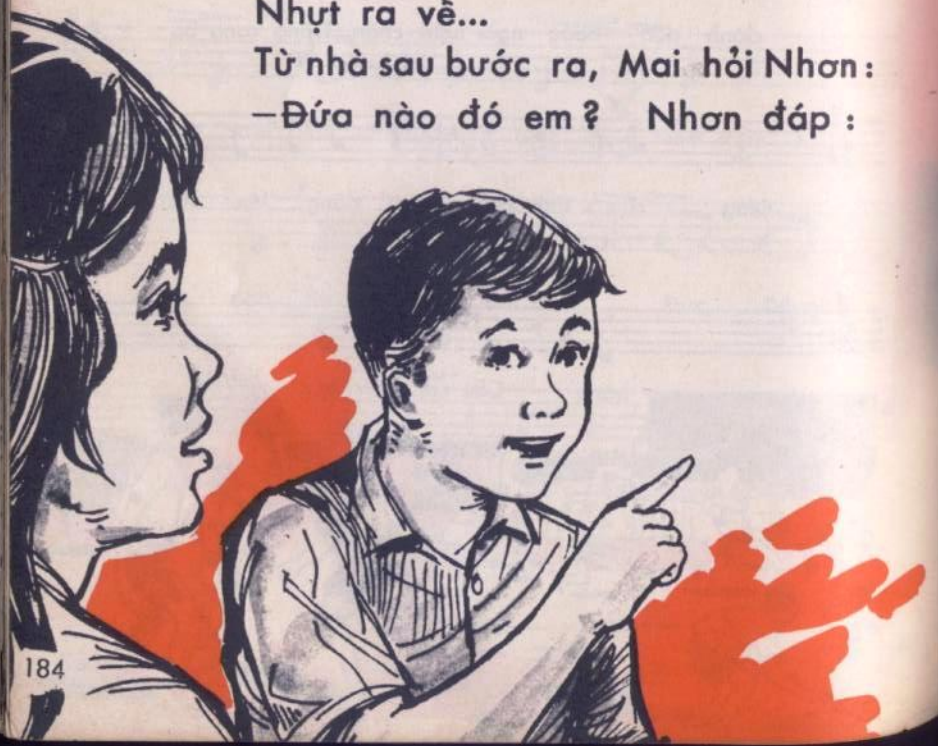

—Anh Nhựt học một lớp với em, chị không biết sao ? Anh học giỏi lắm chị à ! Anh viết chữ đẹp mà vẽ cũng khéo nữa. Thày cho bài toán nào anh cũng làm trúng hết. Thày dạy điều gì, anh cũng hiểu cả.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhựt học cùng lớp với ai ?*

— *Nhựt là người học trò thế nào ?*

— *Chữ anh viết ra sao ?*

— *Anh còn giỏi về môn gì nữa ?*

Em thực-hành :

- Em đưa quyển sách cho bạn. Em đưa bạn ra xe.
- Em tìm tiếng phản nghĩa với : giỏi, đẹp, trúng.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : trúng, đẹp, giỏi, khéo.

Nhựt là học trò . . . . chữ anh viết . . . . . lắm: Anh vẽ cũng . . . . Thày ra bài nào, anh cũng làm . . . . . hết.

54. HỌC-TRÒ TRỌNG KỶ-LUẬT

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Người học-sinh trọng kỷ-luật luôn luôn nghe theo lời thầy cô. Để chứng tỏ em là học-sinh biết trọng kỷ-luật: Khi nghe tiếng trống vào lớp, em làm gì ?
Trong lớp em có làm ồn không ?
Em có đi học trễ không ? Vậy em phải đến trường lúc nào để khỏi trễ giờ ?

Em đọc bài :

Tiếng trống vào học

Nhơn cùng các bạn chơi
bắn đạn. Phương nhắm
thật lâu rồi buông đạn...
Tiếng cười rộ :—Hụt rồi!
Tiếng trống bỗng vang lên.

Nhơn giợm chạy về lớp sắp hàng.
Nhựt kêu giựt lại : —Khoan anh !
Đạn của anh Phương cách đạn anh không xa.
Thế nào anh bắn cũng trúng !
Sao anh bỏ ? Uổng quá !
Nhơn đáp : —Trống vào học rồi !
Chúng ta không nên chần-chờ !

Em tập nói chuyện và học tiếng

— *Nhơn cùng các bạn bày trò chơi gì ?*
— *Nghe tiếng trống vào học, Nhơn làm gì ?*
— *Nhựt cản Nhơn lại và nói gì ?*
— *Nhơn trả lời làm sao ? Nhơn là người học trò thế nào ?*

Em thực-hành :

- Em bắt-chước :
  — người thợ săn cầm súng nhắm bắn con nai.
  — đứa trẻ cầm ná thun nhắm bắn con chim.
  — học-sinh nhắm bắn đạn.
  — người Thượng cầm cung tên nhắm bắn thú rừng.
- Em sắp tiếng phản nghĩa song song với nhau : buông ra, bắn trúng, nhắm đúng, bắn hụt, nhắm sai, nắm lại.
- Em chọn hai câu đúng trong ba câu dưới đây :
  Em là học-sinh biết trọng kỷ-luật khi :
  — em xả rác trong lớp.
  — em đi học đúng giờ.
  — em không làm ồn trong lớp.

HỌC THUỘC LÒNG

Má Phương vào lớp Tí

Má Phương vào lớp Tí.
Học trò đều đứng dậy.
Má Phương đến trình thầy :
Xin cho Phương được nghỉ.

— Phương càn nghỉ mấy ngày ?
— Thưa thầy, cháu bị sốt.
Xin cho nghỉ tới mốt.
Cháu sẽ đi học ngay.

Câu hỏi :

— *Khi má Phương vào lớp thì học sinh làm gì ?*
— *Má Phương đến lớp làm chi vậy ?*
— *Má Phương xin cho con nghỉ mấy ngày ?*
— *Phương đau bịnh gì ?*

55. BẠN HỌC

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Em có bao nhiêu bạn cùng học một lớp với em ?
— Trong số những bạn học đó, có bao nhiêu bạn cũ ? Bao nhiêu bạn mới ?
— Viết tên hai bạn thân nhứt của em vào một mảnh giấy.

Em đọc bài :

Anh ấy dễ thương lắm !

Nhơn và Châu là đôi bạn thân.
Hằng ngày, chúng rủ nhau đi học.
Sau buổi học, chúng cùng nhau về nhà.
Bữa nọ, trên đường về.
Châu vừa chỉ một bạn học đi trước mặt, vừa hỏi : — Anh bạn mới tên gì đó Nhơn ?
Nhơn nhìn Châu : — Anh Hiền đó Nhơn.
Anh ấy ở tỉnh, mới theo ba anh lên Sàigòn.
Ba anh cũng mới dọn nhà lại ở cạnh nhà Nhơn.
Bữa nào, tụi mình làm quen với anh.
Coi bộ anh dễ thương lắm !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn và Châu có thân nhau không ? Tại sao em biết ?*
— *Bữa nọ, trên đường về nhà, Châu hỏi Nhơn điều gì ?*
— *Nhơn trả lời ra sao ? Tại sao Nhơn muốn kết bạn với Hiền ?*

Em thực-hành :

- Em đi trước mặt bạn. Em đi sau lưng bạn. Em đi bên cạnh bạn.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống : bạn mới, bạn cũ, học-sinh, anh em.

  Lớp em có năm chục . . . . . Phần đông là . . . của em. Có một số ít . . . . Em coi bạn học của em như . . .
- Em xếp thành câu

bạn thân	Nhơn là	của Châu

56. GIÚP ĐỠ BẠN.

Em kể chuyện :

— Có khi nào em giúp-đỡ bạn em không ? Nếu có, em hãy kể lại việc em làm.

Em đọc bài :

Mình dùng chung

một cái kéo được mà !

Nhơn và Phương vui-vẻ cặp tay nhau đi ra phố.

Đến trước một tiệm bán dụng-

cụ học-sinh, Nhơn rủ :

—Mình vào đây mua giấy màu làm thủ-công.

Phương lắc đầu, nét mặt không vui, đáp :

—Phương không có tiền, Nhơn mua một mình đi !

— Rồi làm sao Phương làm thủ-công ? Thôi, mình mua một tờ rồi chia đôi vậy ! À, mà Phương có kéo chưa ?

— Chưa có, Nhơn à !

— Không sao, để Nhơn cho mượn. Mình dùng chung một cái kéo được mà !

Nói xong, Nhơn cùng Phương vào tiệm ....

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn và Phương cặp tay nhau đi đâu ?*
— *Nhơn rủ Phương vào tiệm bán dụng-cụ học-sinh làm chi vậy ?*
— *Tại sao Phương không chịu mua giấy màu ?*
— *Nhơn giúp-đỡ Phương điều gì ?*

Em thực - hành :

• Em cặp tay bạn, em cặp nách quyển sách.
Em chia đôi tờ giấy. Em chia đôi cái bánh.

• Em chọn tiếng : chung, riêng.

— Bạn em và em học . . . . một lớp, nhưng chúng em ở . . . . .

— Chị em và em ở . . . . một nhà, nhưng chúng em đi học . . . . vì chị em học trường nữ, còn em học trường nam.

57. THĂM VIẾNG BẠN

— Em có bạn thân cùng lớp không ? Bạn thân của em tên gì ?
— Nhà của bạn em ở cách nhà em bao xa ?
— Em có thường tới nhà bạn em chơi không ?
— Em với bạn em thường đi đâu chơi ?
— Khi vắng mặt bạn thân lâu ngày, em thấy thế nào ?

Em đọc bài :

Chừng nào Châu đi học ?

Châu đang nằm ngủ, chơn kê lên gối.
Nghe mẹ kêu, Châu mở mắt ra.
Nhơn bước vào phòng, đứng sát giường, nhìn chơn bạn : — Châu bị xe đụng ở chơn đó hả ?

Châu gật đầu đáp : — Ừ ! thiếu chút nữa gãy chơn rồi Nhơn à ! Nhơn xuýt-xoa, hỏi tiếp :
– Châu có đau nhiều không ?
— Hồi mới bị xe đụng, đau lắm ! Bữa nay bớt rồi !
— Chừng nào Châu đi học được ?
— Bác-sĩ nói hết tuần này lận !
Nhơn lấy trong túi vải ra ba trái cam, để lên bàn :
– Má Nhơn bảo đem mấy trái cam nầy cho Châu !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Tại sao Châu lại phải kê chơn lên gối ?*
— *Mẹ Châu kêu Châu làm chi vậy ?*
— *Nhơn nhìn chơn bạn và hỏi gì ?*
— *Châu đáp thế nào ? Vì sao Nhơn xuýt-xoa ?*
— *Nhơn hỏi Châu gì nữa ? Nhơn cho bạn gì ?*

Em thực-hành :

- Em bắt-chước người y-tá băng-bó vết thương : rửa vết thương, thoa thuốc, đặt vải băng và bông gòn lên vết thương rồi băng lại.
- Em chọn tiếng hợp nghĩa điền vào chỗ trống: thăm, thân, đụng, buồn.

  Nhơn và Châu là hai bạn . . . . . Châu bị xe . . . . . Nhơn đến . . . . bạn. Châu chưa đi học được. Vắng bạn, Nhơn . . . . lắm.
- Em chọn 2 câu đúng trong 4 câu dưới đây :

  Em thương bạn thân em, nên em :
  — không tới nhà bạn em chơi,
  — thường tới nhà bạn em chơi,
  — không cho bạn em mượn sách,
  — không gây-gổ với bạn em.

HỌC THUỘC LÒNG

Học-trò giỏi

Luôn luôn đi học đúng giờ,
Tí là một cậu học-trò rất ngoan.
Thầy khen Tí viết ngay hàng,
Khen Tí tập đọc rõ-ràng từng câu,
Khen Tí chăm-chỉ tiến mau,
Tháng nào Tí cũng đứng đầu lớp em.

Câu hỏi :

— *Tí đi học có trễ không ?*
— *Vậy Tí đi học thế nào ?*
— *Thầy khen Tí viết thế nào ? Đọc thế nào ?*
— *Hằng tháng, Tí được xếp hạng mấy trong lớp ?*

Anh Tâm, bạn em

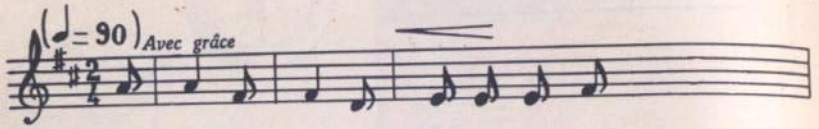

Có gắng, siêng-năng, học chăm, anh Tâm tiến

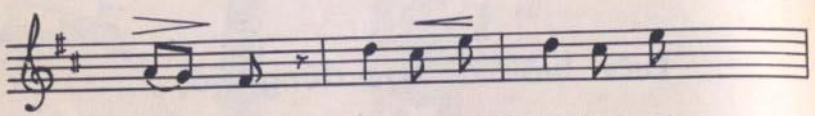

rất nhanh. Khi vào lớp, không chọc phá

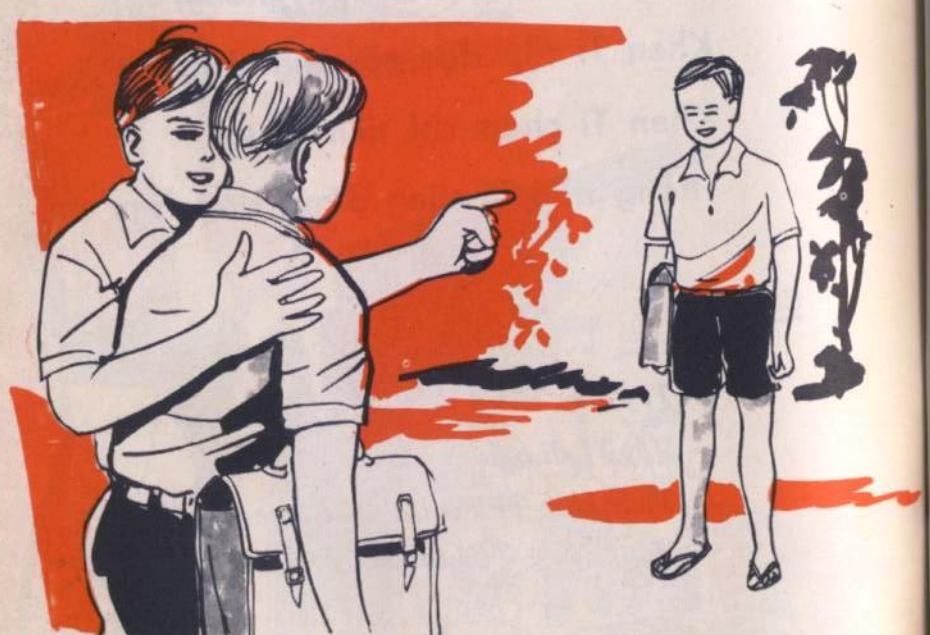

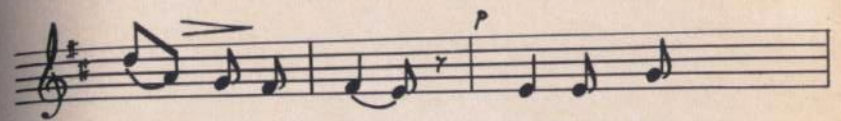

anh em hay la cười. Đồ dùng, sách

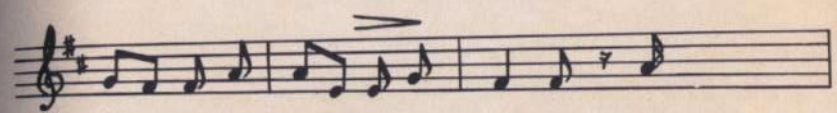

vở, luôn luôn giữ kỹ, chẳng hè mất hay hư. Đầu

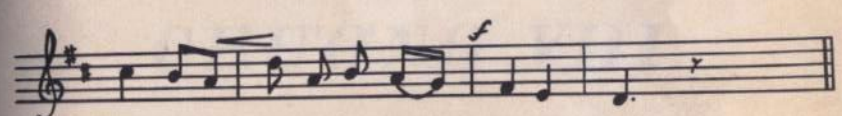

cổ thân mình giữ sạch-sẽ chẳng dơ bao giờ.

CHƯƠNG VIII

Trò chơi

58. TRÒ CHƠI : THẢ TÀU

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Có khi nào em xếp xuồng bằng giấy không ?
— Có khi nào em xếp tàu không ?
— Tàu và xuồng, thứ nào dễ xếp ?
— Em thường xếp tàu bằng giấy gì ?
— Em thả tàu ở đâu ?
— Tại sao ba má em không cho em đem tàu ra bờ sông thả chơi ?

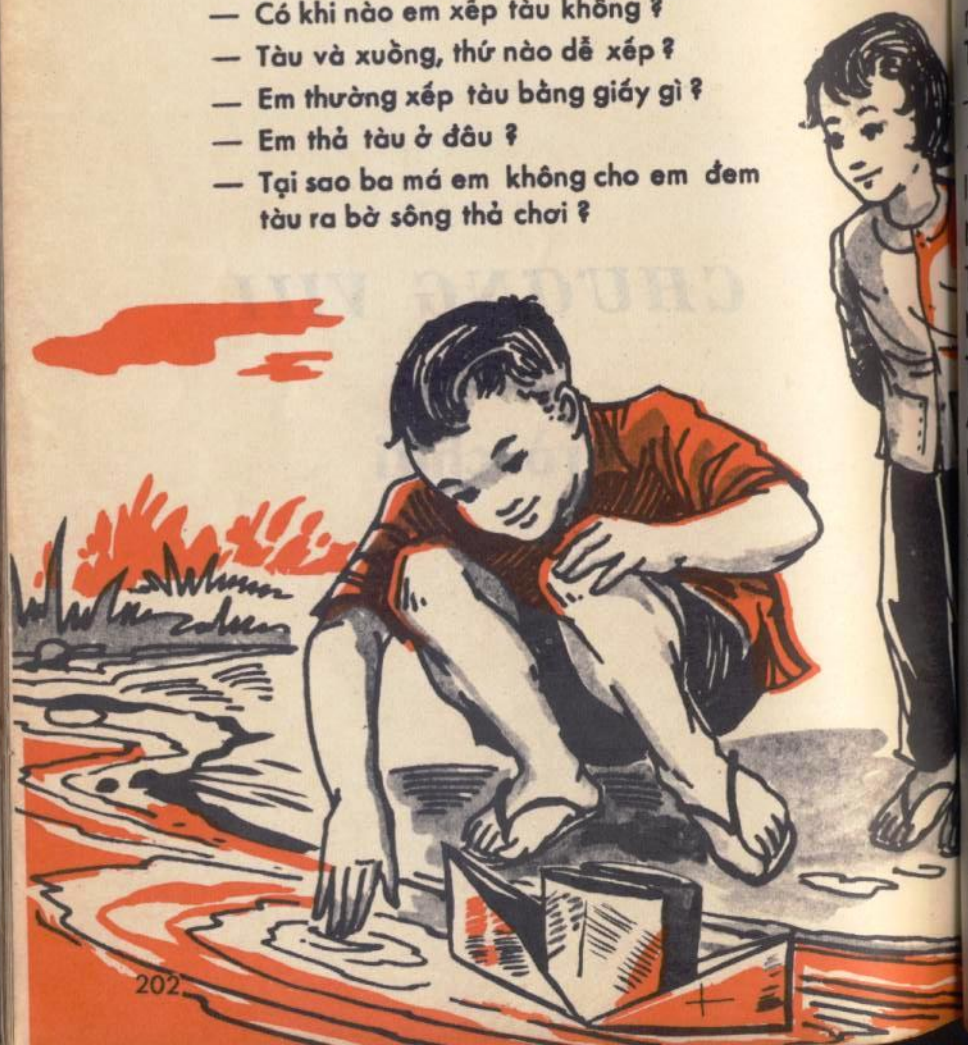

Em đọc bài :

Nhơn thả tàu

Mưa vừa tạnh, Nhơn gọi em bảo : — Nga ơi, ra đường mương sau nhà coi anh thả tàu.
Từ trong nhà, Nga hỏi vọng ra :
— Tàu đâu anh có mà thả ?
— Anh mới xếp chiếc tàu bằng giấy dầu lớn lắm. Có lính thủy và súng bằng cao-su nữa...
Nhơn thả tàu xuống mương.
Tàu bị dòng nước đưa đi gần tới rạch.
Nhơn lấy miếng ván khoát nước làm sóng.
Tàu lắc-lư, rồi nghiêng về phía trái.
Anh lính cao-su té nằm sấp giữa tàu.
Nga la lớn : — Anh lính thủy té rồi !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn xếp tàu bằng giấy gì ? Nga hỏi Nhơn điều gì ?*
— *Nhơn trả lời thế nào ? Nhơn thả tàu tại đâu ?*
— *Tại sao người lính cao-su té ? Nga nói gì với Nhơn ?*

Em thực-hành :

- Em khoát nước. Em khoát tay (1).
- Đố em : — tàu buôn là tàu gì ? tàu chiến là tàu gì ?
  — tàu lặn là tàu gì ? tàu lặn còn gọi là gì nữa ?
  — tàu hỏa là tàu gì ? tàu bay là tàu gì ?
- Em xếp một chiếc tàu bằng giấy.

1. Xua tay.

59. CÀU TUỘT

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Em nào đã thấy cầu tuột ? Cầu tuột để làm gì ?
Cầu tuột cao hay thấp ?
Hai bên cầu tuột có lan-can để làm chi vậy ?
— Trong hình, Mai, Nhơn, Nga đang ở đâu ?
Nhơn đang làm gì ? Nga đứng đâu ?
Mai đứng đâu ? Gần bên cầu tuột có những vật gì ?

Em đọc bài :

Cầu tuột

Nga, Nhơn, Mai đến vườn chơi dành cho trẻ em. Nhơn kéo tay Nga, nói :
—Chạy mau lại cầu tuột chơi, em Nga !
Nhơn leo lên cầu.
Nga vịn lan-can leo lên sau...
Mai căn-dặn em :–Nga khoan tuột nghe !
Đợi anh Nhơn tuột trước, rồi em sẽ tuột sau.
Nhơn ngồi bẹp xuống ván cầu, tuột chậm-chậm.
Nga bắt-chước anh tuột theo.
Xuống tới đất, Nga reo :
—Em đi cầu tuột được rồi, chị Mai ơi !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Trong vườn chơi có những gì để trẻ em chơi ?*
— *Nhơn rủ em làm gì ?* — *Nga vịn lan-can làm chi vậy ?*
— *Nhơn tuột mau hay chậm ?* — *Nga khoe với Mai điều gì ?*

Em thực-hành :

- Em bắt-chước người thợ leo thang, người lực-sĩ leo dây.
- Em ngồi bẹp.
  Em ngồi xếp bằng.
  Em ngồi chồm hổm.
- Đố em :
  Cầu gì bên ván bên thang.
  Trẻ em kéo đến sắp hàng tuột chơi ?

60. NGỰA GỖ

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Em đã thấy con ngựa gỗ chưa ? Ngựa gỗ có mấy chân ?
— Trên lưng ngựa gỗ có gì ? Ngựa gỗ của em màu gì ?
— Muốn cỡi ngựa gỗ em phải làm gì ?
— Trong hình Nhơn đang làm gì ? Nga đứng ở đâu ?
— Nga đang làm gì ?

Em đọc bài :

Nhơn cỡi ngựa

Ông Hiền mới mua cho Nhơn con ngựa gỗ. Toàn thân ngựa màu vàng, điểm bông đỏ. Nhơn leo lên yên ngồi. Nhơn nắm chặt tay cầm. Miệng kêu «tróc, tróc», em cúi rạp trên lưng ngựa. Ngựa chồm tới rồi ngóc đầu lên. Ban đầu ngựa lắc chậm. Làn làn ngựa chạy mau. Nga vỗ tay, khen :– Anh Nhơn cỡi ngựa chạy mau quá ! Bà Hiền nghe, chạy ra bảo :
– Nhơn, chậm chậm vậy con, coi chừng té đa !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Ngựa gỗ của Nhơn màu gì ? Điểm bông gì ?*
— *Nhơn leo lên ngồi ở đâu ? Muốn ngựa chạy Nhơn làm gì ?*
— *Nga khen anh thế nào ? Bà Hiền khuyên Nhơn điều gì ?*

Em thực-hành :

- Em lắc đầu, em lắc bình mực.
  Em bắt chước tiếng ngựa hí.
  Em bắt chước ngựa tế, ngựa phi.
- Đố em : Ngựa lông màu đen gọi là ngựa gì ?
  Ngựa lông màu trắng gọi là ngựa gì ?
- Em xếp thành câu

lưng ngựa	tay cầm	nắm chặt	Nhơn leo lên

HỌC THUỘC LÒNG

Nhơn cỡi ngựa gỗ

Nhơn lên yên ngựa gỗ.
Bám chặt lấy tay cầm.
Chơn kẹp hai bên cổ.
Mắt nhìn ngựa đăm đăm.

Nhơn chồm mình tới trước.
Miệng bảo ngựa:—Đi mau.
Ngựa cúi xuống như bước.
Rồi ngả về phía sau.

Câu hỏi :

— *Nhơn cỡi gì ?*
— *Tại sao em bám chặt tay cầm ?*
— *Chơn em kẹp ở đâu ?*
— *Nhơn chồm tới làm chi vậy ?*
— *Ngựa gỗ cử-động thế nào ?*

61. TRÒ CHƠI XE LỬA

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Em đã thấy xe lửa bao giờ chưa ?
— Xe lửa còn gọi là gì ? Đầu xe lửa kéo gì ở phía sau ? Có khi nào em cùng các bạn giả bộ làm xe lửa không ?
— Muốn chơi xe lửa phải có bao nhiêu em ?
— Em đi đầu gọi là gì ?
— Các em đi sau gọi là gì ?

Em đọc bài

Chơi xe lửa

Nhựt, Tân, Nhơn rủ nhau chơi xe lửa.
Nhơn nói : — Tôi làm đầu máy nghe !
Nhựt nói : — Tân và tôi làm toa xe.
Rồi Nhựt ôm lưng Nhơn, Tân ôm Nhựt.
Nhơn bắt-chước xe huýt còi : «hoét ! hoét !»
Cả ba vừa chạy lúp-xúp (1) vừa la :
«Xì-xịt ! Xì-xịt ! Xì-xịt !»
Nga đứng tại gốc cây cam giơ tay vẫy.
Đầu máy thổi : «hoét ! hoét !»
Xe ngừng. Nhơn nói : — Nga lên xe đi !
Nga chạy lại ôm lưng Tân. Xe «xì-xịt» chạy tới.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn rủ các bạn làm gì ? — Ai làm đầu máy ?*
— *Mấy em kia làm gì ? Nhơn bắt-chước xe lửa làm gì ?*
— *Tại sao xe ngừng ?*

Em thực-hành :

- Em huýt còi. Em huýt sáo. Em chạy lúp-xúp. Em chạy mau.
- Đố em :
  — Xe gì giống con rít, chạy trên đường rày.
  — Xe đạp là xe gì ? Xe lôi là xe gì ? Xe đò là xe gì ?
- Em vẽ : Đầu máy xe lửa.

1. chậm chậm.

62. TRÒ CHƠI : MÈO BẮT CHUỘT

Em quan-sát và kể chuyện :

Em đã chơi « Mèo bắt chuột » bao giờ chưa ?
— Muốn chơi « Mèo bắt chuột », học-sinh phải đứng thế nào ?
— Mấy em làm chuột ? Mấy em làm mèo ?

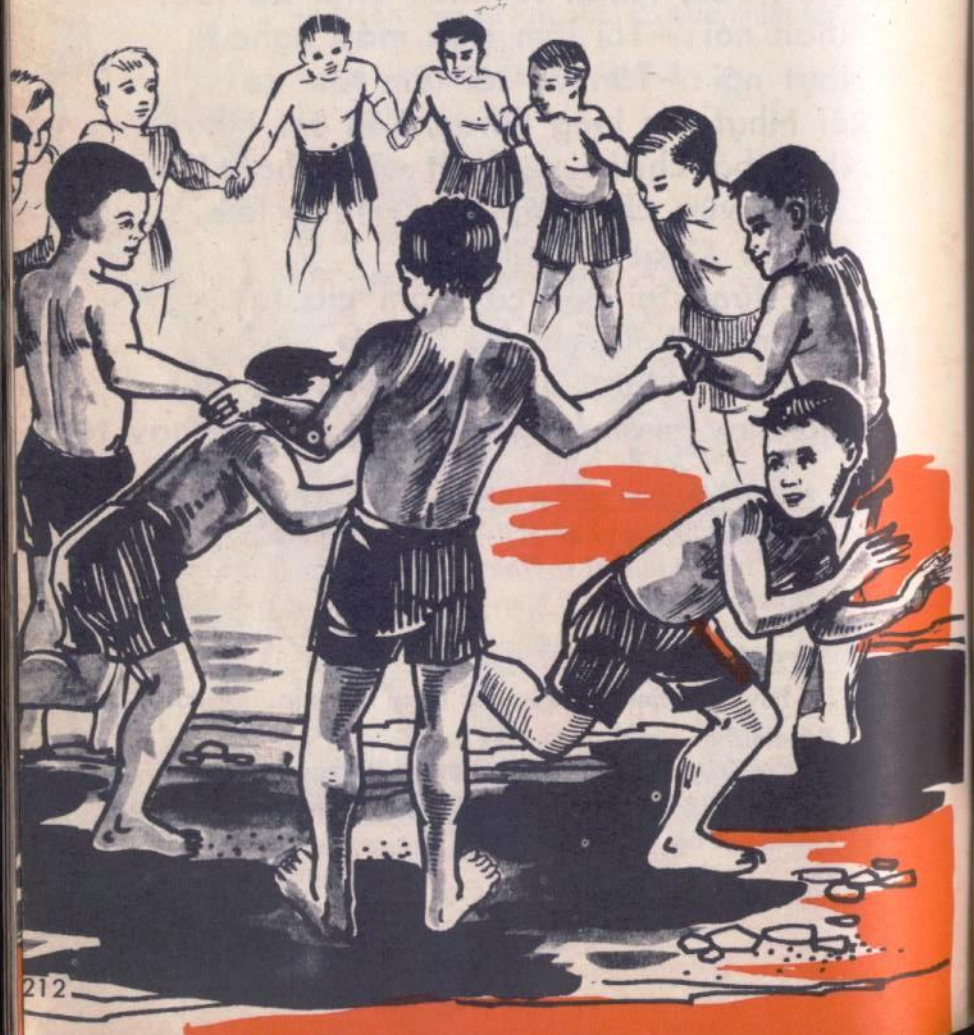

— Chuột phải chạy cách nào để trốn mèo ?
— Mèo có quyền đón đầu chuột không ?
— Vậy muốn bắt chuột, mèo phải làm sao ?

Em đọc bài :

Mèo bắt chuột

Học-sinh nắm tay nhau, đứng thành vòng tròn.
Nhơn làm chuột, Nhựt làm mèo.
Chuột và mèo chạy luồn qua các khoảng trống.
Chuột chạy qua khoảng nào thì mèo chạy qua khoảng ấy. Cuộc rượt bắt thật sôi-nổi.
Phương khen:— Chuột hay quá ! Cố lên !
Hùng la to :— Mèo giỏi quá ! Đừng cho chuột chạy khỏi !
Chạy chưa hết một vòng, mèo bắt được chuột.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Học-sinh nắm tay nhau và đứng thế nào ?*
— *Ai làm chuột ? Ai làm mèo ?*
— *Chuột và mèo chạy luồn qua đâu ?*
— *Cuộc rượt bắt ra sao ? Phương khen chuột thế nào ?*
— *Hùng nói gì ? Chạy được bao xa, mèo bắt được chuột ?*

Em thực-hành :

- Em tìm tiếng phản nghĩa với tiếng : khen, giỏi, to.
- Đố em : — Chuột lắt là chuột gì ? Chuột cống là chuột gì ?
  — Chuột ở ngoài đồng gọi là chuột gì ?
  — Chuột xạ là chuột gì ? Chuột bạch là chuột gì ?
- Em và các bạn chơi trò chơi « Mèo bắt chuột »

Giấu khăn

Một toán học-sinh nhỏ,
Vui đùa trên bãi cỏ,
Bày trò chơi giấu khăn,
Vào một đêm trăng tỏ.

Một em chạy thật mau
Ra tận mép mương cau.
Khăn giấu xong, em bảo :
— Các anh kiếm thử, nào.

Câu hỏi :

— *Toán học-sinh bày trò chơi gì ?*
— *Tại đâu ? Vào lúc nào ?*
— *Một em chạy đi đâu ? Làm chi vậy ?*
— *Giấu khăn xong, em nói gì ?*

63. TRÒ CHƠI : LIỆNG BANH

Em quan-sát và kể chuyện :

— Em đã chơi liệng banh bao giờ chưa ?
— Muốn chơi liệng banh, cần phải mấy toán ?
— Mỗi toán gồm độ mấy em ?
— Bắt đầu cuộc chơi, toán 1 đứng giữa thì toán 2 làm gì ?
— Khi một em bị banh chạm phải, em đó sẽ bị gì ?
— Khi nào một em được coi là thắng cuộc ?

Em đọc bài :

Nhơn liệng banh

Toán một đứng phía trong.

Toán hai của Nhơn vây quanh phía ngoài...
Nhơn vừa liệng banh vừa hô to : — Tránh nè !
Các em trong toán một cố tránh lằn banh.
Đứa nhảy qua bên mặt, đứa né sang bên trái.
Đứa ngồi xuống, đứa nhảy vọt lên...
Nhơn vỗ tay : — Hùng bị banh chạm vào lưng rồi.
Ra đứng vòng ngoài đi !
Nhựt lanh-lẹ lượm banh, liệng trở vô.
Cuối cùng chỉ còn Phương đứng giữa vòng.
Các bạn vỗ tay hoan nghinh Phương.

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Toán một đứng ở đâu ? Toán hai của Nhơn đứng ở đâu ?*
— *Nhơn cầm banh làm gì và nói gì ?*
— *Các em trong toán một làm gì khi banh bay vào giữa vòng vây ?*
— *Trái banh chạm vào lưng ai ? Kế đó Nhựt làm gì ?*
— *Tại sao Phương được hoan-nghinh ?*

Em thực-hành :

- Em chuyền banh. Em bắt banh. Em lượm banh. Em liệng banh.
- Em chọn tiếng : tránh và trốn.

  Nhựt và Nhơn chơi . . . . kiếm. Nhơn . . . xe để khỏi bị tai nạn. Nghe mèo kêu, chuột chạy . . . . . Chim khôn . . . . lưới . . . dò (1). Người khôn . . . . chốn ô-đô (2) mới khôn.
- Người ta có thể dùng trái banh để bày ra những trò chơi gì ?

1. bẫy,
2. hỗn-độn.

64. TRÒ CHƠI : TRỐN KIẾM

Em quan-sát và suy-nghĩ :

— Em biết chơi trốn kiếm không ?
Chơi trốn kiếm phải có mấy em ?
Trò chơi trốn kiếm còn gọi là gì nữa ?
— Trong hình, Nhơn đang làm gì ?
Các bạn Nhơn đang làm gì ?

Em đọc bài :

Trốn kiếm

Nhơn đứng lên, tay bịt mắt, miệng đọc :

— Úp lá khoai mười hai bông sứ.

Đứa lượm khoai mỡ, đứa lượm khoai từ.
Đứa đứng ngả tư, đứa ngồi ứ hự.
Nhơn đọc hết bài, mở mắt ra.
Các bạn đã chạy trốn cả rồi.
Nhơn đi tìm khắp nơi.
Kẹt tủ, sau cánh cửa, không có ai.
Sau hè cũng trống không.
Có tiếng cười khúc-khích ở góc nhà.
Nhơn reo lên :
— Dũng, Tứ đây rồi ! Ra đi hai anh !

Em tập nói chuyện và học tiếng :

— *Nhơn và các bạn tổ chức trò chơi gì ?*
— *Nhơn đứng lên làm gì ?*
— *Lúc Nhơn mở mắt ra, các bạn Nhơn ở đâu ?*
— *Nhơn kiếm các bạn ở những nơi nào ?*
— *Nhơn tìm được những ai ? Tại đâu ?*

Em thực-hành :

• Em bịt tai. Em bịt mắt.
Em cười khúc-khích. Em cười ngất. Em cười mỉm.

• Em chọn câu đúng :
Nhơn tìm Dũng, Tứ vì :
— Dũng, Tứ ngồi trốn im-lìm.
— Nhơn nghe tiếng cười của Dũng, Tứ.
— Dũng, Tứ chạy tung-tăng ngoài sân.

• Em xếp thành câu

tro chơi	bày	trốn kiếm	Nhơn và các bạn

Nhảy dây

Tí Tơ nắm hai đầu dây.
Vung lên, thả xuống luôn tay không ngừng.
Chi thì chụm cả hai chân.
Nhảy qua nhảy lại không ngưng phút nào.
Ban đầu còn nhảy hơi cao.
Sau rồi cuống cẳng vướng vào sợi dây.
Bây giờ Tí lại vào thay.

Câu hỏi :

— *Chi, Tí, Tơ chơi gì ?*
— *Ai nắm dây ? Ai nhảy trước ?*
— *Ban đầu Chi nhảy thế nào ?*
— *Khi nào Tí mới nhảy thay cho Chi ?*

Mèo rình chuột

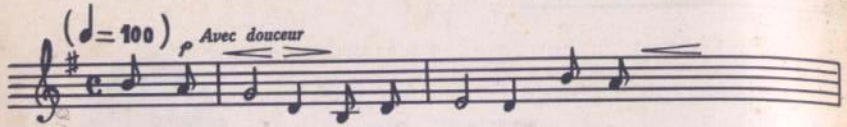

Mắt lim - dim, mõm kê lên chân, mèo vểnh hai

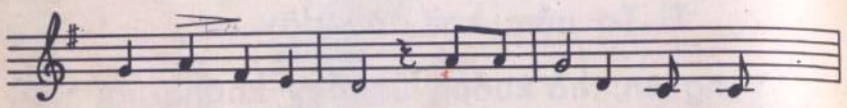

tai lắng nghe im lìm. Nó đứng lên, trông ra sân

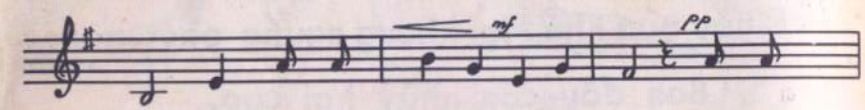

nhà. Chợt đâu đây có tiếng chuột lắt kêu. Phía dưới

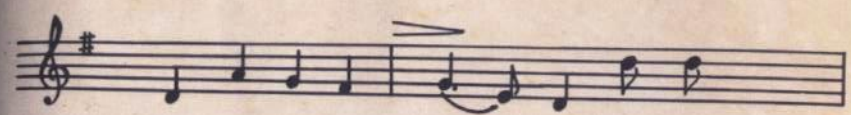

kẹt tủ con chuột đang thò đầu vểnh mõm

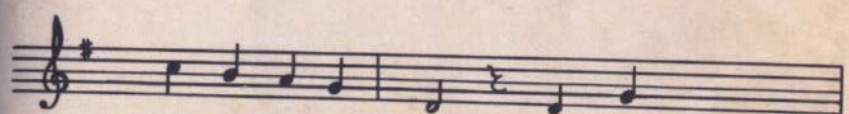

đôi mắt long lanh nhìn. Chuột ló

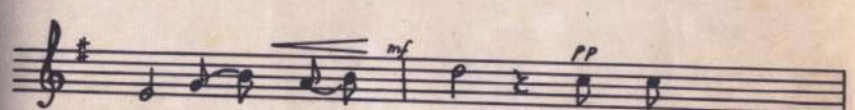

ra, mèo nhanh chân nhảy tới thoắt cái

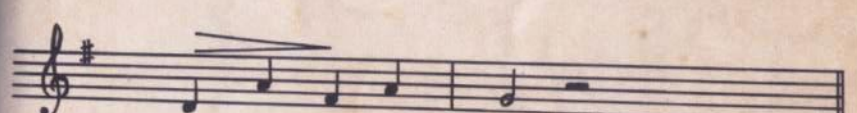

chuột lanh lẹ trở vô.

Nhân-dân Hoa-Kỳ
với sự hợp tác của
Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục
Việt-Nam Cộng-Hòa
thân tặng
các Trường Tiểu-học Việt-Nam

V9-05 (171)

RSC69CS(0000)